

**VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM
HỌC VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI**

ĐỖ HỒNG THỦY

**TỘI TRỘM CẤP TÀI SẢN THEO PHÁP LUẬT HÌNH SỰ
VIỆT NAM TỰ THỰC TIỄN HUYỆN ĐÔNG ANH
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

Ngành: Luật hình sự và Tố tụng hình sự

Mã số: 8 38 01 04

LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT HÌNH SỰ VÀ TỐ TỤNG HÌNH SỰ

NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC:

TS. PHẠM MINH TUYÊ

HÀ NỘI, 2018

LỜI CAM ĐOAN

Tác giả xin cam đoan luận văn này là công trình nghiên cứu của riêng tác giả. Các số liệu trong luận văn hoàn toàn chính xác. Toàn bộ nội dung trong luận văn không sao chép của bất cứ tác giả nào, trường hợp trích dẫn tài liệu để phân tích, trình bày đều có chú thích tác giả theo đúng quy định.

Tác giả luận văn

ĐỖ HÒNG THỦY

DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT

BLHS	Bộ luật hình sự
TCTS	Trộm cắp tài sản
TTCTS	Tội trộm cắp tài sản
CTTP	Cấu thành tội phạm
HĐTP	Hội đồng thẩm phán
QĐHP	Quyết định hình phạt
THTT	Tiến hành tố tụng
TNHS	Trách nhiệm hình sự
TAND	Tòa án nhân dân
TANDTC	Tòa án nhân dân tối cao
VKSND	Viện kiểm sát nhân dân

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU	1
Chương 1: NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VÀ QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT HÌNH SỰ VIỆT NAM VỀ TỘI TRỘM CẤP TÀI SẢN	6
1.1. Những vấn đề lý luận về tội trộm cắp tài sản	6
1.2 Phân biệt tội trộm cắp tài sản với một số tội xâm phạm quyền sở hữu khác được quy định trong BLHS	20
1.3. Quy định của pháp luật hình sự Việt Nam về tội trộm cắp tài sản	23
Chương 2: THỰC TIỄN ÁP DỤNG QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT HÌNH SỰ VIỆT NAM TỘI TRỘM CẤP TÀI SẢN TẠI HUYỆN ĐÔNG ANH....	32
2.1. Thực tiễn định tội danh đối với tội trộm cắp tài sản	32
2.2. Thực tiễn quyết định hình phạt	49
2.3. Những vi phạm, sai sót trong định tội danh và Quyết định hình phạt đối với tội trộm cắp tài sản tại huyện Đông Anh	59
Chương 3: CÁC YÊU CẦU VÀ GIẢI PHÁP BẢO ĐẢM ÁP DỤNG ĐÚNG QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT HÌNH SỰ VIỆT NAM VỀ TỘI TRỘM CẤP TÀI SẢN.....	67
3.1. Các yêu cầu bảo đảm áp dụng đúng quy định pháp luật hình sự Việt Nam về tội trộm cắp tài sản.	67
3.2. Các giải pháp bảo đảm áp dụng đúng quy định pháp luật hình sự Việt Nam về tội trộm cắp tài sản.....	68
KẾT LUẬN	79

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Quyền sở hữu là một trong những quyền cơ bản mà bất kỳ nhà nước nào cũng đều phải bảo vệ để duy trì sự ổn định phát triển của xã hội. Đặc biệt là trong thời gian hiện nay, cùng với sự nâng cao đời sống văn hóa- xã hội là sự phát triển của các tệ nạn, sự gia tăng của các loại tội phạm, trong đó có tội trộm cắp tài sản ngày càng tăng, diễn ra dưới nhiều phương thức và thủ đoạn đa dạng, phong phú đã gây khó khăn không nhỏ cho trật tự an toàn của toàn xã hội. Người thực hiện hành vi trộm cắp tài sản không những làm mất đi bản tính của con người mà còn thực hiện nhiều hành vi trái đạo đức xã hội, không những xâm phạm đến quyền lợi của Nhà nước mà còn xâm phạm đến quyền lợi của các công dân khác.

Tình hình tội phạm trên địa bàn huyện Đông Anh là một điển hình trong xu hướng phát triển của tội phạm trên toàn lãnh thổ Việt Nam. Do đặc thù huyện Đông Anh là một huyện thuộc khu vực thành phố Hà Nội, là huyện có điều kiện kinh tế và địa hình tương đối ổn định. Người dân ở đây chủ yếu sống phụ thuộc vào nông nghiệp, cây trồng và cây ăn quả và các hoạt động liên quan đến nuôi trồng thủy sản. Tuy nhiên, tình trạng người dân thiếu việc làm, không có kinh tế ổn định vẫn còn xảy ra nhiều. Trên địa bàn huyện đã xuất hiện những nhóm tội phạm có tính chất chuyên nghiệp, có sự phân công chặt chẽ giữa các đối tượng tham gia từ khâu thực hiện tội phạm đến tiêu thụ sản phẩm. Độ tuổi của người phạm tội ngày càng trẻ hóa, trong đó không ít người có lối sống buông thả, mắc các tệ nạn xã hội. Chính vì thế loại tội phạm liên quan đến trộm cắp tài sản là rất phổ biến và ngày càng manh động, từ đó biến tấu thành nhiều tội phạm khác nhau. Người phạm tội thường sử dụng các thủ đoạn khác nhau để chiếm đoạt tài sản của người khác như: Người phạm tội dùng những thủ đoạn gian dối để tiếp cận tài sản để đến khi có điều kiện đã lén lút chiếm đoạt tài sản của chủ sở hữu hoặc người quản lý tài sản; Người phạm tội lợi dụng chỗ đông người, chen lấn, xô đẩy để chiếm đoạt tài sản của người khác; Người phạm tội lợi dụng người quản lý tài sản không có mặt ở nơi để tài sản hoặc tài sản không có người trực

tiếp quản lý....gây thiệt hại về tài sản ở các mức độ khác nhau của chủ sở hữu hoặc người quản lý tài sản.

Trên địa bàn huyện Đông Anh hằng năm vẫn thụ lý và xét xử rất nhiều vụ án phạm tội trộm cắp tài sản (TCTS). Tổng cộng từ đầu năm 2013 đến cuối năm 2017, toàn huyện đã xét xử 243 vụ, 365 bị cáo phạm tội trộm cắp tài sản. Như vậy, số liệu trên đã thể hiện được tội phạm TCTS xảy ra trên địa bàn huyện là chiếm tỷ lệ cao.

Thực tiễn áp dụng các quy định của pháp luật hình sự để xử lý loại tội phạm này vẫn còn những nhận thức khác nhau; Nhiều văn bản hướng dẫn áp dụng các quy định của pháp luật hình sự về một số tình tiết vẫn chưa có sự thống nhất trong nhận thức áp dụng, có những trường hợp định sai tội danh, bỏ lọt tội phạm dẫn đến vụ án bị trả hồ sơ để điều tra bổ sung hoặc bị sửa, hủy.... Việc khởi tố vụ án theo yêu cầu của người bị hại xuất hiện nhiều vấn đề phức tạp như đối tượng phạm tội mua chuộc, đe dọa người bị hại dẫn đến không dám yêu cầu khởi tố,... Tình hình trên do nhiều nguyên nhân khác nhau, trong đó có nguyên nhân chủ quan và nguyên nhân khách quan. Với ý nghĩa góp phần giải đáp những vướng mắc, bất cập nói trên, đồng thời đóng góp những tri thức lý luận nhằm phục vụ công tác nghiên cứu khoa học pháp luật hình sự và phục vụ cho công tác đấu tranh phòng và chống loại tội phạm này trong giai đoạn hiện nay, tác giả đã chọn **“Tội trộm cắp tài sản theo pháp luật hình sự Việt Nam từ thực tiễn huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội”** làm đề tài luận văn thạc sĩ luật học của mình.

2. Tình hình nghiên cứu đề tài

Thực tế trước đây đã có một số đề tài, công trình nghiên cứu khoa học về tội trộm cắp tài sản của một số tác giả như: Tội trộm cắp tài sản theo pháp luật hình sự Việt Nam từ thực tiễn quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Hà Nội 2016, của tác giả Nguyễn Thị Thúy Hạnh, Tội trộm cắp tài sản theo pháp luật hình sự Việt Nam từ thực tiễn huyện Thường Tín, Thành phố Hà Nội, Hà Nội 2016 của tác giả Dương Anh Tuấn, Tội trộm cắp tài sản theo pháp luật hình sự Việt Nam từ thực tiễn huyện Nghĩa Hưng, tỉnh Nam Định, Hà Nội 2016 của tác giả Trần

Văn Dầu..... Tuy nhiên những luận văn trên cũng có những khác biệt do những khác biệt về đặc thù kinh tế, chính trị, xã hội hay đơn giản nhất là khác biệt về địa lý từng vùng miền cũng như chưa có công trình khoa học nào nghiên cứu một cách tổng thể, có hệ thống về tội trộm cắp tài sản trong BLHS Việt Nam trên cơ sở số liệu ở địa bàn huyện Đông Anh. Vì vậy, việc nghiên cứu về tội trộm cắp tài sản theo pháp luật hình sự Việt Nam trên địa bàn huyện Đông Anh - sẽ mang tới những cái nhìn mới mẻ hơn về thực tiễn của loại tội phạm này.

3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

3.1. Mục đích nghiên cứu

Mục đích của luận văn hướng tới việc nghiên cứu sâu sắc thêm về mặt lý luận của các quy định của pháp luật về tội trộm cắp tài sản thông qua việc nghiên cứu, đánh giá thực tiễn loại tội phạm này tại huyện Đông Anh, từ đó đề ra các biện pháp bảo đảm áp dụng đúng quy định của pháp luật hình sự Việt Nam về tội trộm cắp tài sản.

3.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

Để làm sáng tỏ các mục đích nghiên cứu trên, luận văn đi vào thực hiện những nhiệm vụ sau:

- Nghiên cứu về các vấn đề lý luận chung của tội trộm cắp tài sản theo quy định của pháp luật hình sự Việt Nam.
- Nghiên cứu về thực tiễn định tội danh và thực tiễn QĐHP đối với tội trộm cắp tài sản trên địa bàn huyện Đông Anh trong thời gian 05 năm (từ năm 2013 đến năm 2017).
- Đề xuất một số biện pháp bảo đảm áp dụng đúng quy định pháp luật hình sự Việt Nam về tội trộm cắp tài sản.

4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

4.1. Đối tượng nghiên cứu

Những vấn đề lý luận và quy định của pháp luật hình sự Việt Nam, thực tiễn việc áp dụng định tội danh và quyết định hình phạt trong giai đoạn xét xử vụ án về tội trộm cắp tài sản.

4.2. Phạm vi nghiên cứu

Những vấn đề lý luận quy định của pháp luật hình sự về tội trộm cắp tài sản và thực tiễn trong việc định tội danh và QĐHP đối với tội này huyện Đông Anh trong thời gian 05 năm, từ năm 2013 đến năm 2017.

5. Cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu

Luận văn giải quyết các nội dung khoa học của đề tài dựa trên cơ sở phương pháp luận của chủ nghĩa duy vật biện chứng của Triết học Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh; các đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng; các văn bản quy phạm pháp luật do Nhà nước ban hành; các đề tài, công trình nghiên cứu khoa học trước đó và các tài liệu tham khảo chuyên ngành. Đồng thời, luận văn cũng sử dụng các phương pháp nghiên cứu chuyên ngành như: phương pháp phân tích tổng hợp, phương pháp thống kê số liệu; phương pháp so sánh đối chiếu, phương pháp logic, phương pháp khảo sát, thực tiễn.

6. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn của luận văn

Luận văn là công trình nghiên cứu khoa học của tác giả dưới góc độ luật hình sự, có ý nghĩa về mặt lý luận cũng như thực tiễn đối với công tác đấu tranh phòng ngừa và chống tội phạm tội trộm cắp tài sản trên địa bàn huyện Đông Anh nói riêng và trên phạm vi cả nước nói chung.

Về mặt lý luận, luận văn là công trình đóng góp cho việc hoàn thiện hơn về nhận thức của chúng ta và đặc biệt là các cơ quan áp dụng pháp luật đối với bản chất loại tội phạm này, đồng thời luận văn còn có ý nghĩa góp phần làm phong phú thêm nguồn tài liệu tham khảo nhằm phục vụ công tác giảng dạy và nghiên cứu khoa học pháp luật hình sự.

Về mặt thực tiễn, kết quả nghiên cứu thể hiện trong luận văn là tư liệu tham khảo cho các cơ quan THTT và người THTT trên địa bàn huyện Đông Anh cũng như trên phạm vi toàn quốc áp dụng đúng các quy định của pháp luật về tội phạm này trong thực tiễn, nhận thức đầy đủ và chính xác trong việc định tội danh và QĐHP đối với loại tội phạm này, tránh bỏ lọt tội phạm và xử lý oan người vô tội, đóng góp cho việc nâng cao hiệu quả công tác đấu tranh và phòng, chống tội phạm. Bên cạnh đó, luận văn còn là nguồn tài liệu tham khảo cho sinh viên, học

viên cao học và nghiên cứu sinh chuyên ngành Luật hình sự và tổ tụng hình sự tại các cơ sở đào tạo luật trên cả nước.

7. Cơ cấu của luận văn

Ngoài phần mở đầu, kết luận và danh mục tài liệu tham khảo, luận văn được cơ cấu thành ba chương:

Chương 1: Những vấn đề lý luận và quy định của pháp luật hình sự Việt Nam về tội trộm cắp tài sản.

Chương 2: Thực tiễn áp dụng quy định của pháp luật hình sự Việt Nam về tội trộm cắp tài sản tại huyện Đông Anh.

Chương 3: Các yêu cầu và giải pháp bảo đảm áp dụng đúng quy định của pháp luật hình sự Việt Nam về tội trộm cắp tài sản

Chương 1

NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VÀ QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT HÌNH SỰ VIỆT NAM VỀ TỘI TRỘM CẤP TÀI SẢN

1.1. Những vấn đề lý luận về tội trộm cắp tài sản

1.1.1. Khái niệm

Trong khoa học pháp lý hình sự, khái niệm tội phạm được các nhà nghiên cứu đưa ra các định nghĩa và quan điểm khác nhau. Theo GS.TS Nguyễn Ngọc Hòa và PGS.TS Lê Thị Sơn thì: “*Tội phạm là hành vi nguy hiểm cho xã hội, có lỗi, trái pháp luật hình sự và phải chịu hình phạt*”. [10, tr. 253]

Như vậy, về mặt khoa học các nhà nghiên cứu đã đưa ra định nghĩa tội phạm là hành vi nguy hiểm cho xã hội được quy định trong BLHS; do người có năng lực TNHS và đủ tuổi chịu TNHS thực hiện; người phạm tội thực hiện hành vi phạm tội một cách có lỗi (có ý hoặc vô ý) và tội phạm xâm phạm đến một hoặc nhiều quan hệ xã hội được Luật hình sự ghi nhận và bảo vệ.

Theo quy định BLHS năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 (khoản 1 Điều 8 BLHS) khái niệm tội phạm: *Tội phạm là hành vi nguy hiểm cho xã hội được quy định trong Bộ luật Hình sự, do người có năng lực trách nhiệm hình sự hoặc pháp nhân thương mại thực hiện một cách cố ý hoặc vô ý, xâm phạm độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ Tổ quốc, xâm phạm chế độ chính trị, chế độ kinh tế, nền văn hóa, quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội, quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, xâm phạm quyền con người, quyền, lợi ích hợp pháp của công dân, xâm phạm những lĩnh vực khác của trật tự pháp luật xã hội chủ nghĩa mà theo quy định của Bộ luật này phải bị xử lý hình sự.*”

Theo quy định trên của BLHS thì về cơ bản, khái niệm tội phạm vẫn giữ tinh thần của BLHS năm 1999 và chỉ sửa đổi mang tính khái quát cao hơn về quyền con người, quyền, lợi ích hợp pháp của công dân và bổ sung trách nhiệm hình sự của pháp nhân thương mại. Nội hàm của khái niệm tội phạm có các dấu hiệu cơ bản làm căn cứ để phân biệt tội phạm với những hành vi không phải là tội phạm, đó là: tính nguy hiểm cho xã hội, tính có lỗi, tính trái pháp luật hình sự và tính phải chịu hình phạt.

Theo quy định tại Điều luật, CTTP của tội trộm cắp tài sản không mô tả rõ thế nào là hành vi trộm cắp tài sản. Tuy nhiên, trên cơ sở khái niệm và các dấu hiệu của tội phạm, các quy định của BLHS hiện hành, có tác giả đã đưa ra khái niệm về tội trộm cắp tài sản như sau:

“Tội trộm cắp tài sản là hành vi lén lút lấy tài sản của chủ sở hữu hoặc người có trách nhiệm quản lý tài mà không dùng vũ lực hoặc đe dọa dùng vũ lực hoặc bất cứ một thủ đoạn nào nhằm uy hiếp tinh thần của người quản lý tài sản. Thông thường người phạm tội lợi dụng sự mất cảnh giác của người quản lý tài sản để lấy tài sản mà người quản lý tài sản không hề biết.”[11, tr. 96 - 97]

Trước hết, tội trộm cắp tài sản là một tội phạm cụ thể, nó có đầy đủ các dấu hiệu của một tội phạm, đó là:

Tính nguy hiểm cho xã hội: Được biểu hiện ở chỗ người phạm tội có hành vi tác động trái pháp luật tài sản của chủ sở hữu dẫn đến việc chủ sở hữu mất quyền chiếm hữu, sử dụng, định đoạt tài sản với giá trị nhất định.

Tính có lỗi: Lỗi là trạng thái tâm lý bên trong của người phạm tội đối với hành vi phạm tội do mình gây ra. Theo quy định của BLHS, lỗi của người có hành vi TCTS là lỗi cố ý. Tức người phạm tội nhận thức rõ hành vi tác động trái pháp luật lên tài sản của người khác, gây thiệt hại về tài sản, cụ thể là giá trị tài sản của chủ sở hữu hoặc người quản lý tài sản. Người phạm tội trộm cắp tài sản thực hiện hành vi lén lút nhằm chiếm đoạt tài sản. Mục đích chiếm đoạt tài sản là dấu hiệu bắt buộc của cấu thành tội trộm cắp tài sản.

Tính trái pháp luật hình sự: Tội trộm cắp tài sản thể hiện ở việc người phạm tội thực hiện những hành vi bị Luật hình sự ngăn cấm và bảo vệ tại Điều 173 BLHS 2017.

Tính chịu hình phạt: Theo quy định của BLHS, chỉ có hành vi phạm tội mới phải chịu hình phạt theo quy định của BLHS. Đối với tội trộm cắp tài sản, các hình phạt được quy định trong BLHS để áp dụng đối với người thực hiện tội phạm này là: cải tạo không giam giữ, tù có thời hạn.

Cũng từ khái niệm trên, tội trộm cắp tài sản được hiểu là:

Hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản của người khác một cách trái pháp luật, Tính chất lén lút (bí mật) của hành vi trộm cắp tài sản thể hiện ở chỗ người phạm tội giấu diếm hành vi phạm tội của mình. Lén lút, đối lập với công khai trắng trợn. Tuy nhiên, lén lút không phải đặc trưng duy nhất của tội trộm cắp tài sản, mà trong nhiều tội phạm người phạm tội cũng lén lút nhưng là để thực hiện một mục đích khác như: Lén vào nhà người khác để đặt mìn nhằm mục đích giết hại những người trong gia đình họ, lén vào phòng ngủ của phụ nữ để thực hiện hành vi hiếp dâm. v.v...

Tội trộm cắp tài sản có dấu hiệu bắt buộc là mục đích chiếm đoạt tài sản; Hành vi phạm tội được thực hiện với lỗi cố ý; Chủ thể: Là người đủ độ tuổi theo quy định và có năng lực TNHS.

Từ những phân tích trên, tác giả đưa ra khái niệm tội trộm cắp tài sản: *Là hành vi nguy hiểm cho xã hội được người có năng lực trách nhiệm hình sự và đủ độ tuổi chịu trách nhiệm hình sự xâm phạm quyền sở hữu tài sản của người khác với lỗi cố ý.*

1.1.2. Các dấu hiệu pháp lý của tội trộm cắp tài sản

Dấu hiệu pháp lý của tội trộm cắp tài sản được thể hiện qua 4 yếu tố CTTP, đó là: Khách thể của tội phạm; Chủ thể của tội phạm. Mặt khách quan của tội phạm; Mặt chủ quan của tội phạm. Do vậy, việc xác định dấu hiệu pháp lý đặc trưng của tội phạm nói chung và “tội trộm cắp tài sản” nói riêng chính là việc xác định cụ thể 4 yếu tố nói trên.

1.1.2.1. Khách thể của tội trộm cắp tài sản

Theo quy định của pháp luật hình sự, khách thể của tội phạm là tổng hợp các quan hệ xã hội được luật hình sự bảo vệ và bị tội phạm xâm hại. Thực tiễn cho thấy, khách thể của tội trộm cắp tài sản có nhiều quan điểm khác nhau, tuy nhiên đa số các ý kiến cho rằng khách thể của tội TCTS có xâm phạm đến quan hệ sở hữu. Bên cạnh đó, một vài ý kiến còn cho rằng, khách thể của TTCTS còn có trật tự an toàn xã hội hoặc là quan hệ về trật tự trị an, an toàn xã hội, trật tự pháp luật xã hội chủ nghĩa trong trường hợp tài sản bị mất là tài sản do phạm tội mà có (như tài sản có được do đánh bạc, do trộm cắp, cướp giật, tham ô...), hoặc

do chiếm hữu bất hợp pháp (như cố ý mua lại tài sản của kẻ gian, tài sản có được do dùng thủ đoạn gian dối...)¹ Tóm lại, trong khoa học pháp lý cũng như trong thực tiễn các ý kiến đều thống nhất khách thể của tội trộm cắp tài sản là những quan hệ xã hội được luật hình sự bảo vệ và bị tội phạm xâm hại gây thiệt hại về tài sản ở một mức độ nhất định.

Khách thể của tội trộm cắp tài sản cũng tương tự như tội có tính chất chiếm đoạt khác, nhưng tội trộm cắp tài sản không xâm phạm đến quan hệ nhân thân mà chỉ xâm phạm đến quan hệ sở hữu, đây cũng là một điểm khác với các tội cướp tài sản, tội bắt cóc nhằm chiếm đoạt tài sản, tội cướp giật tài sản, đặc điểm này được thể hiện trong cấu thành tội trộm cắp tài sản nhà làm luật không quy định thiệt hại về tính mạng, sức khỏe là tình tiết định khung hình phạt. Vì vậy, nếu sau khi đã chiếm đoạt được tài sản, người phạm tội bị đuổi bắt mà có hành vi chống trả để tẩu thoát, gây chết người hoặc gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác thì tùy từng trường hợp cụ thể mà người phạm tội còn phải bị truy cứu trách nhiệm hình sự về tội giết người hoặc tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác.

1.1.2.2. Mặt khách quan của tội trộm cắp tài sản

Mặt khách quan của tội trộm cắp tài sản là mặt bên ngoài của tội phạm, bao gồm những biểu hiện của tội phạm diễn ra hoặc tồn tại bên ngoài thế giới khách quan. Dấu hiệu của mặt khách quan của tội phạm là những biểu hiện ra bên ngoài bằng giác quan mà con người có thể nhận biết được bao gồm: Hành vi nguy hiểm cho xã hội; Hậu quả nguy hiểm cho xã hội; Mối quan hệ nhân quả giữa hành vi và hậu quả.

Trong mặt khách quan của tội trộm cắp tài sản, hành vi khách quan là dấu hiệu cơ bản và quan trọng nhất. Hành vi khách quan của tội trộm cắp tài sản là những biểu hiện của con người ra bên ngoài thế giới khách quan nhưng không được ý thức kiểm soát hoặc tuy được ý thức kiểm soát nhưng không được ý chí điều khiển thì cũng không phải là hành vi khách quan của tội phạm. Hành vi

¹ Ths. Thái Chí Bình, Tội trộm cắp tài sản - một số vấn đề lý luận và thực tiễn- Tòa án nhân dân Tp. Châu Đốc, tỉnh An Giang

khách quan của Tội trộm cắp tài sản là hành vi chiếm đoạt tài sản một cách trái pháp luật. Hành vi chiếm đoạt này được phân biệt với hành vi chiếm đoạt của các tội khác bởi hai dấu hiệu. Đó là dấu hiệu lén lút và dấu hiệu tài sản đang có chủ.

Thứ nhất, dấu hiệu lén lút: Để chiếm đoạt được tài sản của người khác thì người phạm tội phải thực hiện hành vi chiếm đoạt. Tuy nhiên, điểm khác biệt cơ bản giữa hành vi chiếm đoạt của TTCTS với các tội có tính chất chiếm đoạt khác là tính lén lút (hoặc thủ đoạn lén lút), với thủ đoạn lợi dụng sơ hở, mất cảnh giác của người quản lý tài sản, không trông giữ cẩn thận hoặc lợi dụng vào hoàn cảnh khách quan khác như: chen lấn, xô đẩy, nhằm tiếp cận tài sản để thực hiện hành vi chiếm đoạt mà người quản lý tài sản không biết. Điều đó có nghĩa là, hình thức thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản của người phạm tội có khả năng không cho phép chủ tài sản biết có hành vi chiếm đoạt khi hành vi này xảy ra.²

Theo Từ điển tiếng Việt, lén lút có nghĩa “vụng trộm, không để lộ ra” và lén là “bí mật, bất ngờ, không để ai thấy, ai biết”³. Tuy nhiên, trong thực tiễn điều tra, truy tố, xét xử TTCTS thì việc xác định chủ thể mà người phạm tội phải che dấu hành vi phạm tội của mình cũng có nhiều dạng khác nhau. Thông thường thủ đoạn lén lút được thể hiện qua các dạng sau: (1) Che dấu hành vi chiếm đoạt đối với mọi người như: thực hiện hành vi vào lúc đêm khuya khi mọi người đã ngủ; chờ khi nơi giữ tài sản không còn ai trực tiếp trông coi; tìm những chỗ ít hoặc không có người qua lại để thực hiện hành vi phạm tội; (2) Chỉ che dấu hành vi chiếm đoạt đối với chủ sở hữu, người quản lý tài sản nhưng công khai hành vi chiếm đoạt của mình đối với những người khác. Việc xác định đối tượng bị người phạm tội che dấu hành vi chiếm đoạt trong trường hợp (1) tương đối đơn giản. Tuy nhiên, việc xác định đối tượng bị người phạm tội che dấu hành vi chiếm đoạt trong trường hợp (2) không hề đơn giản, ngược lại còn rất phức tạp. Thông thường việc công khai hành vi chiếm đoạt đối với những người khác thể hiện qua 02 hình thức sau:

² Trường Đại học Luật Hà Nội (2012), Giáo trình luật hình sự Việt Nam - Tập 2, Nxb. Công an nhân dân, tr.34.

³ Nguyễn Như Ý, Đỗ Xuân Việt, Phan Xuân Thành, 2006, Từ điển tiếng Việt căn bản, Nxb. Thanh Niên, tr.377.

Một là, công khai sự vi phạm pháp luật của hành vi. Đó là trường hợp, người phạm tội chỉ thực hiện việc che giấu hành vi chiếm đoạt đối với chủ tài sản; còn những người khác, người phạm tội không che giấu hành vi phạm tội của mình. Ví dụ, người phạm tội lợi dụng chỗ đông người để chen lấn, xô đẩy người khác rồi thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản của chủ sở hữu.

Hai là, công khai thực hiện hành vi, nhưng bản chất chiếm đoạt của hành vi đã được che đậy. Đó là trường hợp, người phạm tội đã sử dụng các thủ đoạn khác nhau để che giấu bản chất tội phạm của hành vi nhưng việc thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản của họ lại công khai như: giả là nhân viên của của các đơn vị mang tính công cộng (như: điện lực, bưu điện, công trình công cộng...) đi bảo trì, sửa tài sản được đặt ở những nơi công cộng rồi chiếm đoạt các tài sản đó; giả vờ xin ngủ nhờ, xin làm thuê để có điều kiện tiếp cận tài sản thực hiện hành vi chiếm đoạt...⁴

Tội trộm cắp tài sản diễn ra với nhiều hình thức, thủ đoạn đa dạng, phức tạp, thực tiễn xét xử cho thấy có nhiều trường hợp dễ nhầm lẫn với các tội phạm khác, có khi chúng ta xác định hành vi đó là tội trộm cắp, nhưng lại không phải, ngược lại có trường hợp được xác định không phải là hành vi trộm cắp nhưng lại đúng là trộm cắp. Đối với các trường hợp này thường nhầm với tội công nhiên chiếm đoạt tài sản, tội cướp giật tài sản, tội cướp tài sản. Để xác định hành vi trộm cắp tài sản và phân biệt tội trộm cắp với một số tội phạm khác gần kề, chúng ta nghiên cứu một số dạng trộm cắp tài sản có tính chất đặc thù sau:

- Người phạm tội dùng những thủ đoạn gian dối để tiếp cận tài sản để đến khi có điều kiện đã lén lút chiếm đoạt tài sản của chủ sở hữu hoặc người quản lý tài sản. Ví dụ: Anh Nguyễn Cảnh H vào cửa hàng điện thoại của anh Hà Đăng T giả vờ hỏi mua điện thoại Samsung S8. Khi anh T đưa điện thoại cho H để xem và kiểm tra, H yêu cầu T tư vấn rất rõ ràng và có thương lượng giá cả. Tuy nhiên, vào ngay lúc đó anh T đang mãi tiếp 1 khách khác nên cứ để cho H kiểm tra kỹ điện thoại. Lợi dụng lúc anh T đang tiếp khách, H đã lén lút cầm điện thoại chạy mất. Hành vi này của H đã dùng thủ đoạn giả vờ, lừa dối anh T là

⁴ Đinh Văn Quế (2006), Bình luận khoa học BLHS năm 1999 – Phần riêng, Nxb thành phố Hồ Chí Minh.

mình mua điện thoại để khi tiếp cận được điện thoại, H đã lén lút lấy điện thoại và bỏ chạy.

- Người phạm tội lợi dụng chỗ đông người, chen lấn, xô đẩy để chiếm đoạt tài sản của người khác. Ví dụ: Dương Công X lợi dụng lúc mọi người đang hò hét để đón thần tượng Kpop của mình đã cố tình chen lấn, xô đẩy người khác để lấy trộm chiếc điện thoại Iphone X trị giá 12.000.000 đồng trong túi xách của chị Nguyễn Thị H.

- Người có hành vi trộm cắp tài sản lợi dụng người quản lý tài sản không có mặt ở nơi để tài sản hoặc tài sản không có người trực tiếp quản lý nên đã chiếm đoạt. Ví dụ: Nguyễn Văn A là bộ đội đi nghĩa vụ quân sự, vào buổi tối trong lúc đang canh gác, A lợi dụng lúc Trần Văn B là người quản lý kho chứa vũ khí quân dụng không có mặt ở đó đã lén lút vào chiếm đoạt 1 khẩu súng quân dụng tại quân đội nhân dân.

Thứ hai, dấu hiệu tài sản đang có chủ: Trước hết, về mặt vật lý, tài sản là đối tượng tác động của tội “Trộm cắp tài sản” phải là một dạng vật chất cụ thể và tồn tại dưới dạng là một động sản. Tài sản là đối tượng của tội trộm cắp tài sản phải là tài sản đang có chủ. Điều đó có nghĩa là tài sản còn nằm trong sự chiếm hữu của người chủ, tức là tài sản này đang chịu sự chi phối về mặt thực tế của người chủ tài sản hoặc người quản lý tài sản.⁵ Là tài sản có giá trị hoặc giá trị sử dụng; Tài sản do chiếm hữu không hợp pháp. Người chủ tài sản có thể thực hiện các quyền sở hữu về tài sản như sử dụng, định đoạt tài sản... hoặc tài sản đang còn trong khu vực quản lý, bảo quản của chủ tài sản.

Hậu quả do hành vi trộm cắp tài sản gây ra chính là thiệt hại do hành vi khách quan gây ra cho quan hệ sở hữu. Nói chung, tài sản bị chiếm đoạt do hành vi trộm cắp gây ra là tiền các loại, hàng hoá và các giấy tờ có giá trị thanh toán như phiếu công trái, ngân phiếu sở hữu. Thực tiễn xét xử cho thấy nhiều trường hợp người bị hại không bị mất tài sản mà chỉ mất các giấy tờ chứng nhận quyền sở hữu tài sản như: giấy chứng minh nhân dân; bằng đại học; giấy chứng nhận quyền sở hữu về nhà ở; giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.v.v...Các trường hợp này, thông thường người phạm tội thực hiện hành vi trộm cắp nhưng không biết tài sản mà mình định trộm cắp là bao nhiêu, gồm những loại tài sản nào như:

⁵ Xem: Nghị quyết số 01-89/HĐTP ngày 19/4/1989 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

trộm cắp túi xách, cặp, ví,...nhưng sau khi kiểm tra không có tiền hoặc tài sản có giá trị mà chỉ có các giấy tờ trên. Có trường hợp người phạm tội tìm cách bắt người bị hại phải chuộc lại các giấy tờ này với số tiền rất lớn. Vậy các loại giấy tờ trên, có coi là tài sản (đối tượng tác động của hành vi trộm cắp hay không ? Trước hết, cần khẳng định rằng, các giấy tờ trên, dù có thể đem bán, đem trao đổi với giá trị lớn nhưng không thể coi đó là tài sản, nó chỉ là giấy tờ chứng nhận về tài sản nên nó không phải là đối tượng tác động của hành vi trộm cắp, nếu người phạm tội chỉ có ý định trộm cắp các loại giấy tờ trên để thực hiện một mục đích khác thì họ sẽ bị truy cứu trách nhiệm hình sự về hành vi sử dụng giấy tờ đó vào mục đích của họ. Hậu quả của hành vi trộm cắp tài sản là thiệt hại về tài sản có giá trị từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc các trường hợp sau đây thì cũng phạm tội:

a) Đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi chiếm đoạt tài sản mà còn vi phạm

Đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi chiếm đoạt tài sản mà còn vi phạm là trước đó một người đã bị xử phạt hành chính về một trong những hành vi được liệt kê trong tội đó bằng một trong các hình thức xử phạt theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính, nhưng chưa hết thời hạn để được coi là chưa bị xử phạt vi phạm hành chính mà lại thực hiện một trong những hành vi được liệt kê trong tội đó.⁶

Theo khoản 1 Điều 3 Thông tư liên tịch số 27/2015/ TTLT-BCT-BCA-VKSNDTC-TANDTC quy định: “1. *Đã bị xử phạt hành chính về hành vi chiếm đoạt là trước đó đã bị xử phạt hành chính theo quy định của Luật xử lý vi phạm hành chính hoặc đã bị xử lý kỷ luật theo quy định của pháp luật về xử lý kỷ luật đối với công chức, viên chức, Điều lệnh, Điều lệ của lực lượng vũ trang nhân dân hoặc đã bị xử lý kỷ luật theo quy định của cơ quan có thẩm quyền về một trong các hành vi: Cướp tài sản; bắt cóc nhằm chiếm đoạt tài sản; cưỡng đoạt tài sản; cướp giật tài sản; công nhiên chiếm đoạt tài sản; trộm cắp tài sản; lừa đảo chiếm đoạt tài sản; lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản; tham ô tài sản;*

⁶ Nghị quyết số 01/2006/NQ-HĐTP của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao ngày 12/5/2006

lạm dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản nhưng chưa hết thời hạn để được coi là chưa bị xử phạt hành chính, xử lý kỷ luật.

Hết thời hạn để được coi là chưa bị xử phạt hành chính, xử lý kỷ luật là hết thời hạn do Luật xử lý vi phạm hành chính, pháp luật về xử lý kỷ luật đối với công chức, viên chức, Điều lệnh hoặc Điều lệ của lực lượng vũ trang nhân dân quy định. Đối với các trường hợp bị xử lý mà chưa có quy định về thời hạn để hết thời hạn đó, người bị xử lý được coi là chưa bị xử lý, thì thời hạn đó là 01 năm, kể từ ngày bị xử lý.”

b) Đã bị kết án về tội này hoặc về một trong các tội quy định tại các điều 168, 169, 170, 171, 172, 174, 175 và 290 của Bộ luật này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm.

Đây là trường hợp, trước khi thực hiện hành vi trộm cắp tài sản mới, người phạm tội đã bị Tòa án kết án về tội trộm cắp tài sản hoặc về một trong các tội có tính chất chiếm đoạt quy định tại các điều 168, 169, 170, 171, 172, 174, 175 và 290 của Bộ luật này nhưng chưa được xóa án tích theo quy định tại Điều 69 Bộ luật hình sự 2017; nếu người phạm tội bị kết án về tội phạm khác (không phải là tội chiếm đoạt) thì cũng không thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự 2017.

c) Gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội

Hiện nay chưa có văn bản hướng dẫn nào giải thích về tình tiết “Gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội”. Tuy nhiên, chúng ta cần hiểu những khái niệm cơ bản như:

- An ninh quốc gia là sự ổn định và phát triển bền vững về mọi mặt của một chế độ xã hội độc lập, chủ quyền, thống nhất toàn vẹn lãnh thổ của một quốc gia và bảo vệ an ninh quốc gia là phòng ngừa, phát triển đấu tranh ngăn chặn làm thất bại mọi âm mưu, hoạt động xâm hại đến an ninh quốc gia.

- Trật tự an toàn xã hội: là trạng thái xã hội bình yên, trong đó mọi người được sống yên ổn trên cơ sở các quy phạm pháp luật, các quy tắc và chuẩn mực đạo đức, pháp lí xác định và giữ gìn trật tự an toàn xã hội: là phòng ngừa, phát

hiện, ngăn chặn, đấu tranh chống tội phạm và các hành vi vi phạm pháp luật về trật tự an toàn xã hội.

Như vậy, nói đến trật tự an toàn xã hội là nói đến tình trạng ổn định, có trật tự, kỷ cương của xã hội. Trật tự, kỷ cương đó được xác lập trên cơ sở các quy tắc xử sự chung do Nhà nước ban hành (được gọi là những quy phạm pháp luật) và những giá trị xã hội, chuẩn mực đạo đức truyền thống được mọi người trong xã hội thừa nhận, tôn trọng, tuân thủ và nhờ đó mà mọi người có được cuộc sống yên ổn. Nói cách khác: Trật tự an toàn xã hội là trạng thái xã hội có trật tự, kỷ cương, trong đó mọi người có cuộc sống yên ổn trên cơ sở các quy phạm pháp luật và chuẩn mực đạo đức, pháp lý xác định. Công tác đảm bảo trật tự an toàn xã hội là giữ gìn trạng thái bình yên, an toàn, có trật tự, kỷ cương của xã hội, là phòng ngừa, phát hiện, ngăn chặn, đấu tranh chống tội phạm, tệ nạn và các hành vi vi phạm pháp luật có ảnh hưởng đến trạng thái đó và công tác bảo đảm trật tự an toàn xã hội là nhiệm vụ của toàn Đảng, toàn dân.⁷

Từ khái niệm trên, chúng ta xác định “gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội” là phải nói đến hành vi của một cá nhân, pháp nhân làm phá vỡ trật tự, kỷ cương của xã hội một cách nghiêm trọng, khiến cho một bộ phận không nhỏ người dân mất niềm tin, xâm phạm quyền, lợi ích hợp pháp của công dân, phá vỡ quy tắc xử sự chung do nhà nước ban hành; xâm phạm những giá trị xã hội, chuẩn mực đạo đức được mọi người tôn trọng, thừa nhận, tuân thủ. Tuy nhiên, trên thực tế khi áp dụng tình tiết này sẽ gặp những khó khăn nhất định vì chưa có hướng dẫn cụ thể, từ đó, dễ có cách hiểu, nhận thức thiếu thống nhất dẫn đến dễ bị lạm dụng vì đây là tình tiết mà hậu quả mang tính phi vật chất.⁸

d) Tài sản là phương tiện kiếm sống chính của người bị hại và gia đình

Hiện nay chưa có văn bản nào hướng dẫn cụ thể về tình tiết này, tuy nhiên có thể hiểu việc xác định tài sản trộm cắp là phương tiện kiếm sống chính của người bị hại và gia đình thì tài sản đó phải là tài sản đặc biệt quan trọng, là chỗ dựa, phương tiện mưu sinh duy nhất của người bị hại và gia đình mà nếu mất đi

⁷ <http://www.lamdong.gov.vn/vi-VN/a/vks/nghiepvukiemsat/huongdanghiepvu/Pages/cong%2016.5.18.aspx>

⁸ <http://moj.gov.vn/qt/tintuc/Pages/nghien-cuu-trao-doi.aspx?ItemID=2078>

tài sản đó thì người bị hại và gia đình lâm vào tình trạng khó khăn. Tuy nhiên, vấn đề được nhiều người quan tâm là tính khả thi của quy định này, những căn cứ làm cơ sở xác định “tính chất” của tài sản bị trộm cắp.

Việc bổ sung tình tiết định tội “*tài sản là phương tiện kiếm sống chính của người bị hại và gia đình*” trong cấu thành cơ bản của tội trộm cắp tài sản là phù hợp với thực tế. Từ công tác tiếp nhận tin báo tố giác về tội phạm cho thấy, có những vụ việc tài sản bị trộm cắp có giá trị nhỏ như một chiếc xe đẩy bán bánh mì hoặc một chiếc xe mô tô cũ nhưng lại là phương tiện kiếm sống chính của bản thân người bị hại cũng như chính gia đình họ. Ngoài những tài sản bị mất đó thì họ không còn tài sản nào khác có giá trị cao hơn và có tác dụng giúp họ kiếm sống. Đối với những trường hợp này, tài sản định giá thường dưới 2 triệu đồng nên phải xử lý hành chính đối tượng trộm cắp, không có tác dụng giáo dục, răn đe người vi phạm. Chính vì vậy, việc bổ sung quy định này là cần thiết giúp xử lý các trường hợp như trên thấu tình đạt lý trong điều kiện kinh tế của một bộ phận nhân dân ta ở các vùng nông thôn, miền núi đang còn gặp nhiều khó khăn, thiếu thốn, thu nhập bình quân đầu người còn thấp.

Tuy nhiên, vấn đề khó là cơ sở nào để xác định tài sản bị trộm cắp là công cụ phương tiện kiếm sống chính của người bị hại và gia đình họ. Không thể chỉ dựa trên lời khai của bị hại hay nhận định chủ quan của điều tra viên để kết luận mà cần phải có cơ quan, tổ chức có thẩm quyền xác định và cần có các thủ tục pháp lý cần thiết để xác định tính chất tài sản. Đây là điều mà quy phạm pháp luật cần tính đến để xử lý đúng đối tượng vi phạm, tránh xảy ra tình trạng oan sai.

e) Tài sản là di vật, cổ vật.

Di vật là hiện vật được lưu truyền lại, có giá trị lịch sử, văn hóa, khoa học.⁹ Cổ vật là hiện vật được lưu truyền lại, có giá trị tiêu biểu về lịch sử, văn hóa, khoa học, có từ một trăm năm tuổi trở lên.¹⁰

⁹ Xem khoản 5 Điều 4 Luật di sản văn hóa 2001

¹⁰ Xem khoản 6 Điều 4 Luật di sản văn hóa 2001

Ngoài dấu hiệu hành vi phạm tội, thủ đoạn phạm tội, trong mặt khách quan của tội phạm còn có công cụ, phương tiện phạm tội. Đối với cấu thành cơ bản của TTCTS, công cụ, phương tiện phạm tội không phải là yếu tố bắt buộc. Tuy nhiên, cần lưu ý, trường hợp một người có hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản người khác nhưng sử dụng công cụ, phương tiện tinh vi như: mạng máy tính, mạng viễn thông, mạng internet hoặc thiết bị số thì người thực hiện hành vi chiếm đoạt không phạm TTCTS mà phạm tội sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, mạng internet hoặc thiết bị số thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản theo Điều 290 BLHS 2015.

1.1.2.3. Chủ thể của tội trộm cắp tài sản

Chủ thể của tội TCTS là người có năng lực TNHS đạt độ tuổi nhất định và đã thực hiện hành vi phạm tội cụ thể. Và khi thực hiện hành vi phạm tội người ấy có khả năng nhận thức được tính chất nguy hiểm cho xã hội về hành vi của mình và có khả năng điều chỉnh được hành vi ấy.

Theo Điều 12 BLHS năm 2015 sửa đổi bổ sung 2017 quy định: “Tuổi chịu TNHS:

1. Người từ đủ 16 tuổi trở lên phải chịu trách nhiệm hình sự về mọi tội phạm, trừ những tội phạm mà Bộ luật này có quy định khác.

2. Người từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi phải chịu trách nhiệm hình sự về tội phạm rất nghiêm trọng, tội phạm đặc biệt nghiêm trọng quy định tại một trong các điều 123, 134, 141, 142, 143, 144, 150, 151, 168, 169, 170, 171, 173, 178, 248, 249, 250, 251, 252, 265, 266, 286, 287, 289, 290, 299, 303 và 304 của Bộ luật này.”

Điều 21 BLHS 2015: Tình trạng không có năng lực TNHS quy định: “*Người thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội trong khi đang mắc bệnh tâm thần, một bệnh khác làm mất khả năng nhận thức hoặc khả năng điều khiển hành vi của mình, thì không phải chịu trách nhiệm hình sự.*” Đối với những người này phải áp dụng biện pháp bắt buộc chữa bệnh...”

Chủ thể của tội “trộm cắp tài sản” là một người có đủ năng lực chịu TNHS và phải đạt độ tuổi nhất định mà xâm phạm đến tài sản của người khác theo khoản 1 Điều 173 BLHS 2015.

Trong thực tiễn cũng như trong lý luận việc xác định độ tuổi không phải bao giờ cũng dễ dàng, thông thường việc xác định độ tuổi căn cứ theo Giấy đăng ký khai sinh. Tuy nhiên không phải trong mọi trường hợp đều còn Giấy khai sinh, hoặc giấy khai sinh không chính xác... Để khắc phục vướng mắc trên TANDTC có hướng dẫn tại mục 11 phần II công văn số 81/2002/TANDTC ngày 10/06/2002 về cách tính tuổi chịu TNHS của người khác nói riêng. Theo tác giả quy định này là phù hợp và khoa học đảm bảo nguyên tắc có lợi cho người phạm tội cũng như trừng trị thích đáng người phạm tội.

1.1.2.4. Mặt chủ quan của tội trộm cắp tài sản

Hoạt động của con người là hoạt động có ý thức, bao giờ hoạt động cũng thống nhất hai mặt bên trong và bên ngoài. Tội phạm là một dạng hoạt động có ý thức nên tội phạm gồm mặt bên trong và mặt bên ngoài. Hai mặt của hoạt động luôn thống nhất với nhau. Mặt chủ quan của tội phạm là diễn biến tâm lý của tội phạm nên diễn biến này gồm các dấu hiệu: lỗi, động cơ, mục đích của tội phạm

Mặt chủ quan của tội trộm cắp tài sản bao gồm: Lỗi, động cơ và mục đích phạm tội. Cũng như đối với tội có tính chất chiếm đoạt khác, tội trộm cắp tài sản cũng được thực hiện do cố ý. Mục đích của người phạm tội là mong muốn chiếm đoạt được tài sản.

Lỗi được hiểu là trạng thái tâm lý bên trong của người phạm tội, thể hiện thái độ của người phạm tội đối với hành vi nguy hiểm cho xã hội của mình và hậu quả do hành vi đó gây ra được biểu hiện dưới hình thức cố ý hoặc vô ý.

Người phạm tội thực hiện hành vi trộm cắp tài sản một cách trái pháp luật chỉ bị coi là có lỗi nếu hành vi đó là kết quả của sự tự lựa chọn của chính họ, họ tự ý thức và kiểm soát hành vi của mình, trong khi họ có đủ điều kiện khác để lựa chọn và thực hiện xử sự khác phù hợp với đòi hỏi của xã hội. Tức người thực hiện hành vi trộm cắp tài sản có thể lựa chọn và thực hiện xử sự khác không gây ra hậu quả làm mất mát tài sản, nhưng chủ thể đã lựa chọn, quyết định và thực

hiện hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản của người khác. Có thể khẳng định lỗi của người có hành vi chiếm đoạt là lỗi cố ý trực tiếp. Người thực hiện hành vi chiếm đoạt biết tài sản chiếm đoạt là tài sản đang thuộc quyền sở hữu của người khác hoặc đang có người quản lý nhưng vẫn mong muốn biến tài sản đó thành tài sản của mình khi thực hiện hành vi chiếm đoạt.

Muốn xác định đúng lỗi của người phạm tội đối với hành vi trộm cắp tài sản là cố ý hay vô ý, thì cần làm sáng tỏ hai vấn đề:

- 1) Người phạm tội có thấy trước hậu quả nguy hiểm không;
- 2) Nếu thấy trước thì họ mong muốn chấp nhận hay loại trừ khả năng quả xảy ra. Nếu vấn đề thứ nhất được xác định là không thì có thể loại trừ ngay khả năng gây thiệt hại về tài sản của người khác.

Để xác định người phạm tội có thấy trước hậu quả nguy hiểm cho xã hội có xảy ra hay không phải xuất phát từ năng lực nhận thức của họ, cũng như những điều kiện nhận thức cụ thể, hoàn cảnh khách quan, những dấu hiệu thuộc mặt khách quan như: Tính chất công cụ phạm tội, phương tiện cũng như cách thức sử dụng; hoàn cảnh sự việc....

Để xác định người phạm tội mong muốn, chấp nhận hay loại trừ hậu quả gây thiệt hại về tài sản của người khác cần xem xét đánh giá những tình tiết như: sự lựa chọn công cụ, phương tiện phạm tội, cách thức sử dụng; diễn biến tâm lý của người phạm tội trong quá trình thực hiện tội phạm; tính chất nguy hiểm của hành vi phạm tội; động cơ, mục đích phạm tội;.....

Ngoài dấu hiệu lỗi, trong mặt chủ quan của tội TCTS còn có động cơ phạm tội. Động cơ phạm tội được hiểu là động cơ bên trong thúc đẩy người phạm tội thực hiện hành vi phạm tội cố ý. Động cơ phạm tội còn có thể được xem là tình tiết tăng nặng hay giảm nhẹ TNHS.

Mục đích phạm tội là kết quả cuối cùng mà người phạm tội muốn đạt được khi thực hiện hành vi phạm tội. Mục đích chiếm đoạt tài sản của người phạm tội bao giờ cũng có trước khi thực hiện hành vi chiếm đoạt sản. Vì vậy, có thể nói mục đích chiếm đoạt tài sản là dấu hiệu bắt buộc của cấu thành tội trộm cắp tài sản. Tuy nhiên, ngoài mục đích chiếm đoạt, có quan điểm còn cho rằng

hậu quả là dấu hiệu bắt buộc của tội TCTS do tội TCTS có CTPP vật chất. Người phạm tội khi thực hiện tội phạm đều hướng đến những mục đích nhất định. Nhưng có thể nói ở những lỗi cố ý trực tiếp người phạm tội mới có sự mong muốn gây ra tội phạm để đạt được mục đích nhất định.

Dấu hiệu động cơ và dấu hiệu mục đích có mối quan hệ chặt chẽ với nhau vì có động cơ thúc đẩy thì người phạm tội mới thực hiện tội phạm để thỏa mãn động cơ. Đối với tội TCTS thì thông thường động cơ chủ yếu thúc đẩy người phạm tội là do thiếu thốn vật chất, thiếu tiền tiêu sài.

1.2 Phân biệt tội trộm cắp tài sản với một số tội xâm phạm quyền sở hữu khác được quy định trong BLHS

1.2.1 Phân biệt tội trộm cắp tài sản với tội cướp tài sản

Xuất phát từ các dấu hiệu đặc trưng của tội TCTS và tội cướp tài sản, xét trên cả hai phương diện lý luận và thực tiễn áp dụng pháp luật, có thể rút ra sự giống nhau và khác nhau giữa hai tội này như sau:

* Giống nhau:

- Về lỗi: Hành vi TCTS và cướp tài sản đều được thực hiện do lỗi cố ý.
- Về mục đích: Mục đích chiếm đoạt tài sản đều là dấu hiệu bắt buộc

CTPP tội TCTS và cướp tài sản.

* Khác nhau:

Sự khác nhau cơ bản giữa tội TCTS và tội cướp tài sản là hành vi phạm tội của người phạm tội: đối với tội TCTS, hành vi của người phạm tội là lén lút lấy tài sản đang trong sự quản lý của người khác một cách trái pháp luật mà không dùng bất kỳ vũ lực nào tác động đến chủ sở hữu tài sản hoặc người quản lý tài sản. Đối với tội cướp tài sản, hành vi của người phạm tội là dùng vũ lực, đe dọa dùng vũ lực ngay tức khắc hoặc có hành vi khác làm cho người bị tấn công lâm vào tình trạng không thể chống cự. Như vậy, để phân biệt sự giống nhau và khác nhau giữa hai tội này, cần phải xem xét hành vi của người phạm tội dựa trên các yếu tố cơ bản sau đây: Động cơ, mục đích của người phạm tội, hành vi khách quan, khách thể, hậu quả.

Bảng 1.1. Phân biệt tội trộm cắp tài sản với tội cướp tài sản

Tội trộm cắp tài sản	Tội cướp tài sản
Hành vi khách quan	
Chiếm đoạt tài sản của người khác một cách lén lút.	Hành vi dùng vũ lực hoặc đe dọa dùng vũ lực ngay tức khắc hoặc dùng các hành vi khác có khả năng làm cho nạn nhân mất hoàn toàn khả năng phản kháng sau đó chiếm đoạt tài sản.
Khách thể bị xâm phạm	
Luôn có xâm phạm tới quyền sở hữu nhưng không xâm phạm tới sức khỏe, tính mạng của nạn nhân.	Luôn có xâm phạm tới quyền sở hữu, sức khỏe và tính mạng của nạn nhân.
Hậu quả	
Thiệt hại về tài sản là dấu hiệu định tội của tội trộm cắp tài sản.	Không phải là dấu hiệu định tội của tội cướp tài sản, người phạm tội chỉ cần có hành vi được mô tả trong CTTP của tội cướp tài sản là đã cấu thành tội cướp tài sản.

1.2.2 Phân biệt tội TCTS với tội cướp giật tài sản

Tội cướp tài sản và tội cướp giật tài sản đều là các tội nhằm trong nhóm các tội phạm xâm phạm quyền sở hữu. Hai tội này đều có điểm chung là lỗi cố ý trực tiếp và mục đích là chiếm đoạt tài sản của người khác. Tuy nhiên, chúng vẫn có sự khác biệt cơ bản.

Để phân biệt tội TCTS với tội cướp giật tài sản, chúng ta cũng chủ yếu tập trung phân tích yếu tố hành vi khách quan của người phạm tội.

Tội trộm cắp tài sản	Tội cướp giết tài sản
Hành vi khách quan	
Chiếm đoạt tài sản của người khác một cách lén lút.	Tội phạm lợi dụng sơ hở, với thủ đoạn nhanh chóng, ngay tức khắc để đạt được mục đích chiếm đoạt tài sản.
Khách thể bị xâm phạm	
Luôn có xâm phạm tới quyền sở hữu nhưng không xâm phạm tới sức khỏe, tính mạng của nạn nhân.	Luôn có xâm phạm tới quyền sở hữu, sức khỏe và tính mạng của nạn nhân.
Người bị hại	
Người bị hại không biết mình bị mất tài sản khi nào.	Người bị hại biết mình bị mất tài sản nhưng không kịp phản ứng.

1.2.3 Phân biệt tội TCTS với tội công nhiên chiếm đoạt tài sản

Giống nhau: Đều là các tội xâm phạm quyền sở hữu, không xâm phạm đến quyền nhân thân, tính mạng, sức khỏe con người.

Tội trộm cắp tài sản	Tội công nhiên chiếm đoạt tài sản
Hành vi khách quan	
Chiếm đoạt tài sản của người khác một cách lén lút.	Hành vi khách quan duy nhất của tội này là hành vi “chiếm đoạt”, nhưng chiếm đoạt bằng hình thức công khai, với thủ đoạn lợi dụng sơ hở của người quản lý tài sản hoặc lợi dụng vào hoàn cảnh khách quan khác như: thiên tai, hoả hoạn, chiến tranh...

Tính chất công khai	
<p>Người phạm tội che giấu hành vi của mình, chiếm đoạt tài sản một cách lén lút mà người quản lý tài sản không biết là hành vi trộm cắp.</p>	<p>Người phạm tội không cần che giấu hành vi và thực hiện công khai hành vi chiếm đoạt. Công nhiên với chủ sở hữu hoặc người quản lý tài sản, sau đó là công nhiên đối với mọi người xung quanh. Chủ sở hữu biết rõ mình bị mất tài sản nhưng không có điều kiện để cản trở hành vi chiếm đoạt.</p>

1.3. Quy định của pháp luật hình sự Việt Nam về tội trộm cắp tài sản

1.3.1. Khái quát lịch sử quy định của pháp luật hình sự Việt Nam về tội trộm cắp tài sản từ năm 1945 đến trước khi ban hành BLHS năm 2015

Quá trình hình thành và phát triển của các quy phạm pháp luật hình sự Việt Nam về tội TCTS gắn liền với sự hình thành và phát triển của hệ thống pháp luật Việt Nam qua các giai đoạn phát triển của xã hội.

Cách mạng tháng 8 - 1945 thành công đã khai sinh ra nước Việt Nam dân chủ cộng hòa. Do vừa trải qua cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp hao tổn cả sức người, sức của nên Nhà nước ta đã phải đối mặt với vô vàn khó khăn... Nhiệm vụ của cách mạng ta trong giai đoạn lịch sử này là rất quan trọng và đã được thể hiện một cách cô đọng, đầy đủ, rõ ràng trong Hiến pháp năm 1946 – bản Hiến pháp đầu tiên của Nhà nước Việt Nam độc lập, có chủ quyền. Đó là: “Bảo toàn lãnh thổ, giành độc lập hoàn toàn và kiến thiết quốc gia trên nền tảng dân chủ”. Luật hình sự nước ta trong thời kỳ này đã đóng góp phần quan trọng vào việc thực hiện nhiệm vụ chung đó, thông qua nhiệm vụ đặc thù và phương pháp đặc thù của nó là quy định tội phạm và sử dụng hình phạt để trừng trị những hành vi xâm phạm đến những lợi ích thiêng liêng nói trên. Các đạo luật hình sự là một trong những đạo luật đầu tiên cùng với các sắc lệnh trên các lĩnh vực như trừng trị phản động, âm mưu hành động phản quốc, sắc lệnh quy định

về trốn tránh nghĩa vụ, sắc lệnh về phòng, chống các tội phạm cụ thể như hành vi trộm cắp... tạo cơ sở pháp lí cho việc trấn áp tội phạm, bảo vệ nhà nước non trẻ.

Tuy nhiên, trong tình hình cấp bách, các văn bản pháp luật nói chung cũng như các văn bản pháp luật nói chung cũng như các văn bản pháp luật Hình sự nói riêng mới ban hành không đủ để điều chỉnh các quan hệ xã hội đa dạng. Vì thế ngày 10/10/1945, Nhà nước đã ban hành sắc lệnh số 47/SL [5] tạm thời giữ lại các luật lệ cũ không mâu thuẫn với chế độ mới, không trái với nguyên tắc độc lập của nước Việt Nam dân chủ cộng hòa trong đó có Luật hình An Nam, Hoàng Việt Hình luật và Hình luật pháp tư chính. Tuy còn sơ khai nhưng pháp luật hình sự thời kỳ này đã khái quát được những hành vi xâm hại sở hữu trong thực tế và quy định thành các tội phạm cụ thể làm cơ sở cho Tòa án xét xử. Đồng thời các văn bản này còn quy định đường lối xử lý các tội xâm phạm sở hữu, trên nguyên tắc trừng trị kết hợp với khoan hồng, trừng trị với giáo dục cải tạo. Đã có sự cá thể hóa hình phạt đối với các hành vi phạm tội. Trong giai đoạn này, Nhà nước cũng ban hành một số sắc lệnh quy định về tội trộm cắp tài sản như: Sắc lệnh số 12 ngày 12/03/1949 quy định trừng trị các hành vi trộm cắp vật dụng nhà binh trong thời bình và thời kỳ chiến tranh; Sắc lệnh số 267 ngày 15/06/1958 trừng trị những âm mưu và hành động phá hoại tài sản của nhà nước, của hợp tác xã và của nhân dân, làm cản trở việc thực hiện chính sách kế hoạch của Nhà nước về xây dựng kinh tế và văn hóa. Điều 2 Sắc lệnh 267 quy định: “Người phạm các tội trộm cắp, lãng phí, làm hỏng, hủy hoại, cướp bóc tài sản của nhà nước, của hợp tác xã, của nhân dân với mục đích phá hoại sẽ bị xử phạt từ năm năm đến hai mươi năm tù.” Sắc lệnh này nghiêm trị những người phạm tội vì mục đích phá hoại tài sản của nhà nước, của hợp tác xã, của nhân dân hoặc vì mục đích phá hoại mà làm cản trở đến việc thực hiện kế hoạch chính sách của nhà nước vì kinh tế, văn hóa.

Ngoài các Sắc lệnh trên, ở giai đoạn này phải kể đến sự ra đời của hai bản Pháp lệnh năm 1970, đó là Pháp lệnh trừng trị các tội xâm phạm tài sản XHCN và pháp lệnh trừng trị các tội xâm phạm tài sản riêng của công dân được Ủy ban

thường vụ Quốc hội thông qua ngày 21/10/1970. Pháp lệnh quy định: “Tài sản xã hội chủ nghĩa bao gồm tài sản thuộc quyền sở hữu của Nhà nước (tức sở hữu toàn dân), và tài sản thuộc sở hữu của hợp tác xã và các tổ chức hợp pháp khác (tức sở hữu tập thể)”; “tài sản của công dân gồm: của cải do sức lao động của công dân làm ra, của cải thu nhập một cách hợp pháp hoặc để dành được nhiều tiền bạc, xe cộ, nhà cửa...và những đồ dùng riêng khác”.

Theo quy định tại Điều 7 Pháp lệnh trừng trị các tội xâm phạm tài sản XHCN quy định tội trộm cắp tài sản XHCN như sau: “1. Kẻ nào trộm cắp tài sản xã hội chủ nghĩa thì bị phạt tù từ 6 tháng đến 5 năm. 2. Phạm tội trong những trường hợp sau đây: a) Có tính chất chuyên nghiệp hoặc tái phạm nguy hiểm; b) Có tổ chức; c) Có móc ngoặc; d) Dùng thủ đoạn xảo quyệt, nguy hiểm; đ) Trộm tài sản với số lượng lớn hoặc tài sản có giá trị đặc biệt; e) Dùng tài sản trộm cắp vào việc kinh doanh, bóc lột, đầu cơ hoặc vào những việc phạm tội khác; Thì bị phạt tù từ 3 năm đến 12 năm. 3. Phạm tội trong trường hợp số tài sản bị xâm phạm rất lớn hoặc có nhiều tình tiết nghiêm trọng, hoặc gây hậu quả đặc biệt nghiêm trọng thì phạt tù từ 10 năm đến 20 năm, tù chung thân hoặc bị xử tử hình.”

Điều 6 Pháp lệnh trừng trị các tội xâm phạm tài sản riêng của công dân quy định tội TCTS riêng của công dân như sau: “1. Kẻ nào trộm cắp tài sản riêng của công dân thì bị phạt tù từ 3 tháng đến 3 năm. 2. Phạm tội trong những trường hợp sau đây: a) Có tính chất chuyên nghiệp hoặc tái phạm nguy hiểm; b) Có tổ chức; c) Dùng thủ đoạn xảo quyệt, nguy hiểm; d) Gây hậu quả nghiêm trọng đến đời sống của người bị thiệt hại hoặc gây hậu quả nghiêm trọng khác. Thì bị phạt tù từ 2 năm đến 10 năm. 3. Phạm tội trong trường hợp gây hậu quả đặc biệt nghiêm trọng thì bị phạt tù từ 7 năm đến 15 năm.”

Hai bản Pháp lệnh trên đã thể hiện nguyên tắc cơ bản của Nhà nước ta là kiên quyết bảo vệ tài sản XHCN, coi tài sản XHCN là thiêng liêng và bất khả xâm phạm, xây dựng hai cấu thành tội phạm hoàn chỉnh về tội trộm cắp tài sản XHCN và tội trộm cắp tài sản riêng của công dân, đã quy định cụ thể và tập

trung các tình tiết tăng nặng định khung trong điều luật, có các khung hình phạt tương ứng với tính chất và mức độ nguy hiểm của tội phạm, góp phần phân hóa TNHS người phạm tội.

Từ năm 1986, đất nước ta tiến hành nhiệm vụ đổi mới toàn diện, đưa kinh tế và xã hội thoát khỏi khủng hoảng, thực hiện kết hợp mở cửa và hội nhập, bảo vệ chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ, xây dựng Nhà nước pháp quyền của dân, do dân, vì dân dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam. Đối với Luật Hình sự, giai đoạn này được đánh dấu bởi việc ban hành năm 1985 BLHS Việt Nam, bộ luật đầu tiên của Nhà nước ta và đây là thời điểm đánh dấu bước chuyển biến mang tính chất lịch sử, đánh dấu thời điểm quan trọng trong lịch sử lập pháp hình sự Việt Nam.

- Giai đoạn từ năm 1985 đến năm 1999

BLHS năm 1985 là bộ luật đầu tiên của Nhà nước chúng ta dựa trên sự kế thừa và phát triển những thành tựu của pháp luật hình sự Việt Nam đồng thời tiếp thu có chọn lọc những kinh nghiệm lập pháp hình sự tiên tiến của các nước trên thế giới thể hiện được bản chất nhân văn, nhân đạo sâu sắc của xã hội chủ nghĩa, tạo cơ sở pháp lý có hiệu quả cho cuộc đấu tranh phòng, chống tội phạm.

Tuy nhiên, BLHS Việt Nam 1985 ra đời trong bối cảnh điều kiện đất nước có những đặc trưng là cần bảo vệ nền kinh tế bao cấp chủ yếu dựa trên hai hình thức sở hữu: Nhà nước và tập thể theo cơ chế bao cấp. Vì thế, từ khi đất nước bước vào thời kỳ đổi mới do Đại hội VI đề ra, BLHS đã dần biểu hiện những bất cập hạn chế.

Điều 132 BLHS 1985 quy định tội TCTS xã hội chủ nghĩa: “1- Người nào trộm cắp tài sản xã hội chủ nghĩa thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến hai năm hoặc bị phạt tù từ sáu tháng đến năm năm. 2- Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây thì bị phạt tù từ ba năm đến mười hai năm: a) Có tổ chức; b) Dùng thủ đoạn xảo quyệt, nguy hiểm; c) Hành hung để tẩu thoát; d) Chiếm đoạt tài sản có giá trị lớn; đ) Tái phạm nguy hiểm. 3- Phạm tội trong trường hợp đặc biệt nghiêm trọng thì bị phạt tù từ mười năm đến hai mươi năm, tù chung thân hoặc tử hình.”

Điều 155 BLHS 1985 quy định tội TCTS của công dân: “1- Người nào trộm cắp tài sản của người khác thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến một năm hoặc bị phạt tù từ ba tháng đến ba năm. 2- Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây thì bị phạt tù từ hai năm đến mười năm; a) Có tổ chức; b) Dùng thủ đoạn xảo quyệt, nguy hiểm; hành hung để tẩu thoát; c) Chiếm đoạt tài sản có giá trị lớn hoặc gây hậu quả nghiêm trọng khác; d) Tái phạm nguy hiểm. 3- Phạm tội trong trường hợp đặc biệt nghiêm trọng thì bị phạt tù từ bảy năm đến hai mươi năm.”

BLHS 1985 đã trở thành một cơ sở pháp lý quan trọng trong việc xử lý người phạm tội, song vẫn còn sự phân biệt giữa tội TCTS XHCN và tội TCTS của công dân, theo đó, người phạm tội TCTS XHCN bị xử lý nghiêm khắc hơn người phạm tội TCTS của công dân, điều đó thể hiện đường lối xử lý của Nhà nước đối với người phạm tội TCTS. Vì vậy, việc các cơ quan tố tụng áp dụng pháp luật còn gặp nhiều khó khăn. Để hướng dẫn thi hành điều luật này, TANDTC đã có nhiều văn bản hướng dẫn như: Nghị quyết số 04/HĐTP ngày 29/11/1986 của HĐTP TANDTC hướng dẫn áp dụng một số quy định phân các tội phạm của BLHS; Nghị quyết số 01-89/HĐTP ngày 12/4/1989 của HĐTP TANDTC hướng dẫn việc bổ sung áp dụng một số quy định của BLHS; Do phải đáp ứng yêu cầu đấu tranh phòng chống tội phạm trong tình hình đất nước phát triển, BLHS năm 1985 tiếp tục có bốn lần sửa đổi vào các năm 1989, 1991, 1992, 1997. Tuy nhiên cả 4 lần sửa đổi của BLHS đều tập trung vào việc đảm bảo chặt chẽ hơn các quy định về định tội và hình phạt.

1.3.2. Quy định của pháp luật hình sự Việt Nam (hiện hành năm 2015) về tội trộm cắp tài sản những mặt hoàn thiện cũng như hạn chế bất cập của quy định này cần nghiên cứu sửa đổi bổ sung

BLHS năm 1999 được Quốc hội khóa X, kỳ họp thứ 6 thông qua ngày 21 tháng 12 năm 1999, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 7 năm 2000 đã thể chế hóa những chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách của Nhà nước trong giai đoạn mới. Đặc trưng cơ bản của pháp luật hình sự trong giai đoạn này đã thể hiện trong BLHS năm 1999 là: Điều chỉnh tối đa về mặt lập pháp những chế định cơ

bản, quan trọng của luật hình sự; phân hóa triệt để TNHS và hình phạt; nêu cao tinh thần nhân đạo của luật hình sự. BLHS 1999 có nhiều nội dung mới so với BLHS 1985 được thể hiện cả ở phần chung và phần các tội phạm, thể hiện rõ những điểm mới trong chính sách hình sự của Nhà nước ta đối với tội xâm phạm sở hữu nói chung, và tội TCTS nói riêng. Điều 138 BLHS 1999 quy định:

“1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác có giá trị từ năm trăm nghìn đồng đến dưới năm mươi triệu đồng hoặc dưới năm trăm nghìn đồng nhưng gây hậu quả nghiêm trọng hoặc đã bị xử phạt hành chính về hành vi chiếm đoạt hoặc đã bị kết án về tội chiếm đoạt tài sản, chưa được xoá án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc phạt tù từ sáu tháng đến ba năm. 2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ hai năm đến bảy năm: a) Có tổ chức; b) Có tính chất chuyên nghiệp; c) Tái phạm nguy hiểm; d) Dùng thủ đoạn xảo quyệt, nguy hiểm; đ) Hành hung để tẩu thoát e) Chiếm đoạt tài sản có giá trị từ năm mươi triệu đồng đến dưới hai trăm triệu đồng; g) Gây hậu quả nghiêm trọng. 3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ bảy năm đến mười lăm năm: a) Chiếm đoạt tài sản có giá trị từ hai trăm triệu đồng đến dưới năm trăm triệu đồng; b) Gây hậu quả rất nghiêm trọng. 4. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ mười hai năm đến hai mươi năm hoặc tù chung thân: a) Chiếm đoạt tài sản có giá trị từ năm trăm triệu đồng trở lên; b) Gây hậu quả đặc biệt nghiêm trọng. 5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ năm triệu đồng đến năm mươi triệu đồng.”

BLHS 1999 đã có những thay đổi đáng kể so với BLHS 1985 khi xây dựng một chương: các tội xâm phạm sở hữu, bao quát tất cả các hình thức sở hữu đã được BLDS quy định, bảo đảm vị trí bình đẳng của các thành phần kinh tế đồng thời vẫn thể hiện được sự đề cao vai trò của sở hữu nhà nước khi quy định hành vi “xâm phạm sở hữu của Nhà nước” là một tình tiết tăng nặng TNHS tại Điều 48 BLHS 1999. Đối với tội TCTS, BLHS 1999 không còn quy định thành hai tội TCTS XHCN và tội TCTS của công dân mà quy định thống nhất thành tội trộm cắp tài sản, vấn đề định lượng giá trị tài sản bị chiếm đoạt là tình

tiết định tội và định khung hình phạt là những điểm thay đổi cơ bản của BLHS 1999 so với BLHS 1985.

Tuy nhiên, BLHS năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009) sau 14 năm ra đời cũng đã bộc lộ nhiều bất cập, hạn chế. Năm 2015 là một năm đặc biệt quan trọng, BLHS nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (viết tắt là BLHS năm 2015) được Quốc hội khóa XIII kỳ họp thứ 10 thông qua ngày 27/11/2015, được Chủ tịch nước công bố vào ngày 18/12/2015 và chính thức có hiệu lực từ ngày 01/7/2016. BLHS 2015 ra đời đánh dấu một bước tiến mới trong kỹ thuật lập pháp, đáp ứng yêu cầu cải cách tư pháp và hội nhập cũng như phù hợp với tình hình thực tiễn về phát triển kinh tế - xã hội của nước ta. BLHS 2015 ra đời là công cụ pháp lý quan trọng và sắc bén nhất góp phần bảo đảm và bảo vệ quyền cơ bản của công dân, trong đó có quyền sở hữu. Bên cạnh việc sửa đổi nhiều điều và thứ tự của các điều, BLHS năm 2015 còn hình sự hóa, phi hình sự hóa một số hành vi, có thêm nhiều điều luật mới, chương mới về các loại tội phạm mà BLHS năm 1999 chưa đáp ứng được. BLHS năm 2015 được xác định là sửa đổi cơ bản và toàn diện, theo đó, trong tổng số 426 điều, có 72 điều mới được bổ sung, 362 điều được sửa đổi, bổ sung, 17 điều giữ nguyên, và 07 điều bãi bỏ.

Tội TCTS quy định tại Điều 173 BLHS 2015 có những điểm mới khác biệt so với Điều 138 BLHS 1999.

Thứ nhất, Cũng như tại các điều luật quy định ở các chương khác, đối với tội trộm cắp tài sản của BLHS năm 2015 không sử dụng từ mà sử dụng các con số đếm. Tại khoản 1 kết cấu được phân chia thành 04 (bốn) mục là a, b, c, d.

Với tình trạng trộm cắp các loại tài sản dưới 2.000.000 đồng nhưng gây tâm lí hoang mang trong quần chúng nhân dân, ảnh hưởng đến cuộc sống, tâm lí của người dân, tính chất manh động của tội phạm trong thời gian qua có xu hướng gia tăng, gây bức xúc trong quần chúng nhân dân, nhằm răn đe tội phạm, chấn chỉnh trật tự xã hội khoản 1 Điều 137 BLHS năm 2015 bổ sung thêm 02 trường hợp đối với những hành vi trộm cắp tài sản có giá trị dưới 2.000.000 đồng nhưng vẫn phạm tội trộm cắp tài sản là:

“c) Gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội;

d) Tài sản là phương tiện kiếm sống chính của người bị hại và gia đình họ; tài sản là kỹ vật, di vật, đồ thờ cúng có giá trị đặc biệt về mặt tinh thần đối với người bị hại.”

Thứ hai, Bổ các tình tiết định khung “g) Gây hậu quả nghiêm trọng; Gây hậu quả rất nghiêm trọng; Gây hậu quả đặc biệt nghiêm trọng” quy định tại các khoản 2, 3, 4 Điều 138 BLHS năm 1999.

Thứ ba, Tại khoản 2, tình tiết định khung “e) Chiếm đoạt tài sản có giá trị từ năm mươi triệu đồng đến dưới hai trăm triệu đồng” tại BLHS năm 1999 được sửa đổi như sau: *e) Trộm cắp tài sản trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp quy định tại các điểm a, b, c và d khoản 1 Điều này*”. Đồng thời bổ sung thêm tình tiết định khung “*Tái phạm nguy hiểm*”.

Tại khoản 3 bổ sung thêm 02 tình tiết định khung “*b) Trộm cắp tài sản trị giá từ 50.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp quy định tại các điểm a, b, c và d khoản 1 Điều này; c) Lợi dụng thiên tai, dịch bệnh.*”

Thứ tư, Tại khoản 4 bỏ hình phạt tù chung thân mức hình phạt tù được áp dụng như quy định của BLHS năm 1999 là từ 12 đến 20 năm. Bổ sung thêm 02 tình tiết định khung “*b) Trộm cắp tài sản trị giá từ 200.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp quy định tại các điểm a, b, c và d khoản 1 Điều này; c) Lợi dụng hoàn cảnh chiến tranh, tình trạng khẩn cấp.*”

Tiểu kết chương 1

Tội TCTS theo pháp luật hình sự của nước Việt Nam đã có lịch sử hình thành và phát triển lâu dài. Trải qua nhiều thay đổi về cách thức xây dựng pháp luật của Nhà nước ta qua những thời kì nhưng cơ bản việc định hướng và xây dựng các quy định của pháp luật về loại tội phạm này đang ngày càng hoàn thiện.

Trên cơ sở lý luận và pháp lý đó, trong thời gian qua, các cơ quan THTT đã vận dụng để đấu tranh phòng, chống tội phạm này một cách có hiệu quả ở địa

bàn huyện Đông Anh. Tuy nhiên, trong thực tiễn áp dụng vẫn còn những khó khăn vướng mắc như trong việc định tội danh, QĐHP và các vấn đề khác liên quan đến việc xác định hành vi vi phạm hoặc định tội danh giữa các tội trong chương XIV BLHS 1999. Để làm rõ hơn những vướng mắc qua thực tiễn áp dụng pháp luật hình sự trong quá trình giải quyết tội TCTS. Chúng ta tiếp tục nghiên cứu chương 2 của luận văn sau đây.

Chương 2

THỰC TIỄN ÁP DỤNG QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT HÌNH SỰ VIỆT NAM TỘI TRỘM CẤP TÀI SẢN TẠI HUYỆN ĐÔNG ANH

2.1. Thực tiễn định tội danh đối với tội trộm cắp tài sản

2.1.1. Khái quát lý luận về định tội danh

Định tội danh là việc xác định và ghi nhận về mặt pháp lý sự phù hợp chính xác giữa các dấu hiệu của hành vi tội phạm cụ thể đã được thực hiện với các dấu hiệu của CTTP đã được quy định trong quy phạm pháp luật được quy định trong BLHS. Bên cạnh đó, định tội danh còn là tiền đề cho việc áp dụng các quy phạm pháp luật khác của pháp luật hình sự và pháp luật TTHS. Đối với hoạt động xét xử của Tòa án, việc định tội danh đóng vai trò là bước phải có để đi đến bước QĐHP đối với người phạm tội.¹¹

Trong lý luận cũng như trong thực tiễn, khái niệm định tội danh được hiểu ở hai nghĩa: Thứ nhất, định tội danh là một quá trình logic nhất định, là hoạt động xác định và ghi nhận sự phù hợp của trường hợp phạm tội cụ thể với các dấu hiệu của một CTTP được quy định trong quy phạm pháp luật hình sự thuộc phần Các tội phạm của BLHS; Thứ hai, định tội danh là việc đánh giá về mặt pháp lý đối với một hành vi nguy hiểm cho xã hội. Hai nghĩa này có sự quan hệ mật thiết với nhau trong khái niệm định tội danh.

Như vậy, có thể rút ra khái niệm định tội danh theo quan điểm của GS.TS Võ Khánh Vinh như sau: Định tội danh là một dạng hoạt động nhận thức, hoạt động áp dụng pháp luật hình sự nhằm đi tới chân lý khách quan trên cơ sở xác định đúng đắn, đầy đủ các tình tiết cụ thể của hành vi phạm tội được thực hiện, nhận thức đúng nội dung quy phạm pháp luật hình sự quy định CTTP tương ứng và mối liên hệ tương đồng giữa các dấu hiệu của CTTP với các tình tiết cụ thể của hành vi phạm tội bằng các phương pháp và thông qua các giai đoạn nhất định. [46, Tr. 26-27].

¹¹ Bùi Mạnh Trung, Tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác theo pháp luật hình sự Việt Nam từ thực tiễn tỉnh Quảng Ninh, Hà Nội, 2016.

Định tội danh là hoạt động áp dụng pháp luật hình sự bao gồm việc tiến hành đồng thời ba quá trình:

- Xác định đúng, khách quan các tình tiết của vụ án: Khi tiến hành giải quyết một vụ án hình sự, các cơ quan THTT cần phải xác định được tất cả các tình tiết của vụ án phù hợp với thực tế, việc xác định này được gọi là thu thập các chứng cứ của vụ án, bao gồm: chứng cứ buộc tội, chứng cứ gỡ tội, chứng cứ trực tiếp, chứng cứ gốc, chứng cứ sao chép, lời khai, vật chứng... Sau khi thu thập được các chứng cứ của vụ án, các cơ quan THTT tiến hành đánh giá các chứng cứ đó. Việc đánh giá chứng cứ phải dựa trên các phương pháp nghiên cứu chuyên ngành. Các chứng cứ được phân tích và chia ra thành từng phần tương ứng với từng giai đoạn của vụ án hình sự. Từ sự phân tích làm sáng tỏ từng giai đoạn của vụ án, cơ quan THTT sẽ đi đến bức tranh tổng thể xuyên suốt của cả vụ án, từ đó xác định đúng diễn biến và sự thật của vụ án. Hoạt động phân tích và đánh giá chứng cứ là hoạt động tư duy của những người THTT, vì vậy hoạt động này cần phải đảm bảo sự khách quan, vô tư, không suy diễn.

- Nhận thức đúng nội dung của các quy định trong BLHS: Nhận thức đúng nội dung của BLHS quy định về từng tội phạm cụ thể có ý nghĩa rất lớn đối với việc định tội danh. Mọi hành vi chỉ được coi là tội phạm nếu được quy định trong BLHS. Việc định tội danh phải đầy đủ những hành vi phạm tội đã thực hiện. Định tội danh đầy đủ là việc định số lượng tội danh tương ứng với bấy nhiêu hành vi nguy hiểm cho xã hội được thực hiện nếu hành vi đó đã đủ cấu thành một tội phạm cụ thể được quy định trong BLHS. Vì vậy, khi giải quyết một vụ án hình sự, các cơ quan tố tụng cần phải chọn ra đúng quy phạm pháp luật hình sự để áp dụng. Để chọn ra đúng quy phạm áp dụng, đòi hỏi người THTT có sự chính xác trong hoạt động lập pháp và tư duy sáng suốt trong việc áp dụng pháp luật nhằm giải quyết vụ án hình sự.

- Xác định mối quan hệ giữa các dấu hiệu thực tế và các dấu hiệu được quy định trong luật: Hoạt động định tội danh là việc các cơ quan THTT một mặt thu thập, kiểm tra, đánh giá các chứng cứ xác định các tình tiết thực tế của vụ án, mặt khác tiến hành tìm hiểu và phân tích các quy phạm pháp luật hình sự để

nhận thức đúng đắn nội dung của nó. Quá trình định tội danh phải trải qua ba giai đoạn cơ bản:

Giai đoạn thứ nhất: đánh giá tính chất nguy hiểm cho xã hội. Hoạt động này dựa trên các căn cứ sau: + Tính chất của phương pháp, thủ đoạn, công cụ, phương tiện thực hiện tội phạm; + Tính chất và mức độ thiệt hại do hành vi gây ra; + Tính chất của động cơ; + Mức độ lỗi; + Nhân thân của người phạm tội.

Giai đoạn thứ hai: làm sáng tỏ các dấu hiệu của hành vi phạm tội, tức là làm sáng tỏ hành vi phạm tội đó thuộc loại nào và được quy định ở chương nào của BLHS.

Giai đoạn thứ ba: chỉ rõ CTTP về tội cụ thể nào được áp dụng trên cơ sở làm sáng tỏ và so sánh các dấu hiệu của tội phạm. Các CTTP mà người THPT cần phải lựa chọn chính xác trong giới hạn của điều luật lựa chọn khi định tội danh là: Cấu thành cơ bản, cấu thành tăng nặng hay cấu thành giảm nhẹ.

Trong lý luận pháp luật hình sự, căn cứ vào chủ thể tiến hành định tội danh và hậu quả của việc định tội danh, định tội danh được phân thành hai loại: định tội danh chính thức và định tội danh không chính thức.

Định tội danh chính thức là sự đánh giá về mặt nhà nước tính chất pháp lý hình sự của một hành vi phạm tội cụ thể của những cán bộ được Nhà nước ủy quyền, bao gồm: Điều tra viên, Kiểm sát viên, Thẩm phán và Hội thẩm nhân dân trực tiếp tiến hành giải quyết vụ án hình sự đó. Hậu quả pháp lý của việc định tội danh của các chủ thể này là dẫn tới việc quyết định một cá nhân cụ thể là có tội hay không có tội đối với hành vi được đưa ra xem xét định tội danh, đồng thời nếu người đó có tội thì phải chịu hình phạt theo quy định của pháp luật hình sự được thể hiện qua QĐHP. Là cơ sở để ra kết luận điều tra, bản cáo trạng và bản án.

Định tội danh không chính thức là sự đánh giá không phải về mặt Nhà nước tính chất pháp lý hình sự của một hành vi phạm tội cụ thể. Chủ thể định tội danh không chính thức như các nhà nghiên cứu khoa học pháp lý, tác giả bài báo, công trình khoa học, sinh viên, học viên hoặc của bất kỳ một người nào đó quan tâm nghiên cứu cụ thể về một vụ án bất kỳ đưa ra. Định tội danh không chính thức không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên liên quan đến vụ

án mà chỉ thể hiện ý kiến, quan điểm của các chủ thể này, có ý nghĩa quan trọng trong quá trình nghiên cứu pháp luật, như một phương pháp nhận thức pháp luật. Định tội danh không chính thức góp phần tạo thành dư luận xã hội về pháp luật.

Dựa vào những lập luận nêu trên, tác giả có thể đưa ra khái niệm định tội danh đối với tội TCTS là hoạt động điều tra, truy tố và xét xử của các cơ quan điều tra, Viện kiểm sát và Tòa án trên cơ sở các tài liệu, chứng cứ đã thu thập được một cách khách quan, toàn diện, đầy đủ trong sự so sánh, đối chiếu với các dấu hiệu trong CTTTP của tội TCTS trong các quy định của luật hình sự để xác định có tội phạm TCTS hay không và người đã thực hiện hành vi đó để xử lý theo quy định của pháp luật.

2.1.2. Thực tiễn định tội danh đối với tội trộm cắp tài sản ở huyện Đông Anh – Thành phố Hà Nội

- Kết quả định tội danh đối với tội trộm cắp tài sản

Đông Anh là huyện ngoại thành nằm ở vị trí cửa ngõ phía Bắc của Thủ đô Hà Nội với diện tích tự nhiên 18.213,9ha (182,14km²). Đông Anh có ranh giới tự nhiên với các quận/huyện khác của Hà Nội chủ yếu là các con sông, đó là sông Hồng, sông Đuống ở phía Nam huyện, là ranh giới giữa Đông Anh với khu vực nội thành và sông Cà Lồ ở phía Bắc huyện, là ranh giới giữa Đông Anh với huyện Sóc Sơn. Dân số: 375 000 người (2014). Với diện tích tự nhiên khá rộng, lại nằm hoàn toàn ở khu vực phía Bắc sông Hồng và tiếp giáp với nội thành nên Đông Anh có vị trí và vai trò chiến lược trong định hướng phát triển đô thị của Thủ đô Hà Nội những năm tới. Cùng với phát triển kinh tế, tình hình tội phạm cũng rất phức tạp, đặc biệt là tội TCTS. Người thực hiện hành vi TCTS ngày càng phổ biến, nguy hiểm, tinh vi, gây lo lắng bất bình trong xã hội. Từ đầu năm 2013 đến cuối năm 2017, TAND huyện Đông Anh đã xét xử 243 vụ, 365 bị cáo phạm tội TCTS. Chiếm tỉ lệ 21,4% trong tổng số án thụ lý xét xử trên địa bàn. Ta có thể nhận thấy sự phức tạp của tội phạm thông qua bảng số liệu dưới đây:

Bảng 2.1: Số liệu, tỷ lệ tội trộm cắp tài sản với tội phạm nói chung

Đơn vị tính: Vụ án

Năm	Tổng số vụ án và bị cáo (1)		Tổng số vụ án và bị cáo phạm tội theo Điều 173 BLHS (2)		Tỷ lệ % (2)/(1)	Ghi chú
	Số vụ	Số bị cáo	Số vụ	Số bị cáo		
2013	288	591	68	105	23,6%	
2014	254	543	50	83	19,6%	
2015	199	375	40	66	20,1%	
2016	191	371	42	61	21,9%	
2017	202	371	43	50	21,3%	
Tổng	1134	2251	243	365	21,4%	

*(Nguồn: Số liệu thống kê tội phạm của TAND huyện Đông Anh)***Bảng 2.2: Số liệu, tỷ lệ tội trộm cắp tài sản so với các tội xâm phạm về quyền sở hữu nói chung**

Năm	Tổng số vụ án và bị cáo phạm các tội trong chương XIV, Chương XVI (1)		Tổng số vụ án và bị cáo phạm tội theo Điều 138, 173 BLHS (2)		Tỷ lệ % (2)/(1)	Ghi chú
	Số vụ	Số bị cáo	Số vụ	Số bị cáo		
2013	148	310	68	105	45,9%	
2014	168	325	50	83	29,7%	
2015	84	196	40	66	47,6%	
2016	96	185	42	61	43,8%	
2017	112	225	43	50	38,4%	
Tổng	608	1241	243	365	39,9 %	

(Nguồn: Số liệu thống kê tội phạm của TAND huyện Đông Anh)

Bảng 2.3: Kết quả xử tội trộm cắp tài sản theo từng khoản cụ thể

Đơn vị tính: Vụ án, bị cáo.

Năm	Khoản 1		Khoản 2		Khoản 3		Khoản 4	
	Vụ	Bị cáo	Vụ	Bị cáo	Vụ	Bị cáo	Vụ	Bị cáo
2013	65	100	3	5	0	0	0	0
2014	42	69	8	14	0	0	0	0
2015	38	64	2	2	0	0	0	0
2016	42	61	0	0	0	0	0	0
2017	39	37	4	13	0	0	0	0
Tổng	226	331	17	34	0	0	0	0

(Nguồn: Số liệu thống kê tội phạm của TAND huyện Đông Anh)

Qua bảng phân tích trên ta có thể thấy tình hình tội phạm TCTS xảy ra trên địa bàn huyện Đông Anh là rất đáng báo động. Bởi đây là phân tích riêng tội danh trộm cắp tài sản chưa kể các tội danh khác như tội “cướp tài sản”, hoặc tội “Công nhiên chiếm đoạt tài sản” cũng là những tội phạm rất phổ biến. Riêng tội TCTS đã luôn chiếm trên dưới 20% tổng số các vụ án, luôn chiếm trên dưới 40% vụ án trong chương Các tội xâm phạm đến quyền sở hữu. Nhìn vào bảng 2.3 có thể thấy, các bị cáo phạm tội trộm cắp tài sản chỉ bị xét xử theo khoản 1 và khoản 2 Điều 138 BLHS 1999. Điều đó đã chứng minh rằng tình hình tội phạm ở địa bàn huyện Đông Anh đã và đang rất phức tạp, là mối lo ngại của chính quyền và nhân dân trong nhiều năm qua. Người dân tại đây vẫn hàng ngày, hàng giờ đối diện với nguy cơ mất tài sản, cần các cấp chính quyền vào cuộc cùng với người dân đồng lòng đấu tranh tố giác tội phạm.

Tuy tình hình phạm tội TCTS trên địa bàn huyện Đông Anh phức tạp là vậy nhưng thực tế cho thấy cũng đã đạt những kết quả nhất định, các vụ án mau chóng được phát hiện đưa ra điều tra, truy tố và xét xử.

Để làm rõ hơn những những kết quả đạt được trong quá trình định tội danh, cần đi sâu vào phân tích các quy định về tội trộm cắp tài sản theo BLHS theo các CTTP của tội này. Việc phân tích CTTP của tội TCTS là cơ sở pháp lý gián tiếp của việc định tội danh và CTTP - mô hình pháp lý cụ thể của việc định tội danh.

- Định tội danh theo cấu thành cơ bản của tội trộm cắp tài sản

Qua việc nghiên cứu các bản án về tội TCTS mà TAND huyện Đông Anh đã tuyên, có thể thấy, các bị cáo phạm tội TCTS bị áp dụng khoản 1, Điều 138 BLHS 1999 (khoản 1, Điều 173 BLHS 2015) chiếm phần lớn. Từ năm 2013 đến năm 2017 có tới 226 vụ án TCTS, 331 bị cáo phạm tội TCTS, và không ngừng tăng lên qua mỗi năm. Điều này cho thấy, tình hình trộm cắp tài sản trên địa bàn huyện Đông Anh diễn ra ngày càng phức tạp, với quy mô lớn nhỏ khác nhau, dưới nhiều hình thức đa dạng.

Ví dụ 1: Theo bản án số: 78/2017/HSST, Ngày 24/6/2017 của TAND huyện Đông Anh có nội dung như sau:

Ngày 24/02/2017, Cơ quan Cảnh sát điều tra, Công an huyện Đông Anh nhận được đơn trình báo của chị Đỗ Thị Hương (sinh năm 1971, hộ khẩu thường trú: Thôn Tăng My, xã Nam Hồng, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội) về việc: Trong đêm ngày 22 và đêm ngày 23/02/2017, tại cửa hàng thu mua phế liệu của chị ở thôn Tăng My, xã Nam Hồng, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội bị kẻ gian đột nhập trộm cắp một số tài sản gồm: 40kg đồng, 60kg nhôm, 50kg bình ắc quy xe đạp điện màu đen đã qua sử dụng, 04 chiếc cân (02 chiếc loại 30kg, 02 chiếc cân loại 100kg), khoảng 100kg dây điện loại lõi đồng. Tổng trị giá khoảng 12.380.000đ (Mười hai triệu ba trăm tám mươi ngàn đồng). Chị Hương đề nghị cơ quan Công an làm rõ đối tượng trộm cắp tài sản của gia đình chị để xử lý theo quy định của pháp luật.

Căn cứ vào đơn trình báo và lời khai của chị Hương, Cơ quan điều tra đã tiến hành khám nghiệm hiện trường, thu dấu vết, chứng cứ, đồ vật, tài liệu kết hợp với các tài liệu điều tra thu thập được đã làm rõ Nguyễn Văn Minh và Ngô Tiên Mên thực hiện hành vi trộm cắp tài sản của chị Hương.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 107/HĐ ĐGTS ngày 16/3/2017, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Đông Anh kết luận: 40 kg đồng sợi đỏ dạng đồng phế liệu trị giá: 2.800.000 đồng; 60kg nhôm vụn màu trắng dạng nhôm phế liệu trị giá 1.500.000 đồng; 50 bình ắc quy xe đạp điện màu đen đã qua sử dụng trị giá 500.000 đồng; 02 chiếc cân đồng hồ nhãn hiệu

“Nhơn Hòa” màu xanh loại 100kg trị giá 1.200.000 đồng; 02 chiếc cân đồng hồ nhãn hiệu “Nhơn Hòa” màu xanh loại 30kg trị giá 400.000 đồng; 100kg dây điện lõi đồng sợi 07mm trị giá 1.500.000 đồng. Tổng số tài sản chị Hương bị trộm cắp trị giá 7.900.000 đồng.

Bản cáo trạng số 92/CT - VKS ngày 31/5/2017 của Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội đã truy tố các bị cáo Nguyễn Văn Minh (tức Long) và Ngô Tiến Mến (tức Tài) về tội “Trộm cắp tài sản” theo Khoản 1 Điều 138 Bộ luật Hình sự.

Như vậy, dựa trên nội dung của vụ án, TAND huyện Đông Anh đã định tội danh đối với hành vi của Nguyễn Văn Minh và Ngô Tiến Mến trên cơ sở các dấu hiệu của tội TCTS như sau:

Về khách thể: Hành vi đột nhập vào cửa hàng thu mua phế liệu của chị Hương của Nguyễn Văn Minh và Ngô Tiến Mến đã xâm phạm trực tiếp đến quan hệ sở hữu về tài sản của chị Hương, làm mất khả năng quản lý, sử dụng và định đoạt số lượng phế liệu mà chị Hương bị trộm cắp.

Về chủ thể: Nguyễn Văn Minh và Ngô Tiến Mến đều là người đã thành niên, đạt độ tuổi nhất định phải chịu TNHS, có khả năng nhận thức và điều khiển hành vi trộm cắp tài sản của mình là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của chị Hương nhưng vẫn cố ý chiếm bằng được số phế liệu của chị Hương.

Về mặt khách quan: Nguyễn Văn Minh và Ngô Tiến Mến lợi dụng trời đêm đã có hành vi đột nhập vào cửa hàng thu mua phế liệu của chị Hương để lấy tài sản. Hành vi này được coi là hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản theo quy định tại Điều 138 BLHS 1999. Hậu quả do hành vi lén lút lấy số phế liệu theo kết luận định giá tài sản số 107/HĐ ĐGTS ngày 16/3/2017, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Đông Anh kết luận tổng giá trị tài sản mà Minh và Mến chiếm đoạt là: 7.900.000 đồng. Căn cứ vào trị giá tài sản mà Minh và Mến trộm cắp, đây là hậu quả được mô tả trong cấu thành tội phạm của tội TCTS quy định tại khoản 1 Điều 138 BLHS 1999 (Sửa đổi, bổ sung năm 2009).

Với nội dung vụ án như trên, TAND huyện Đông Anh đã căn cứ vào các yếu tố như chủ thể, mặt khách quan, cụ thể là giá trị tài sản mà Nguyễn Văn Minh và Ngô Tiến Mến chiếm đoạt được, cũng như các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ đối với hai bị cáo, TAND huyện Đông Anh quyết định:

Tuyên bố: Các bị cáo Nguyễn Văn Minh (tức Long) và Ngô Tiến Mến (tức Tài) phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng Khoản 1 Điều 138; Điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự, xử phạt: Bị cáo **NGUYỄN VĂN MINH (TỨC LONG) 15** (Mười lăm) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án. Bị cáo **NGÔ TIẾN MẾN (TỨC TÀI) 12** (Mười hai) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Ví dụ 2: Bản án hình sự sơ thẩm số: 22/2018/HSST ngày 16/3/2018 của TAND huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội như sau:

Nguyễn Thị Hồng Nhung có hai con là Nguyễn Phương Linh và Nguyễn Phương Anh đang học tại các trường tiểu học. Nhung nhiều lần đến trường đón con, họp phụ huynh, quan sát biết sơ hở của bảo vệ và giáo viên của trường học nên nảy sinh ý định trộm cắp tài sản. Nhung thực hiện 04 vụ trộm cắp tài sản trên địa bàn huyện Đông Anh, Hà Nội. Cụ thể:

Vụ thứ nhất: Khoảng 15 giờ ngày 08/9/2017, Nguyễn Thị Hồng Nhung điều khiển xe máy nhãn hiệu PIAGIO Liberty BKS: 29S1-223.89 (mượn của chị Nguyễn Thị Hoa, sinh năm 1989; HKTT: Ấp Tó, Uy Nỗ, Đông Anh là em gái Nhung) đến trường tiểu học Bắc Hồng có địa chỉ tại thôn Quan Âm, xã Bắc Hồng, huyện Đông Anh. Nhung dắt xe máy vào trong trường (gần phòng bảo vệ), thấy không có ai, Nhung để xe máy ở gần phòng bảo vệ, sau đó lên tầng 3 dãy nhà 3 tầng bên phải (hướng đi từ cổng trường vào). Phát hiện không có giáo viên trong lớp 2E, Nhung đột nhập vào lớp trộm cắp 1.500.000 đồng để trong phong bì thư trong ngăn bàn giáo viên của cô giáo Ngô Thị Thu (là giáo viên chủ nhiệm lớp 2E) rồi đi xuống cổng trường, lấy xe máy tẩu thoát về hướng thôn Quan Âm, xã Bắc Hồng.

Vụ thứ hai: Khoảng 09 giờ 05 phút ngày 20/9/2017, Nhung điều khiển xe máy nhãn hiệu PIAGIO Liberty BKS: 29S1-223.89 đến trường tiểu học Ngô Tất Tố thuộc xã Mai Lâm, huyện Đông Anh, Hà Nội. Nhung để xe máy ngoài cổng trường rồi đi bộ vào nói đối với anh Nguyễn Phước Sơn (bảo vệ trường tiểu học Ngô Tất Tố) xin phép vào trong trường đóng học cho con. Nhung lên tầng 2, phát hiện không có giáo viên trong lớp 3B (phòng học số 4), Nhung đột nhập vào lớp mở tủ cá nhân làm bằng tôn, không khóa của cô giáo Ngô Thị Hồng Phúc (giáo viên chủ nhiệm lớp 3B) trộm cắp 01 ví da màu trắng để trong cặp da màu đen cất giấu vào trong người bên trong có 8.020.000 đồng và một số giấy tờ cá nhân. Nhung tiếp tục đột nhập vào lớp 3C (phòng học số 3) mở tủ cá nhân làm bằng tôn, không khóa của cô giáo Lê Thị Tính (giáo viên chủ nhiệm lớp 3C) trộm cắp được 170.000 đồng trong cặp sách cất giấu vào trong người. Nhung đi xuống tầng 1 đột nhập vào lớp 1B (phòng số 7) mở tủ cá nhân làm bằng tôn, không khóa của cô giáo Nguyễn Thị Hoài Thanh (chủ nhiệm lớp 1B) trộm cắp 01 chiếc ví da màu đen để trong cặp da bên trong có 2.000.000 đồng và một số giấy tờ cá nhân. Tiếp đó, Nhung đột nhập vào lớp 1C (phòng học số 8) mở tủ cá nhân làm bằng tôn, không khóa của cô giáo Chử Thị Vân Anh trộm cắp 01 ví da màu đen để trong cặp da bên trong có 1.350.000 đồng và một số giấy tờ cá nhân, rồi đột nhập vào lớp 1E (phòng nghệ thuật) mở tủ cá nhân làm bằng tôn, không khóa của cô giáo Đỗ Thị Chiến trộm cắp 01 ví da màu hồng để trong cặp bên trong có 900.000 đồng và một số giấy tờ. Sau khi trộm cắp được tài sản, Nhung đi ra khỏi trường về thôn Đông, xã Việt Hùng, huyện Đông Anh, Hà Nội dừng lại lục soát lấy hết tiền cất giấu vào trong người và vớt 04 chiếc ví cùng các giấy tờ vừa trộm cắp được qua khe nắp cống xuống rãnh nước ở rìa đường rồi đi về nhà.

Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng huyện Đông Anh định giá và kết luận: 04 chiếc ví của bà Ngô Thị Hồng Phúc, bà Nguyễn Thị Hoài Thanh, bà Chử Thị Vân Anh và bà Đỗ Thị Chiến bị Nhung trộm cắp tổng trị giá 400.000 đồng.

Vụ thứ ba: Khoảng 09 giờ ngày 25/9/2017, Nguyễn Thị Hồng Nhung điều khiển xe máy nhãn hiệu PIAGIO Liberty BKS: 29S1-223.89 đến trường tiểu học Kim Nỗ, huyện Đông Anh. Nhung để xe máy ở ngoài cổng trường đi bộ qua

phòng bảo vệ và nói dối anh Nguyễn Mậu Hanh (là bảo vệ trường tiểu học Kim Nỗ) vào trong trường đóng học cho con, sau đó Nhung đi thẳng đến dãy nhà 3 tầng phía Đông (đối diện cổng trường) lên tầng 2, phát hiện không có giáo viên trong lớp, Nhung đột nhập vào lớp 3D mở tủ cá nhân của cô giáo Nguyễn Thị Kim Anh (giáo viên chủ nhiệm lớp 3D) trộm cắp một ví da màu đen để trong cặp bên trong có 1.500.000 đồng và các giấy tờ cá nhân khác cất giấu vào trong người rồi đi ra cổng trường, lấy xe máy tẩu thoát về hướng xã Vân Nội, huyện Đông Anh. Trên đường đi, Nhung lục soát lấy tiền và vứt ví cùng các giấy tờ ở rìa đường, Nhung không xác định được cụ thể đoạn đường nào.

Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng huyện Đông Anh định giá và kết luận chiếc ví da màu đen của bà Kim Anh bị Nhung trộm cắp trị giá 150.000 đồng.

Vụ thứ tư: Khoảng 15 giờ 30 phút ngày 25/9/2017, Nguyễn Thị Hồng Nhung điều khiển xe máy nhãn hiệu PIAGIO Liberty BKS: 29S1-223.89 đến trường tiểu học Nam Hồng. Nhung dắt xe máy vào trong trường và để xe máy ở vị trí cách cổng 10m về phía Nam, quan sát thấy không có ai, Nhung đi lên tầng 2 dãy nhà 3 tầng (bên phải phía Bắc), phát hiện không có giáo viên trong lớp, Nhung đột nhập vào phòng học số 21 mở tủ cá nhân của cô giáo Nguyễn Thị Thu Thủy trộm cắp số tiền 700.000 đồng để trong cặp sách cất giấu vào người. Nhung tiếp tục đột nhập vào phòng học số 24 mở cặp sách của cô giáo Trần Thị Mỹ Trâm trộm cắp số tiền 3.000.000 đồng để trên bàn giáo viên cất giấu vào trong người. Nhung tiếp tục đột nhập vào phòng học số 26 mở cặp sách để trên ghế giáo viên của cô giáo Ngô Thị Minh Liên trộm cắp số tiền 1.000.000 đồng cất giấu vào trong người. Sau đó Nhung tẩu thoát ra chỗ để xe máy, đi ra khỏi cổng đi về phía đường Quốc lộ 23B.

Ngày 12/10/2017, Nhung trộm cắp tài sản tại trường tiểu học Xuân Đình, Quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội thì bị phát hiện bắt quả tang, bị tạm giữ xe máy nhãn hiệu PIAGIO Liberty BKS: 29S1-223.89.

Cơ quan cảnh sát điều tra – Công an huyện Đông Anh phối hợp với cơ quan cảnh sát điều tra – Công an Quận Bắc Từ Liêm đấu tranh với Nguyễn Thị Hồng Nhung làm rõ hành vi phạm tội trên địa bàn quận Bắc Từ Liêm và địa bàn huyện

Đông Anh. Ngày 04/12/2017 Cơ quan CSĐT – Công an Quận Bắc từ Liêm khởi tố vụ án trộm cắp tài sản, khởi tố bị can đối với Nguyễn Thị Hồng Nhung.

Tại cáo trạng số 23/VKS-HS ngày 12 tháng 02 năm 2018, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội đã truy tố Nguyễn Thị Hồng Nhung về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Như vậy, đối với vụ án này, TAND huyện Đông Anh đã định tội danh đối với Nguyễn Thị Hồng Nhung như sau:

Về khách thể: Hành vi trộm cắp tiền của các giáo viên trong trường tiểu học của bị cáo Nguyễn Thị Hồng Nhung đã xâm phạm trực tiếp đến quan hệ sở hữu về tài sản của giáo viên, làm mất khả năng quản lý, sử dụng và định đoạt tiền của người khác.

Về chủ thể: Nguyễn Thị Hồng Nhung là người đã thành niên, đạt độ tuổi nhất định phải chịu TNHS, có khả năng nhận thức và điều khiển hành vi trộm cắp tài sản của mình là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của chị Ngô Thị Thu, Ngô Thị Hồng Phúc, Lê Thị Tính, Nguyễn Thị Hoài Thanh, Nguyễn Thị Kim Anh, Trần Thị Mỹ Trâm, Ngô Thị Minh Liên và Nguyễn Thị Thu Thủy nhưng vẫn cố ý lấy trộm bằng được số tiền của 4 giáo viên này.

Về mặt khách quan: Hành vi trộm cắp tiền của giáo viên trong trường tiểu học của bị cáo Nguyễn Thị Hồng Nhung đã thực hiện 4 lần trên địa bàn huyện Đông Anh. Cả 4 vụ TCTS, Nhung đều dùng thủ đoạn lén lút, lợi dụng sơ hở của bảo vệ và giáo viên trong trường học như bảo vệ không có mặt ở trường, nói dối bảo vệ, giáo viên vắng trong lớp, tủ cá nhân của giáo viên không khóa nên nảy sinh ý định trộm cắp tài sản. Hành vi của bị cáo Nhung đã gây ra tổng thiệt hại về tài sản của các giáo viên trong trường qua 4 lần phạm tội là: 18.690.000 đồng. Căn cứ vào trị giá tài sản mà bị cáo Nhung trộm cắp, đây là hậu quả được mô tả trong cấu thành tội phạm của tội TCTS quy định tại khoản 1 Điều 173 BLHS 2015 (sửa đổi bổ sung 2017).

TAND huyện Đông Anh quyết định: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị Hồng Nhung phạm tội “Trộm cắp tài sản”. Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1

Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015, xử phạt: Nguyễn Thị Hồng Nhung 20 (Hai mươi) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

- *Định tội danh theo cấu thành tăng nặng của tội trộm cắp tài sản*

+) *Định tội danh theo quy định tại khoản 2, Điều 138 BLHS 1999:*

Các tình tiết định khung tăng nặng theo quy định tại khoản 2, Điều 138 BLHS tương tự như cấu thành cơ bản, vẫn phải định tội theo các yếu tố CTTTP của tội TCTS, chỉ khác về mức độ hậu quả (tức thiệt hại về tài sản) xảy ra thuộc về dấu hiệu của mặt khách quan.

** Trường hợp người phạm tội có tính chất chuyên nghiệp:*

Trường hợp phạm tội này cũng tương tự như các trường hợp phạm tội có tính chất chuyên nghiệp quy định trong Bộ luật hình sự, tức là người phạm tội lấy việc trộm cắp tài sản là phương tiện sinh sống chính của mình. Nói chung, trộm cắp tài sản có tính chất chuyên nghiệp thường được thực hiện có tổ chức. Tuy nhiên cũng có trường hợp chỉ một hoặc hai người chuyên trộm cắp tài sản nhưng chỉ là trường hợp đồng phạm thông thường. Qua việc nghiên cứu các vụ án xét xử cho thấy, trong khoảng 5 năm, TAND huyện Đông Anh đã xét xử 17 vụ án trộm cắp tài sản, 34 bị cáo bị xét xử theo khoản 2 Điều 138 BLHS 1999. Số vụ án phạm tội có tính chất chuyên nghiệp cũng chiếm tỷ lệ đáng kể.

** Người phạm tội chiếm đoạt tài sản có giá trị từ năm mươi triệu đồng đến dưới hai trăm triệu đồng:*

Ví dụ tại bản án số: 24/2013/HSST Ngày 06/3/2013 của TAND huyện Đông Anh có nội dung như sau:

Nguyễn Văn Tuyền, Nguyễn Ngọc Điều, Nguyễn Ngọc Sợi đều trú tại thôn Thượng, Thượng Lan, Việt Yên, Bắc Giang cùng đồng bọn là Nguyễn Ngọc Đức, Bé Anh Tuấn không nghề nghiệp, tụ tập thành ổ nhóm đến thuê phòng trọ tại thôn Cổ Dương, Tiên Dương, Đông Anh, Hà Nội với mục đích trộm cắp tài sản để lấy tiền tiêu xài. Khoảng 01 giờ 00 ngày 04/10/2011, Đức rủ Tuyền, Tuấn, Điều đi trộm cắp tài sản. Bốn đối tượng đi trên 02 chiếc xe máy Nouvo màu đen và Honda Lead màu vàng đều không có BKS (cả hai xe máy trên đều là tài sản trộm cắp được). Khi đến Đài Bi, Uy Nỗ, Đông Anh, các đối tượng phát

hiện công nhà anh Vũ Tuyên Huấn khóa nhưng không chắc chắn. Đức bảo các đối tượng dừng lại rồi mở cốp xe lấy 01 chiếc mô lét và bảo Tuấn, Tuyên, Điều ra ngõ (cách nhà anh Huấn khoảng 200m) cảnh giới còn Đức cầm mô lét phá khoá cổng rồi đột nhập vào nhà. Khi vào đến tầng 1, phát hiện thấy một xe máy Honda Lead màu đen vàng, BKS 29S1- 06739 chìa khoá vẫn cắm ở xe. Đức dắt xe ra ngoài nổ máy đi ra chỗ Tuấn, Tuyên, Điều, Đức bảo Tuyên, Điều về phòng trọ trước rồi dùng xe máy vừa trộm cắp được chở Tuấn quay lại nhà anh Huấn xem có tài sản gì để tiếp tục trộm cắp. Đức bảo Tuấn đứng ngoài cổng cảnh giới, Đức vào trong nhà anh Huấn phát hiện trên gác xép có 01 Tivi LG 24 inch, 01 đầu đĩa, 01 đầu kỹ thuật số, 01 âm ly, 02 loa, Đức rút phích cắm để bê ra ngoài thì anh Nguyễn Xuân Cầu là em vợ của anh Huấn đi chơi về phát hiện, bắt giữ được Đức, còn Tuấn phóng xe chạy thoát. Cùng ngày, Tuyên, Điều và Tuấn mỗi người đi một xe máy trong đó có xe máy vừa trộm cắp được đến quán sửa chữa xe máy ở Khu công nghiệp Tiên Sơn, huyện Tiên Du, Bắc Ninh thay ổ khóa thì bị lực lượng Công an thuộc Đồn Công an Khu Công Nghiệp Tiên Sơn, Tiên Du, Bắc Ninh kiểm tra phát hiện. Bé Anh Tuấn bị bắt giữ và được bàn giao Cơ quan điều tra - Công an huyện Đông Anh. Nguyễn Văn Tuyên và Nguyễn Ngọc Điều chạy thoát.

Tại cáo trạng số 30/CT-VKS ngày 05/02/2013, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Anh, Hà Nội đã truy tố Nguyễn Ngọc Điều, Nguyễn Văn Tuyên về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm e khoản 2 Điều 138 Bộ luật hình sự; Nguyễn Ngọc Sợi về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự.

TAND huyện Đông Anh nhận thấy: Do đó xác định được: trong thời gian từ tháng 9 đến tháng 10 năm 2011 tại địa bàn huyện Đông Anh, bị cáo Nguyễn Ngọc Điều cùng đồng phạm thực hiện hành vi trộm cắp tài sản 04 vụ, tổng trị giá tài sản là 99.040.000 đồng. Nguyễn Văn Tuyên cùng đồng phạm thực hiện hành vi trộm cắp tài sản 03 vụ, tổng trị giá tài sản là 103.690.000 đồng. Nguyễn Ngọc Sợi cùng đồng phạm một lần trộm cắp tài sản trị giá 12.000.000đ.

Ngoài các dấu hiệu định tội trong CTPP cơ bản của tội TCTS, bị cáo Nguyễn Ngọc Điều , Nguyễn Văn Tuyên cùng đồng phạm, Nguyễn Ngọc Sợi

cùng đồng phạm đã thực hiện hành vi trộm cắp tài sản theo CTTP tăng nặng của tội TCTS với trị giá tài sản chiếm đoạt được là 99.040.000 đồng; 103.690.000 đồng; 12.000.000 đồng. Vì vậy, căn cứ vào giá trị tài sản chiếm đoạt được của các bị cáo cùng đồng phạm, đủ cơ sở kết luận các bị cáo Nguyễn Ngọc Điều, Nguyễn Văn Tuyên phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm e khoản 2 Điều 138 Bộ luật hình sự, điều khoản này quy định hình phạt tù từ 02 đến 07 năm; Nguyễn Ngọc Sợi phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự, điều khoản này quy định hình phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

Do vậy, với nội dung trên, TAND huyện Đông Anh quyết định: Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Ngọc Điều, Nguyễn Văn Tuyên, Nguyễn Ngọc Sợi phạm tội “Trộm cắp tài sản”; Áp dụng điểm e khoản 2 Điều 138; điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự, xử phạt: Nguyễn Văn Tuyên 04 (bốn) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 04/12/2012; Áp dụng điểm e khoản 2 Điều 138; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46, Bộ luật hình sự, xử phạt: Nguyễn Ngọc Điều 42 (bốn mươi hai) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 27/11/2012; Áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46, Điều 60 Bộ luật hình sự, xử phạt: Nguyễn Ngọc Sợi 08 (tám) tháng tù cho hưởng án treo. Thời hạn thử thách là 16 tháng kể từ ngày tuyên án. Giao bị cáo Sợi cho Ủy ban nhân dân xã Thượng Lan, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách bản án

** Người phạm tội thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm:*

Tại các bản án đã tuyên, Tòa án đã căn cứ vào nhân thân của người phạm tội, chỉ cần xác định người phạm tội có đủ các dấu hiệu quy định tại khoản 2 Điều 49 Bộ luật hình sự. Việc Tòa án áp dụng tình tiết “tái phạm nguy hiểm” là có căn cứ. Đây là tình tiết thuộc về nhân thân người phạm tội, không phụ thuộc vào hành vi phạm tội cụ thể của tội phạm này hay tội phạm khác.

Ví dụ: Bản án số 256/2013/HSST ngày 29/11/2013 của TAND huyện Đông Anh như sau:

Ngày 02/01/2013, anh Lê Văn Quý, sinh năm 1970; HKTT: Ngoại Hoàng, Lưu Hoàng, Ứng Hũa, Hà Nội; Chỗ ở: Ngõ 84, Phương Liệt, Thanh Xuân, Hà Nội, có đơn trình báo công an Đông Anh về việc cùng ngày anh bị 01 phụ nữ

trộm cắp 01 chiếc xe máy cùng một số tài sản và giấy tờ tùy thân tại nhà nghỉ 68 thuộc địa phận thôn Vĩnh Thanh, xã Vĩnh Ngọc, Đông Anh, Hà Nội.

Ngày 16/4/2013, Cơ quan cảnh sát điều tra, Công an quận Long Biên đã ra quyết định khởi tố vụ án, ngày 22/4/2013 ra quyết định khởi tố bị can đối với Đỗ Thị Thu Hường về tội Trộm cắp tài sản quy định tại Điều 138 Bộ luật hình sự. Quá trình điều tra, Cơ quan cảnh sát điều tra, Công an quận Long Biên đã điều tra mở rộng và khám phá các vụ án bị can Hường đã gây ra trên địa bàn huyện Đông Anh, đồng thời phối hợp với Cơ quan cảnh sát điều tra, Công an huyện Đông Anh giải quyết theo thẩm quyền.

Căn cứ vào đơn trình báo của người bị hại và các tài liệu thu thập được, Cơ quan cảnh sát điều tra, Công an huyện Đông Anh đó khởi tố vụ án, khởi tố bị can đối với Đỗ Thị Thu Hường về tội Trộm cắp tài sản và làm rõ hành vi phạm tội như sau:

Đỗ Thị Thu Hường đã có 02 tiền án, tháng 12/2007 Hường chấp hành xong hình phạt tù nhưng không chịu làm ăn lương thiện, nảy sinh ý định trộm cắp tài sản bằng thủ đoạn giao tiếp, làm quen với các lái xe ôm, Hường giả mạo tên là Loan làm cán bộ chi cục thuế rồi xin số điện thoại di động. Trước khi gây án, Hường dùng điện thoại di động của Hường gọi cho xe ôm đến đón với lý do “đi chùa làm lễ” nhưng khi đến cửa chùa, Hường lấy lý do chưa làm lễ được và rủ vào nhà nghỉ tắm rửa sạch sẽ để quay lại chùa làm lễ sau. Đỗ Thị Thu Hường đứng ra thuê phòng nghỉ và đi tắm trước. Lợi dụng lúc lái xe ôm đi tắm, Hường ở ngoài lục soát lấy tiền, điện thoại di động, chìa khóa xe máy xuống gặp quản lý nhà nghỉ nói dối “Đi ra ngoài có việc” rồi lấy xe máy bỏ trốn.

Từ cuối năm 2011 đến tháng 04/2013, Đỗ Thị Thu Hường đã thực hiện khoảng 21 vụ trộm cắp tài sản trên địa bàn quận Long Biên và các quận, huyện khác trên địa bàn thành phố Hà Nội. Từ đầu tháng 8/2012 đến tháng 01/2013 Hường đã gây ra 04 vụ trộm cắp tài sản trong các nhà nghỉ trên địa bàn huyện Đông Anh.

Ngày 21/5/2013, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Đông Anh kết luận: Đỗ Thị Thu Hường đã 04 lần thực hiện hành vi trộm cắp tài

sản trên địa bàn huyện Đông Anh với tổng giá trị tài sản chiếm đoạt là **68.150.000đ** (*Sáu tám triệu, một trăm năm mươi nghìn đồng*).

Tại cáo trạng số 249/CT-VKS ngày 11/11/2013, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Anh, Hà Nội đã truy tố Đỗ Thị Thu Hương về tội: Trộm cắp tài sản theo điểm b, c, e khoản 2 Điều 138 Bộ luật hình sự.

TAND đã định tội với hành vi trộm cắp tài sản của bị cáo Đỗ Thị Thu Hương như sau:

Về khách thể: Hành vi trộm cắp tài sản cụ thể là xe máy của bị cáo Đỗ Thị Thu Hương đã xâm phạm trực tiếp đến quan hệ sở hữu về tài sản của anh Lê Văn Quý cũng như 21 vụ TCTS mà Hương đã thực hiện, làm mất khả năng quản lý, sử dụng và định đoạt tài sản của người khác.

Về chủ thể: Đỗ Thị Thu Hương là người đã thành niên, đạt độ tuổi nhất định phải chịu TNHS, có khả năng nhận thức và điều khiển hành vi trộm cắp tài sản của mình là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của anh Lê Văn Quý.

Về mặt khách quan: Hành vi trộm cắp 01 chiếc xe máy cùng một số tài sản và giấy tờ tùy thân của anh Lê Văn Quý, bằng thủ đoạn giao tiếp, Hương làm quen với các lái xe ôm, Hương giả mạo tên là Loan làm cán bộ chi cục thuế rồi xin số điện thoại di động sau đó lợi dụng sơ hở của những người này, Hương đã lấy trộm điện thoại di động, xe máy rồi bỏ trốn. Hành vi của bị cáo là hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản của người khác một cách trái pháp luật được mô tả trong CTTP của tội TCTS.

Với nội dung trên, TAND huyện Đông Anh Tuyên bố bị cáo **Đỗ Thị Thu Hương** phạm tội “Trộm cắp tài sản”. Áp dụng điểm b, c, e khoản 2 Điều 138; điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự, Xử phạt: **Đỗ Thị Thu Hương 04 (bốn) năm tù**. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo để thi hành án.

2.2. Thực tiễn quyết định hình phạt

2.2.1. Khái quát lý luận về quyết định hình phạt

- Khái niệm và ý nghĩa của quyết định hình phạt

Hình phạt là biện pháp quan trọng được Nhà nước sử dụng để đấu tranh với tội phạm, là một trong những biện pháp cưỡng chế được áp dụng đối với người có lỗi trong việc thực hiện tội phạm. Theo quy định tại Điều 26 BLHS thì “Hình phạt là biện pháp cưỡng chế nghiêm khắc nhất của Nhà nước nhằm tước bỏ hoặc hạn chế quyền, lợi ích của người phạm tội. Hình phạt được quy định trong BLHS và do Tòa án quyết định”.

QĐHP là một trong những giai đoạn cơ bản, một trong những nội dung của quá trình áp dụng pháp luật hình sự. Giai đoạn này chiếm vị trí đặc biệt trong quá trình áp dụng pháp luật hình sự. Điều đó thể hiện ở chỗ chỉ có Tòa án mới có quyền QĐHP. Khi QĐHP, Tòa án nhân danh Nhà nước và tuyên bố áp dụng hình phạt cụ thể đối với người phạm tội, thể hiện sự lên án của Nhà nước đối với người phạm tội về hành vi tội phạm của họ đồng thời trừng trị họ.

QĐHP là một bước trong hoạt động pháp lý của Tòa án trong việc áp dụng pháp luật hình sự, do Thẩm phán và Hội thẩm nhân dân tiến hành đối với người phạm tội theo một trật tự pháp lý nhất định được quy định trong BLTTHS. Hoạt động QĐHP là hoạt động dựa vào kết quả của các giai đoạn TTHS trước đó bao gồm kết quả điều tra, kết quả buộc tội, kết quả thẩm vấn, tranh luận; sau khi có được các kết quả này những người QĐHP sẽ đối chiếu các tình tiết của vụ án hình sự đó với các dấu hiệu của một CTTTP cụ thể để đánh giá người phạm tội, từ đó xác định một loại hình phạt và một mức hình phạt cụ thể tối ưu nhất trong việc cải tạo, giáo dục và phòng ngừa tội phạm.¹²

Nội dung chính của QĐHP bao gồm:

- Tòa án lựa chọn một trong những hình phạt cụ thể được quy định trong điều luật (hoặc trong khoản của điều luật) được áp dụng để quyết định đối với bị cáo. Hoạt động này còn được gọi là xác định loại hình phạt;

¹² Bùi Mạnh Trung, Tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác theo pháp luật hình sự Việt Nam từ thực tiễn tỉnh Quảng Ninh, Hà Nội, 2016.

- Tòa án xác định một mức hình phạt cụ thể đối với bị cáo.

Hai nội dung này được tiến hành theo đúng trình tự trên đối với cả việc áp dụng hình phạt chính và hình phạt bổ sung. Loại hình phạt và mức hình phạt áp dụng đối với người phạm tội thể hiện trong bản án của Tòa án trên nguyên tắc áp dụng đúng các quy định của BLTTHS và được công bố công khai khi tuyên án.

QĐHP của Tòa án trong mọi trường hợp luôn phải đảm bảo đúng pháp luật, công bằng và cá thể hóa. QĐHP còn phải thể hiện được sự tương xứng của hình phạt được tuyên với tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi của người phạm tội, tương xứng với các đặc điểm về nhân thân của người phạm tội, với các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ TNHS và tương xứng với ý thức pháp luật của người phạm tội và dư luận của xã hội về vụ án. Do đó, QĐHP có những ý nghĩa quan trọng sau: QĐHP đúng là cơ sở pháp lý để đạt được mục đích của hình phạt; QĐHP đúng là cơ sở pháp lý đảm bảo và nâng cao hiệu quả của hình phạt; QĐHP đúng là điều kiện đảm bảo tính khả thi của hệ thống hình phạt; QĐHP đúng góp phần bảo đảm pháp chế trong Nhà nước CHXHCN Việt Nam.

Theo quan điểm của GS.TS Võ Khánh Vinh thì " QĐHP là một giai đoạn, một nội dung của áp dụng pháp luật hình sự thể hiện ở việc Tòa án lựa chọn loại và mức hình phạt cụ thể được quy định trong điều luật (khoản điều luật) theo một thủ tục nhất định để áp dụng đối với người phạm tội thể hiện trong bản án buộc tội" [45, tr 386].

Theo quan điểm của TS. Dương Tuyết Miên thì " QĐHP là hoạt động thực tiễn của Tòa án (Hội đồng xét xử) được thực hiện sau khi đã xác định được tội danh để định ra biện pháp xử lý tương xứng với tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi bị cáo đã thực hiện. Nội dung của hoạt động QĐHP có thể là miễn TNHS hoặc có thể là miễn hình phạt hoặc nếu Tòa án quyết định áp dụng hình phạt thì hoạt động QĐHP là việc xác định cụ thể trong phạm vi luật định đối với bị cáo" [20, tr. 63].

Từ những phân tích lý luận trên có thể kết luận rằng: QĐHP đối với tội TCTS là việc Hội đồng xét xử của Tòa án căn cứ vào các tình tiết của vụ án, dựa trên quy định của pháp luật hình sự để đưa ra hình phạt cụ thể đúng quy định

pháp luật hình sự Việt Nam để áp dụng đối với người đã thực hiện hành vi lên lút chiếm đoạt tài sản của người khác.

- Các căn cứ quyết định hình phạt

Theo từ điển Tiếng Việt, căn cứ được hiểu là “cái làm chỗ dựa, làm cơ sở để lập luận hoặc hành động”.¹³ Vậy căn cứ QĐHP là gì? Trong khoa học pháp lý có một số tác giả đưa ra định nghĩa về căn cứ QĐHP như sau:

Tác giả Võ Khánh Vinh định nghĩa “*Các căn cứ QĐHP là những đòi hỏi cơ bản có tính nguyên tắc do luật hình sự quy định hoặc do giải thích luật mà có, buộc Tòa án phải tuân theo khi QĐHP đối với người thực hiện tội phạm*” [46, Tr. 395].

Theo tác giả Lê Cẩm đã định nghĩa căn cứ quyết định hình phạt như sau: “*Những căn cứ quyết định hình phạt là toàn bộ những yêu cầu có tính chất bắt buộc do luật định mà Tòa án phải nghiêm chỉnh tuân thủ khi quyết định hình phạt đối với người phạm tội*” [45, tr.24]

Điều 45 BLHS quy định: khi QĐHP, Tòa án căn cứ vào các quy định của BLHS, cân nhắc tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân người phạm tội và các tình tiết giảm nhẹ và tăng nặng TNHS. Khi QĐHP, Tòa án phải tuân theo những đòi hỏi quan trọng có tính nguyên tắc sau :

- Căn cứ vào quy định của BLHS, tức là căn cứ vào các quy định của Phần chung và Phần các tội phạm: Quy định của BLHS là cơ sở pháp lý quan trọng nhất để Tòa án định tội danh và xác định khung hình phạt, yêu cầu đầu tiên của việc lựa chọn đúng loại và mức hình phạt cụ thể. Khi QĐHP, Tòa án phải căn cứ vào các quy định của phần chung bao gồm các quy định có tính định hướng chung cho việc quyết định hình phạt như: nguyên tắc xử lý; miễn TNHS; Các hình phạt; Căn cứ quyết định hình phạt;... và các quy định cụ thể về quyết định hình phạt trong phần chung của BLHS như: Các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ TNHS; Quyết định hình phạt nhẹ hơn quy định của Điều luật; Tái phạm, tái phạm nguy hiểm; QĐHP trong trường hợp phạm nhiều tội; Tổng hợp hình phạt của nhiều bản án; QĐHP trong trường hợp đồng phạm; Miễn hình phạt;...

¹³ Viện Ngôn ngữ học (2003), Từ điển Tiếng Việt, NXB Đà Nẵng, trang 118.

Khi QĐHP, ngoài việc căn cứ vào các quy định của Phần chung BLHS, Tòa án còn phải căn cứ vào chế tài của điều luật quy định đối với tội phạm mà bị báo đã thực hiện để chọn một loại và mức hình phạt hợp lý, công bằng và nhân đạo nhất.

- Căn cứ vào tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của tội phạm đã thực hiện: Tính chất nguy hiểm của xã hội của tội phạm, trước hết được quyết định bởi ý nghĩa, tính chất, tầm quan trọng và giá trị của các quan hệ xã hội bị tội phạm đó xâm hại – khách thể bị xâm hại. Bên cạnh khách thể bị xâm hại, tính chất nguy hiểm cho xã hội của tội phạm còn phụ thuộc vào các dấu hiệu khác về mặt khách quan, về mặt chủ quan, các dấu hiệu đặc trưng cho chủ thể như những đặc điểm về nhân thân, nguyên nhân và điều kiện phạm tội. Tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của tội phạm không tách rời nhau, chúng tồn tại cùng nhau, hỗ trợ cho nhau. Khi QĐHP, Tòa án phải chỉ ra trong bản án những tình tiết cụ thể chứng minh tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội mà tội phạm đã thực hiện.

Hậu quả do tội phạm gây ra ảnh hưởng lớn đến việc QĐHP. Hậu quả do tội phạm gây ra chia làm hai loại : Các hậu quả được quy định là một yếu tố của CTTP và các hậu quả không được quy định là dấu hiệu bắt buộc của CTTP. Trong những trường hợp việc gây ra hậu quả được quy định là dấu hiệu bắt buộc của CTTP, thì chúng không được coi là dấu hiệu tăng nặng. Các hậu quả không được luật quy định là dấu hiệu bắt buộc của CTTP có ý nghĩa rất quan trọng đối với việc QĐHP. Hậu quả do tội phạm gây ra bao gồm cả những thiệt hại về vật chất lẫn những thiệt hại về mặt khác. Mức độ nghiêm trọng của hậu quả do tội phạm gây ra ảnh hưởng đến mức độ nghiêm khắc của hình phạt được quyết định.

- Căn cứ vào nhân thân người phạm tội: Nhân thân người phạm tội là tổng hợp các đặc điểm, những dấu hiệu quan trọng thể hiện rõ nhất bản chất xã hội của con người thực hiện hành vi phạm tội. Những đặc điểm đó có thể là tuổi, nghề nghiệp, thái độ làm việc, thái độ trong quan hệ với những người khác, trình độ văn hóa, lối sống, hoàn cảnh gia đình và đời sống kinh tế,... Nhân thân người phạm tội tuy không phải là yếu tố cấu thành tội phạm nhưng nó lại có ý nghĩa rất

quan trọng trong việc định khung hình phạt, là một trong những tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Nhân thân người phạm tội được quy định tại Điều 46 và Điều 48 BLHS. Luật quy định khi QĐHP, Tòa án phải cân nhắc đến những đặc điểm, đặc tính nói trên làm cơ sở cho việc giải quyết vấn đề TNHS của người phạm tội một cách công minh, có căn cứ và đúng pháp luật.

Những đặc điểm, đặc tính nhân thân người phạm tội được Tòa án nghiên cứu, cân nhắc, đánh giá dưới hai khía cạnh: Khía cạnh pháp luật hình sự và khía cạnh tội phạm học. Việc nghiên cứu, cân nhắc, đánh giá nhân thân ở khía cạnh pháp luật hình sự là nhằm sáng tỏ những tình tiết có ý nghĩa trực tiếp đối với việc QĐHP. Nghĩa là xác định, đánh giá, cân nhắc những đặc điểm, đặc tính thuộc nhân thân người phạm tội nhằm làm giảm nhẹ hoặc tăng nặng TNHS được quy định ở Điều 46 và Điều 48 BLHS.

Việc nghiên cứu, cân nhắc, đánh giá nhân thân người phạm tội dưới khía cạnh tội phạm học được tiến hành nhằm mục đích làm sáng tỏ các nguyên nhân, các điều kiện phạm tội, các điều kiện hình thành nhân cách, đạo đức, lối sống, cư xử, trình độ văn hóa, các mối quan hệ nói lên mặt tốt, mặt xấu của người phạm tội. Những đặc điểm, đặc tính đó ảnh hưởng đến việc QĐHP. Khi cân nhắc các đặc điểm, đặc tính đó Tòa án phải ghi rõ trong bản án và nói rõ chúng có ảnh hưởng như thế nào đối với QĐHP.

Trong từng vụ án cụ thể, Tòa án phải xác định và chỉ rõ những tình tiết cụ thể chứng minh mức độ nguy hiểm cho xã hội của nhân thân người phạm tội, bao gồm cả các đặc điểm xấu lẫn các đặc điểm tốt của người đó để QĐHP. Cần phân định rõ các đặc điểm về nhân thân của người phạm tội với các dấu hiệu chủ thể của tội phạm. Các đặc điểm thuộc về nhân thân người phạm tội chỉ có ý nghĩa trong việc cá thể hóa hình phạt được đúng đắn. Vì vậy, khi các đặc điểm nhân thân của người phạm tội đã được xác định thuộc về dấu hiệu chủ thể tội phạm trong cấu thành định tội (kể cả chủ thể đặc biệt) thì không được cân nhắc khi quyết định hình phạt.

- Căn cứ các tình tiết giảm nhẹ và tăng nặng trách nhiệm hình sự: Khi QĐHP, luật quy định (Điều 45 BLHS) Tòa án không những phải cân nhắc tính

chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của tội phạm đã thực hiện, nhân thân người phạm tội, mà còn phải cân nhắc các tình tiết giảm nhẹ và tăng nặng TNHS. Do đó, cân nhắc tình tiết giảm nhẹ và tăng nặng TNHS là một trong những căn cứ của việc QĐHP.

Tòa án có vai trò quan trọng trong việc xác định, đánh giá, cân nhắc và lựa chọn các tình tiết giảm nhẹ và tăng nặng có trong từng vụ án cụ thể. Luật quy định việc đánh giá các tình tiết giảm nhẹ và tăng nặng ảnh hưởng đến mức nào cho việc QĐHP là thẩm quyền của Tòa án, thể hiện tính hợp lý, tính mềm dẻo và tính xác định tương đối của luật.

Các tình tiết giảm nhẹ TNHS được quy định ở Điều 46 BLHS và các tình tiết tăng nặng TNHS được quy định cụ thể ở Điều 48 BLHS. Hai quy định này là hai nhóm tình tiết về TNHS của người phạm tội nhưng lại có giá trị pháp lý ngược nhau. Khi cân nhắc tình tiết giảm nhẹ và tăng nặng TNHS để QĐHP đối với bị cáo, Tòa án phải tuân thủ nghiêm túc quy định có tính nguyên tắc rằng các tình tiết tăng nặng chỉ là các tình tiết được quy định trong luật (Điều 48 BLHS), còn các tình tiết giảm nhẹ có thể là những tình tiết được quy định trong luật, cũng có thể là những tình tiết không được quy định trong luật nhưng được Tòa án coi là tình tiết giảm nhẹ và cần nói rõ lý do và ghi rõ trong bản án.

Trong một vụ án, nếu có càng nhiều tình tiết giảm nhẹ, mức độ giảm nhẹ của từng tình tiết càng lớn thì mức độ giảm nhẹ càng lớn và trong một số trường hợp có thể QĐHP nhẹ hơn quy định của BLHS hoặc miễn hình phạt. Ngược lại, trong một vụ án, số lượng tình tiết tăng nặng càng nhiều, ý nghĩa tăng nặng của từng tình tiết đó càng lớn, thì mức độ nguy hiểm cho xã hội của tội phạm và nhân thân người phạm tội càng cao, do đó, hình phạt được quyết định đối với bị cáo càng phải nghiêm khắc.¹⁴

Tuy nhiên, nhiều vụ án có cả các tình tiết giảm nhẹ lẫn các tình tiết tăng nặng TNHS. Trong những trường hợp như vậy, Tòa án phải đánh giá, cân nhắc

¹⁴ Bùi Mạnh Trung, Tội có ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác theo pháp luật hình sự Việt Nam từ thực tiễn tỉnh Quảng Ninh, Hà Nội, 2016.

để có thể quyết định một hình phạt công bằng, hợp lý, phù hợp với lỗi của người phạm tội.

Khi đánh giá, cân nhắc các tình tiết giảm nhẹ và tăng nặng TNHS, Tòa án phải ghi cụ thể trong bản án những tình tiết nào được coi là tình tiết là tình tiết giảm nhẹ, những tình tiết nào được cân nhắc với ý nghĩa tăng nặng. Việc chỉ ra một cách cụ thể cách tình tiết giảm nhẹ và tăng nặng trong bản án làm cho hình phạt được tuyên có sức thuyết phục, có căn cứ hơn đối với người bị kết án và những người khác, tạo điều kiện cho việc cải tạo, giáo dục người phạm tội, thể hiện tính công bằng, tại điều kiện cho Tòa án cấp trên kiểm tra tính hợp lý và tính có căn cứ của bản án.

2.2.2. Thực tiễn quyết định hình phạt đối với tội trộm cắp tài sản ở huyện Đông Anh – Thành phố Hà Nội

- Kết quả đạt được

QĐHP là một giai đoạn quan trọng trong quá trình xét xử tội phạm, là kết quả của quá trình định tội danh. QĐHP phải phù hợp với mức độ, tính nguy hiểm trong hành vi phạm tội của bị cáo, phù hợp với các chứng cứ, tài liệu, quan điểm của những người tham gia tố tụng, nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ, là tiền đề, điều kiện để đạt mục đích hình phạt, ra một bản án tuyên hình phạt đúng đắn và có hiệu quả, khi đó, các yếu tố về mặt lập pháp mới có ý nghĩa thực tiễn. sẽ thể hiện được sự răn đe, giáo dục người phạm tội nhưng vẫn thể hiện sự nhân đạo của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Bảng 2.4: Hình phạt được áp dụng đối với các bị cáo bị xét xử về tội trộm cắp tài sản

Đơn vị tính: Bị cáo

Năm	Tổng số bị cáo	Các hình phạt áp dụng								
		Phạt tiền	Đưa vào trường giáo dưỡng	Cải tạo không giam giữ	Cho hưởng án treo	Tù dưới 3 năm	Tù từ 3 năm đến 7 năm	Tù từ 7 năm đến 15 năm	Tù trên 15 năm đến 20 năm	Tù chung thân
2013	105	0	0	0	26	74	5	0	0	0
2014	83	0	0	0	20	49	14	0	0	0
2015	66	2	0	0	14	48	2	0	0	0
2016	61	1	0	1	22	37	0	0	0	0
2017	50	0	0	2	6	36	6	0	0	0
Tổng	365	3	0	3	88	244	27	0	0	0
Số %		0,81%	0	0,82%	24,1%	66,8%	7,4%	0	0	0

(Nguồn: Số liệu thống kê tội phạm của TAND huyện Đông Anh)

Trên đây là bảng số liệu thực tiễn quá trình QĐHP đối với người phạm tội TCTS trên địa bàn huyện Đông Anh từ năm 2013 đến năm 2017.

Qua bảng thống kê có thể nhận thấy sự phù hợp về hình phạt so với định tội danh. Nghĩa là hình phạt tương xứng với hành vi mà người phạm tội gây ra. Cụ thể, ở bảng 2.3, số vụ án bị áp dụng khoản 1 là nhiều nhất, nên tương ứng với hình phạt, số bị cáo bị xử phạt mức tù dưới 3 năm là nhiều nhất, chiếm 66,8% các bị cáo. Khoản 2 xếp sau khoản 1, tương ứng là 7,4% các bị cáo bị xử phạt từ 3 tới dưới 7 năm tù.

Ví dụ như Bản án số: 122/2017/HSST ngày 16/9/2017 của TAND huyện Đông Anh như sau:

Ngày 18/6/2017 bà Đoàn Thị Xích (sinh năm 1975, trú tại: Tổ 47, thị trấn Đông Anh, huyện Đông Anh, Hà Nội) có đơn trình báo cơ quan điều tra, Công an huyện Đông Anh về việc: Khoảng 13 giờ ngày 17/6/2017 bà Xích cùng con gái là Nguyễn Thị Thu Vân, sinh năm 2005 ngủ trưa tại nhà ở tổ 47, thị trấn Đông Anh, huyện Đông Anh, Hà Nội, khi đi ngủ bà Xích có để 01 chiếc điện thoại Oppo F3- plus màu hồng nhạt, có lắp sim số 01666385263 ở dưới chiếu cạnh vị trí ngủ. Đến khoảng 15 giờ cùng ngày, bà Xích tỉnh dậy phát hiện bị mất chiếc điện thoại. Sau đó, bà Xích có nhờ anh Nguyễn Xuân Hiệp, sinh năm 1995, là hàng xóm kinh doanh Internet có lắp máy camera ở ngoài cửa kiểm tra lại hình ảnh của quán. Quá trình kiểm tra phát hiện khoảng 14 giờ 10 phút ngày 17/6/2017 có 01 thanh niên đi xe máy Honda Vision BKS: 19K1-086.29 mặc áo kẻ sọc, mặc quần ngắn, đi dép quai hậu đến và vào quán của bà Xích, sau đó thanh niên phóng xe đi về. Anh Hiệp cho bà Xích mượn điện thoại chụp lại hình ảnh của nam thanh niên và chiếc xe máy trên màn hình rồi đi rửa. Bà Xích đến cơ quan công an huyện Đông Anh trình báo, kèm theo ảnh về đối tượng thanh niên khả nghi. Sau khi tiếp nhận đơn trình báo, cơ quan điều tra đã áp dụng các biện pháp điều tra để xác định được người phạm tội trộm cắp tài sản nêu trên.

Quá trình điều tra xác định được: Khoảng 18 giờ ngày 27/6/2017, Hoàng Mạnh Cường, sinh năm 1987, có hộ khẩu thường trú tại thôn Tân Hòa, xã Hữu Lũng, huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn, hiện đang ở Tổ 17 thị trấn Đông Anh, huyện Đông Anh, Hà Nội có chở ông Vũ Hữu Quang, sinh năm 1957, trú tại: Tổ 20 thị trấn Đông Anh, huyện Đông Anh, Hà Nội bằng xe máy BKS:19K1-086.29 (là xe máy của bà Nguyễn Thị Hoàn, vợ cũ ông Quang) lưu thông trên đường Tổ 17, thị trấn Đông Anh, huyện Đông Anh thì bị lực lượng công an phát hiện và mời về trụ sở làm việc.

Tại cáo trạng số 125/VKS-HS ngày 29 tháng 8 năm 2017, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội đã truy tố Hoàng Mạnh Cường về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật Hình sự.

* Trong vụ án này, khi QĐHP TAND huyện Đông Anh đã căn cứ QĐHP như sau:

- Về căn cứ vào các quy định của BLHS: Tại phiên toà bị cáo khai nhận hành vi phạm tội như nội dung bản cáo trạng đã nêu. Lời khai của bị cáo tại phiên toà phù hợp với các tài liệu, chứng cứ đã được thu thập trong quá trình điều tra vụ án. Do đó xác định được: Khoảng 15 giờ ngày 17 tháng 6 năm 2017, tại nhà bà Đoàn Thị Xích ở Tổ 47, thị trấn Đông Anh, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội, lợi dụng sự sơ hở của bà Xích, Hoàng Mạnh Cường có hành vi lén lút trộm cắp chiếc điện thoại OPPO F3 màu hồng, số IMEL1: 863660031596619, số IMEL2: 863660031596601 trị giá 5.650.000 đồng của bà Xích để ở chiếu dưới nền nhà. Vì vậy, đủ cơ sở kết luận Hoàng Mạnh Cường phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật Hình sự, điều khoản này quy định hình phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

- Về căn cứ vào tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội: Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội vì chẳng những đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, mà còn gây mất trật tự trị an xã hội trên địa bàn huyện Đông Anh. Bị cáo nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật. Song do tham lam tư lợi và coi thường pháp luật nên bị cáo vẫn cố tình phạm tội.

- Về căn cứ vào nhân thân người phạm tội: Bị cáo có quá trình nhân thân xấu: Ngày 14/9/2004, Tòa án nhân dân huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội xử phạt 08 tháng tù về tội “Cưỡng đoạt tài sản”. Ngày 29/11/2004, Tòa án nhân dân huyện Đông Anh, Hà Nội xử phạt 08 tháng tù về tội Cưỡng đoạt tài sản. Tổng hợp hình phạt 08 tháng tù của bản án này và hình phạt 08 tháng tù của bản án ngày 14/9/2004. Buộc Hoàng Mạnh Cường phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai bản án là 16 (mười sáu) tháng tù. Bị cáo nộp án phí ngày 12/8/2005, chấp hành xong hình phạt tù ngày 30/8/2005. Ngày 26/11/2008, Tòa án nhân dân thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ xử phạt 09 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản, nộp án phí ngày 27/5/2009, chấp hành xong hình phạt tù ngày 02/6/2009. Mặc dù các bản án này đã được xóa án, nhưng thể hiện thái độ không chịu tu dưỡng của bị cáo. Chính vì vậy cần phải xử lý bị cáo nghiêm minh trước pháp luật mới có tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

- Về căn cứ vào các tình tiết giảm nhẹ và tăng nặng TNHS: bị cáo đã thành khẩn khai báo và ăn năn hối cải, phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn, tài sản đã được thu hồi trả cho người bị hại, gia đình bị cáo bồi thường toàn bộ cho người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan. Do đó, áp dụng các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm g, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo thể hiện tính nhân đạo của pháp luật.

Căn cứ vào các lý do trên đây khi QĐHP, TAND huyện Đông Anh đã quyết định: Tuyên bố bị cáo *Hoàng Mạnh Cường* phạm tội “Trộm cắp tài sản”. Áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm g, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự, xử phạt: *Hoàng Mạnh Cường 08 (Tám) tháng tù*. Thời hạn tù tính từ ngày 27 tháng 6 năm 2017. Áp dụng các Điều 76, 99, 231, 234 của Bộ luật Tố tụng Hình sự; Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án; Tịch thu tiêu hủy: 01 mũ lưỡi trai màu đen; 01 áo sơ mi kẻ caro màu đen trắng; 01 đôi dép quai hậu; 01 chiếc điện thoại HTC Desire HD A9191 đã bị rạn vỡ màn hình, có lắp sim số thuê bao 01627469979 (Tình trạng như biên bản giao nhận vật chứng ngày 30/8/2017 giữa Công an huyện Đông Anh và Chi cục thi hành án dân sự huyện Đông Anh). Bị cáo phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm để sung công quỹ nhà nước.

Án xử công khai, sơ thẩm. Bị cáo, bà Thảo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bà Xích, anh Lương có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hợp lệ. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chỉ có quyền kháng cáo về phần dân sự liên quan đến quyền, nghĩa vụ của mình.

2.3. Những vi phạm, sai sót trong định tội danh và Quyết định hình phạt đối với tội trộm cắp tài sản tại huyện Đông Anh

2.3.1. Thực trạng và nguyên nhân

Nhận thức chưa đúng các tình tiết giảm nhẹ TNHS quy định tại Điều 46 BLHS:

Hiện nay, các tình tiết giảm nhẹ TNHS được quy định tương đối đầy đủ tại khoản 1 Điều 46 BLHS, ngoài ra khoản 2 Điều 46 BLHS còn cho phép Tòa án xem xét áp dụng các tình tiết giảm nhẹ khác không được quy định tại khoản 1 Điều 46 BLHS và phải ghi rõ các tình tiết “mới” này trong bản án. Thực tế xét xử hiện nay cho thấy có rất nhiều tình tiết “mới” được áp dụng một cách phổ biến trong nhiều bản án ở nhiều Tòa án các cấp trên toàn quốc, nhưng đến nay chưa được ghi nhận vào khoản 1 Điều 46 BLHS như: người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; bị cáo là cha, mẹ, vợ, chồng, con của liệt sỹ, người có công với cách mạng... Vì vậy dễ xảy ra trường hợp: ở đa số Tòa án các cấp trên toàn quốc đã vận dụng quy định tại khoản 2 Điều 46 BLHS để quyết định đây là tình tiết giảm nhẹ đối với người phạm tội, nhưng một số Tòa án khác thì lại không coi đây là tình tiết giảm nhẹ vì vậy không xem xét áp dụng đối với người phạm tội. Việc không phải là một trong những tình tiết “cứng” được ghi nhận như các tình tiết tại khoản 1 Điều 46 BLHS đã dẫn tới việc áp dụng không thống nhất như trên.

Quyết định hình phạt chưa tương xứng với người phạm tội sau khi áp dụng quy định tại Điều 47 BLHS:

Điều 47 BLHS quy định: “*Khi có ít nhất hai tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 Điều 46 của Bộ luật này, Tòa án có thể quyết định một hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt mà điều luật đã quy định nhưng phải trong khung hình phạt liền kề nhẹ hơn của điều luật...*” Theo hướng dẫn tại Nghị quyết số 01/2000/NQ-HĐTP ngày 04/8/2000 của HĐTP TANDTC thì những quy định tại Điều 47 BLHS chỉ áp dụng đối với hình phạt chính mà không áp dụng đối với hình phạt bổ sung.

Tuy nhiên thực tiễn xét xử cho thấy: trong một số trường hợp người phạm tội có nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại Điều 46 BLHS, được áp dụng quy định tại Điều 47 BLHS và xử phạt bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt của điều luật áp dụng với bị cáo, mức xử phạt đó là trong khung hình phạt thấp hơn liền kề của điều luật nhưng vẫn là quá nặng đối với bị cáo. Đặc biệt trong một số vụ án đồng phạm, khi người phạm tội không phải có vai trò chính

trong vụ án mà ngược lại chỉ có vai trò rất mờ nhạt, thậm chí trong nhiều trường hợp có thể đánh giá khách quan rằng nếu như không có sự đóng góp của người phạm tội đó thì tội phạm vẫn sẽ diễn ra bởi những người phạm tội khác. Trong những trường hợp như vậy, việc áp dụng cứng nhắc các quy định của Điều 47 BLHS khiến cho việc xử lý đối với người phạm tội là quá nghiêm khắc, chưa tương xứng với hành vi của người phạm tội trong vụ án.

2.3.2. Những khó khăn, vướng mắc

Trên thực tế, những vướng mắc dẫn đến sai lầm trong quá trình định tội danh đối với tội TCTS không phải là không có, thậm chí có thể nói là nhiều vướng mắc.

* Xác định nhân thân, tình tiết định khung tăng nặng hình phạt đối với Tội TCTS:

- *Xác định trường hợp bị coi là “đã bị xử phạt hành chính về hành vi chiếm đoạt” tại khoản 1 Điều 138 BLHS.*

Theo tiêu mục 1.1 mục 1 Phần I Thông tư liên tịch số 02 thì bị coi là “*đã bị xử phạt hành chính về hành vi chiếm đoạt*”, nếu trước đó đã bị xử lý bằng một trong các hình thức sau đây về hành vi chiếm đoạt, nhưng chưa hết thời hạn để được coi là chưa bị xử lý mà lại thực hiện hành vi trộm cắp tài sản: a) Đã bị xử phạt vi phạm hành chính theo đúng quy định của Pháp lệnh xử lý vi phạm hành chính; b) Đã bị xử lý kỷ luật theo đúng quy định của Điều lệnh, Điều lệ của lực lượng vũ trang nhân dân; c) Đã bị xử lý kỷ luật theo đúng quy định của cơ quan có thẩm quyền.

Việc quy định đã bị xử lý kỷ luật cũng được xem là đã bị xử phạt vi phạm hành chính đã vượt quá quy định của BLHS và gây bất lợi cho người phạm tội. Bởi vì, khoản 1 Điều 12 Pháp lệnh xử lý vi phạm hành chính (viết tắt là Pháp lệnh) thì “*Đối với mỗi vi phạm hành chính, cá nhân... vi phạm phải chịu một trong các hình thức xử phạt chính sau đây: a) Cảnh cáo; b) Phạt tiền*”. Bên cạnh đó, các khoản 2, 3 Điều 12 Pháp lệnh quy định việc áp dụng hình phạt bổ sung và biện pháp khắc phục hậu quả.

Ngoài ra, theo khoản 2 Điều 2 Luật xử lý vi phạm hành chính (sẽ có hiệu lực vào ngày 01/01/2013) quy định, “*xử phạt vi phạm hành chính là việc người có thẩm quyền xử phạt áp dụng hình thức xử phạt, biện pháp khắc phục hậu quả đối với cá nhân, tổ chức thực hiện hành vi vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật về xử phạt vi phạm hành chính*” và trong các hình thức xử phạt được quy định tại Điều 21 và các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại Điều 28 không quy định hình thức đã bị xử lý kỷ luật (của Điều lệnh, Điều lệ của lực lượng vũ trang nhân dân và quy định của cơ quan có thẩm quyền).

- *Áp dụng hướng dẫn tình tiết “hành hung để tẩu thoát” và chuyển hóa từ TTCTS sang tội cướp tài sản:*

Theo quy định tại mục 6 Phần I Thông tư liên tịch số 02 thì khi áp dụng tình tiết “hành hung để tẩu thoát” tại điểm đ khoản 2 Điều 138 BLHS cần chú ý với trường hợp chuyển hóa từ TTCTS sang tội cướp tài sản. Trường hợp, người phạm tội chưa chiếm đoạt được tài sản hoặc đã chiếm đoạt được tài sản, nếu bị phát hiện và bị bắt giữ hoặc bị bao vây bắt giữ thì đã có những hành vi chống trả lại người bắt giữ hoặc người bao vây bắt giữ như đánh, chém, bắn, xô ngã... nhằm tẩu thoát là trường hợp “hành hung để tẩu thoát”; nếu đã bị người bị hại hoặc người khác giành lại, mà người phạm tội tiếp tục dùng vũ lực, đe dọa dùng vũ lực ngay tức khắc tấn công người bị hại hoặc người khác nhằm chiếm đoạt cho được tài sản, thì chuyển hóa từ TTCTS thành tội cướp tài sản.

Quy định này nhằm xử lý hành vi của người phạm tội cố ý giữ tài sản chiếm đoạt mặc dù đã bị phát hiện và giữ lại tài sản. Tuy nhiên, việc áp dụng quy định này có một số vướng mắc như sau:

Một là, trường hợp người phạm tội đã chiếm đoạt được tài sản thì khoảng thời gian từ khi chiếm đoạt được đến khi bị phát hiện, bắt giữ hoặc bị bao vây bắt giữ hoặc bị giành lại là bao lâu? Trường hợp người phạm tội đã bỏ đi vài giờ thì mới bị phát hiện, có được xem xét, áp dụng tình tiết này không? Chúng tôi cho rằng, chỉ áp dụng các quy định tại mục 6 Phần I Thông tư liên tịch số 02 khi thời gian từ khi chiếm đoạt được đến khi bị phát hiện, bắt giữ hoặc bị bao vây bắt giữ hoặc bị giành lại không được kéo dài, bởi vì khi đó, tội phạm đã hoàn

thành và hành vi chống trả của người phạm tội đối với việc bị phát hiện, bắt giữ hoặc bị bao vây bắt giữ hoặc bị giành lại không còn ý nghĩa. Do đó, đề xuất một trong hai cách sau: (1) thay cụm từ “*đã chiếm đoạt được tài sản*” bằng cụm từ “*ngay sau khi chiếm đoạt tài sản*” hoặc là (2) bỏ hẳn cụm từ “*đã chiếm đoạt được tài sản*” để tránh gây khó khăn trong việc áp dụng.

Hai là, quy định tại tiểu mục 6.2 mục 6 Phần I Thông tư liên tịch số 02 gây khó hiểu bởi vì sau khi chiếm đoạt được tài sản thì người phạm tội bị giành lại tài sản thì trong trường hợp này người phạm tội dùng vũ lực, đe dọa dùng vũ lực ngay tức khắc nhằm “giữ cho được tài sản chiếm đoạt được và tẩu thoát” chứ không phải “chiếm đoạt cho được tài sản” vì hành vi chiếm đoạt đã thực hiện xong. Hơn nữa, việc sử dụng thuật ngữ “tiếp tục” dùng vũ lực, đe dọa dùng vũ lực ngay tức khắc cũng chưa phù hợp bởi vì trong TTCTS thì người phạm tội không có hành vi dùng vũ lực, đe dọa dùng vũ lực ngay tức khắc nên việc người phạm tội bị bắt giữ mà dùng vũ lực, đe dọa dùng vũ lực chỉ mới lần đầu chứ không phải lần thứ 2.

Ba là, quy định của tiểu mục 6.1 và tiểu mục 6.2 mục 6 Phần I Thông tư liên tịch số 02 gây khó khăn cho việc vận dụng. Chúng ta thấy rằng, việc chia mục 6 thành tiểu mục 6.1 và tiểu mục 6.2 thực chất là để phân biệt trường hợp người phạm tội vì sợ bị bắt giữ nên “bỏ của chạy lấy người” với trường hợp người phạm tội ngoan cố, cố tình chống trả nhằm giữ cho được tài sản mà mình chiếm đoạt được. Thực tiễn chỉ ra rằng, cả trường hợp tẩu thoát và cố giữ tài sản để tẩu thoát thì người phạm tội có thể dùng vũ lực, đe dọa dùng vũ lực ngay tức khắc. Cho nên, việc quy định có những hành vi chống trả ... như đánh, chém, bắn, xô ngã... (tiểu mục 6.1) và dùng vũ lực, đe dọa dùng vũ lực ngay tức khắc (tiểu mục 6.2) thực chất đều là hành vi dùng vũ lực, đe dọa dùng vũ lực.

Hướng dẫn tình tiết gây hậu quả nghiêm trọng, rất nghiêm trọng hoặc đặc biệt nghiêm trọng

Mục 4 Phần I Thông tư liên tịch số 02 hướng dẫn như sau, trong trường hợp tài sản bị lén lút chiếm đoạt dưới 2.000.000 đồng nếu gây hậu quả rất nghiêm trọng hoặc đặc biệt nghiêm trọng, thì cũng chỉ bị truy cứu trách nhiệm hình sự

theo khoản 1 Điều 138 BLHS, nếu không có tình tiết định khung hình phạt khác. Chúng tôi cho rằng, hướng dẫn này chưa phù hợp bởi lẽ, tiểu mục 3.4 mục 3 Phần I Thông tư liên tịch số 02 hướng dẫn các trường hợp “gây hậu quả nghiêm trọng” quy định tại khoản 1 (trường hợp tài sản chiếm đoạt dưới mức định lượng) và điểm g khoản 2 Điều 138; “gây hậu quả rất nghiêm trọng” quy định tại điểm b khoản 3 Điều 138 và “gây hậu quả đặc biệt nghiêm trọng” quy định tại điểm b khoản 4 Điều 138. Theo đó, mức độ hậu quả cho hành vi phạm tội tăng lên rất đáng kể theo mức độ là “nghiêm trọng”, “rất nghiêm trọng” hoặc “đặc biệt nghiêm trọng”.¹⁵ Chẳng hạn, nếu lấy thiệt hại về tính mạng thì thiệt hại lần lượt là làm chết 01 người, làm chết 02 người và làm chết 03 người trở lên. Tuy nhiên, các mức thiệt hại đều được đánh đồng bằng nhau khi tài sản chiếm đoạt dưới mức định lượng. (Đỗ Hùng Dũng)

Những vướng mắc trên xuất phát do pháp luật nói chung và BLHS chưa quy định chặt chẽ, không có văn bản hướng dẫn thi hành cũng như chứng cứ thu thập trong hồ sơ là chưa đầy đủ, chính xác. Các tình tiết nêu trên cần được hướng dẫn một cách thống nhất trong việc áp dụng BLHS để định tội danh tội TCTS.

2.3.3. Nguyên nhân của vi phạm, sai sót, khó khăn, hạn chế trong quyết định hình phạt đối với tội trộm cắp tài sản

* Do pháp luật hình sự chưa quy định cụ thể rõ ràng, chưa hướng dẫn thi hành pháp luật kịp thời: Hệ thống pháp luật, chính sách về kinh tế - xã hội chưa đồng bộ, còn nhiều sơ hở, thiếu sót; chế tài xử lý vi phạm (cả xử lý hành chính và xử lý hình sự) chưa đủ sức răn đe và còn nhiều bất cập. Phương thức thủ đoạn phạm tội ngày càng tinh vi trong khi hệ thống pháp luật về đấu tranh phòng, chống tội phạm còn thiếu và còn nhiều sơ hở, nhất là trong lĩnh vực phòng, chống tham nhũng, ô nhiễm môi trường, tội phạm sử dụng công nghệ cao, tội phạm có yếu tố nước ngoài. Nhiều văn bản quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành pháp luật chậm được ban hành.

¹⁵ ThS. Thái Chí Bình, Tội trộm cắp tài sản – Một số bất cập, vướng mắc và kiến nghị hoàn thiện, Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang

* Năng lực của người tiến hành tố tụng chưa đồng đều, nhận thức chưa thống nhất

* Chưa thường xuyên gắn kết xét xử với tổng kết xét xử để có được những đường lối, rút kinh nghiệm cho những lần xét xử sau.

* Chưa xây dựng được án lệ về loại tội phạm này: Nhằm giúp cho quá trình xét xử các vụ án có tính chất đặc biệt một cách dễ dàng hơn, tiết kiệm thời gian và công sức của người tiến hành tố tụng.

* Có những tác động tiêu cực của mặt trái xã hội: Là hiện trạng xảy ra khá thường xuyên, bị chi phối bởi nền kinh tế thị trường, bị đồng tiền làm mờ mắt, dần dần bị tha hóa, câu kết làm sai lệch hồ sơ vụ án, truy tố và xét xử nhẹ hơn hoặc với tội danh có mức hình phạt thấp hơn thực tế khách quan tội danh thực của người phạm tội.

* Công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật, các chủ trương, biện pháp về bảo đảm an ninh trật tự, phòng ngừa vi phạm pháp luật, phòng chống tội phạm chưa được tiến hành thường xuyên, liên tục, sâu rộng và mạnh mẽ, nội dung chưa thật sát hợp với từng loại đối tượng, địa bàn cơ sở nên hiệu quả còn nhiều hạn chế.

Tiểu kết Chương 2

Định tội danh là giai đoạn có ý nghĩa quan trọng, là tiền đề cho việc xác định khung hình phạt, quyết định khung hình phạt chính xác, đảm bảo việc xét xử đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Từ thực tiễn định tội danh và QĐHP về tội TCTS trên địa bàn huyện Đông Anh đã cho thấy tư duy nhận thức và áp dụng pháp luật. Tòa án huyện Đông Anh đã vận dụng tốt các lý luận về định tội danh vào thực tiễn để quyết định tội danh, khung hình phạt một cách chính xác, không bỏ lọt tội phạm cũng như không kết tội oan cho công dân. Bên cạnh đó, việc QĐHP cũng đảm bảo theo đúng quy định pháp luật và căn cứ vào tất cả các yếu tố như hành vi, nhân thân người phạm tội, các tính tiết tăng nặng, giảm nhẹ để đưa ra hình phạt tương ứng với hành vi mà vẫn thể hiện sự nghiêm khắc của pháp luật mà nhân đạo của nhà nước ta.

Chương 3

CÁC YÊU CẦU VÀ GIẢI PHÁP BẢO ĐẢM ÁP DỤNG ĐÚNG QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT HÌNH SỰ VIỆT NAM VỀ TỘI TRỘM CẤP TÀI SẢN

3.1. Các yêu cầu bảo đảm áp dụng đúng quy định pháp luật hình sự Việt Nam về tội trộm cắp tài sản.

3.1.1. Yêu cầu của nguyên tắc pháp chế xã hội chủ nghĩa

Trong sự phát triển kinh tế, xã hội mạnh mẽ hiện nay của cả nước nói chung, huyện Đông Anh cũng như các địa phương khác trên cả nước có những bước tiến không ngừng về mọi mặt khoa học, đời sống, kinh tế, văn hóa, xã hội. Tuy nhiên, bên cạnh sự phát triển đó là sự phát triển của tội phạm nói chung và tội TCTS nói riêng, loại tội phạm này có diễn biến giản đơn, không phức tạp như các tội phạm về kinh tế nhưng lại ẩn chứa hiểm họa sâu sắc hơn nhiều. Không có những thủ đoạn tinh vi nhưng lại ngày càng mạnh động và ảnh hưởng lớn đến trật tự trị an xã hội.

3.1.2. Yêu cầu cải cách tư pháp

Những quan điểm, chủ trương mới của Đảng về cải cách tư pháp được thể hiện trong Nghị quyết số 08/NQ-TW ngày 02 tháng 01 năm 2002 của Bộ Chính trị về một số nhiệm vụ trọng tâm công tác tư pháp trong thời gian tới (Nghị quyết số 08/NQ-TW); Nghị quyết số 48/NQ-TW ngày 24/5/2005 của Bộ Chính trị về Chiến lược xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam đến năm 2010, định hướng đến năm 2020 (Nghị quyết số 48/NQ-TW) và Nghị quyết số 49/NQ-TW ngày 02 tháng 6 năm 2005 của Bộ Chính trị về Chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020 (Nghị quyết số 49/NQ-TW).

- Theo tinh thần các Nghị quyết trên nhiều văn bản nhiều văn bản pháp luật về tổ tụng đã ban hành, sửa đổi, bổ sung hoàn thiện như Hiến pháp 2013; Luật tổ chức Tòa án nhân dân 2014, Luật tổ chức Viện kiểm sát nhân dân 2014, Luật tổ chức cơ quan điều tra 2015, BLHS 2015, BLTTHS 2015 và các đạo luật tư pháp khác... Trong đó xác định rõ và đầy đủ hơn chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền và hoàn thiện tổ chức, bộ máy các cơ quan tư pháp.

3.1.3 Yêu cầu bảo vệ quyền sở hữu tài sản hợp pháp của công dân

Nhà nước ta đã đưa ra nhiều chính sách nhằm ngăn chặn, giảm thiểu mức độ, phạm vi, hậu quả mà tội phạm gây ra đối với xã hội, ngăn chặn không để cho bất kì cá nhân nào phạm tội và chịu TNHS tuy nhiên điều đó là rất khó khăn. Công tác đấu tranh, phòng chống tội phạm nói chung và tội trộm cắp tài sản nói riêng là chủ động loại trừ nguyên nhân của nó và điều kiện phát sinh, tồn tại của tội phạm. Phòng ngừa tội phạm được coi là biện pháp hiệu quả nhất trong công cuộc duy trì trật tự, an ninh xã hội, đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của công dân trong việc sở hữu tài sản.....

3.2. Các giải pháp bảo đảm áp dụng đúng quy định pháp luật hình sự Việt Nam về tội trộm cắp tài sản

3.2.1. Hướng dẫn kịp thời và đồng bộ áp dụng BLHS 2015 và các văn bản pháp luật về tội trộm cắp tài sản

Để làm tốt quá trình áp dụng pháp luật hình sự cần phải có các hoạt động hướng dẫn áp dụng pháp luật hình sự. Hoạt động hướng dẫn áp dụng pháp luật hình sự bao gồm hoạt động ban hành văn bản hướng dẫn áp dụng pháp luật hình sự và các hoạt động khác có ý nghĩa hướng dẫn trong việc đưa các quy phạm pháp luật hình sự vào thực tiễn. Ban hành văn bản hướng dẫn áp dụng pháp luật hình sự (hay còn được gọi là ban hành văn bản quy phạm pháp luật hình sự) là hoạt động của các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền trong lĩnh vực tư pháp hình sự ban hành các văn bản có chứa đựng các nội dung nhằm thống nhất cách hiểu và cách áp dụng pháp luật hình sự trong phạm vi cụ thể khi giải quyết vụ án hình sự, hoặc có nội dung giải thích đối với các quy phạm pháp luật hình sự thiếu rõ ràng, dễ gây nhiều cách hiểu khác nhau khi đưa vào vận dụng để giải quyết vụ án hình sự trong thực tế. Việc ban hành các văn bản dưới luật hướng dẫn áp dụng pháp luật hình sự nói chung và áp dụng pháp luật trong việc xử lý đối với tội phạm tội TCTS nói riêng nhằm thống nhất cách áp dụng trong phạm vi của một ngành cụ thể, một cơ quan cụ thể hoặc của mọi cơ quan pháp luật trong phạm vi toàn quốc, chấm dứt tình trạng “sáng tạo” trong việc áp dụng pháp luật đối với các quy phạm pháp luật còn chưa cụ thể mà dẫn tới nhiều cách hiểu và cách áp dụng khác nhau.

Qua nghiên cứu, phân tích, đánh giá các quy định pháp luật cũng như thực tiễn áp dụng pháp luật của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền về tội phạm nói chung, cụ thể về TCTS nói riêng trong nhiều năm qua cho thấy một số quy định của BLHS liên quan đến tội phạm này còn thiếu thống nhất và cụ thể. Do vậy đã ảnh hưởng không nhỏ tới áp dụng pháp luật vào hoạt động điều tra, truy tố và xét xử. BLHS nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (viết tắt là BLHS năm 2015) được Quốc hội khóa XIII kỳ họp thứ 10 thông qua ngày 27/11/2015, được Chủ tịch nước công bố vào ngày 18/12/2015 và chính thức có hiệu lực từ ngày 01/7/2016 là một trong những đổi mới lớn nhất mà Nhà nước đã làm để hoàn thiện hệ thống pháp luật. BLHS 2015 mới ban hành, tuy nhiên thực tế áp dụng các quy định về tội trộm cắp tài sản còn nhiều vướng mắc như chương 1, 2 tác giả đã trình bày, vì vậy, cần có giải pháp kiến nghị hoàn thiện pháp luật để thống nhất áp dụng BLHS 2015 như sau:

Thứ nhất, bổ sung khái niệm tội trộm cắp tài sản vào trong Điều 173 BLHS sửa đổi: Có ý kiến cho rằng “tội trộm cắp tài sản là hành vi lén lút với chủ sở hữu nhằm chiếm đoạt tài sản” hay “tội TCTS được hiểu là hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản của người khác có giá trị từ hai triệu đồng trở lên hoặc dưới hai triệu đồng nhưng gây hậu quả nghiêm trọng hoặc đã bị xử phạt hành chính về hành vi chiếm đoạt hoặc đã bị kết án về tội chiếm đoạt tài sản, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm”.... Vì vậy để thống nhất khái niệm này thì cần phải đưa ra một khái niệm như thế nào là tội TCTS là một điều hết sức cần thiết. Có thể đưa khái niệm tội TCTS vào Điều 173 như sau: “Người nào chiếm đoạt tài sản của người khác một cách lén lút có giá trị từ hai triệu đồng đến dưới năm mươi triệu đồng hoặc dưới hai triệu đồng,....”

Thứ hai, Cơ quan nhà nước có thẩm quyền cần sớm ban hành quy định hướng dẫn chi tiết việc áp dụng tình tiết định khung cơ bản, định khung tăng nặng đối với tình tiết “gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội”, theo hướng quy định trong từng lĩnh vực cụ thể, mức độ, phạm vi ảnh hưởng đối với tình hình trật tự, an toàn, xã hội. Đồng thời, quy định chặt chẽ trình tự tiếp

nhận thông tin phản ánh tình hình của nhân dân về các hành vi “gây ảnh hưởng xấu đến trật tự xã hội” khi chưa bị phát hiện làm căn cứ để xử lý sau này.

Thứ ba, Dấu hiệu định tội, định khung hình phạt trong một số tội phạm được quy định tại điều 173 BLHS năm 2015, cần có sự thống nhất về đường lối xử lý tội phạm. Đồng thời quy định rõ tình tiết định khung hình phạt “tài sản là phương tiện kiếm sống chính” và các cơ sở để xác định tính chất của tài sản bị trộm cắp để khi áp dụng có thể kết luận, định tội một cách khách quan, chính xác và toàn diện.

Bên cạnh việc ban hành văn bản hướng dẫn áp dụng pháp luật hình sự, hoạt động hướng dẫn áp dụng pháp luật hình sự còn được thể hiện qua nhiều hình thức khác với nội dung nhằm giải thích và hướng dẫn cách thức vận dụng các quy phạm pháp luật hình sự vào thực tiễn. Các hoạt động hướng dẫn áp dụng pháp luật hình sự cụ thể thông thường là: tổ chức các chương trình tập huấn nghiệp vụ, các khóa đào tạo cho những người làm pháp luật; chỉ dẫn và thực hiện các đường lối giải quyết kiểu mẫu trong một số vụ án hình sự cụ thể.v.v... Những hoạt động này là hoạt động riêng lẻ của các cơ quan tư pháp cụ thể hoặc các ngành nhằm nâng cao nghiệp vụ và khả năng áp dụng pháp luật của những người thực hiện pháp luật của ngành mình, hoặc là các hoạt động trao đổi thông tin và kinh nghiệm giữa các ngành hoặc các cơ quan THTT với nhau nhằm tìm ra đường lối chung nhất để giải quyết đối với những vụ án hình sự phức tạp mà hiện vẫn còn nhiều quy phạm pháp luật hình sự hướng dẫn chưa rõ ràng hoặc chưa có hướng dẫn cụ thể.

Khi bộ luật hình sự năm 2015 ra đời, có rất nhiều thay đổi nhằm đáp ứng như cầu thực tế trong việc quản lý xã hội của Nhà nước ta. Cần thiết phải nhanh chóng hướng dẫn kịp thời và đồng bộ BLHS 2015 vào cuộc sống. Do đó, công tác hướng dẫn áp dụng pháp luật cần được triển khai kịp thời, tránh việc xử lý oan sai, bỏ lọt tội phạm hoặc cùng một điều luật, một tình tiết nhưng các cơ quan THTT lại có những cách hiểu khác nhau dẫn đến có những quyết định và hình phạt khác nhau ảnh hưởng đến bị can bị cáo.

3.2.2. Tập huấn Bộ luật hình sự, Bộ luật tố tụng hình sự và nâng cao năng lực người tiến hành tố tụng

Chất lượng xử lý tội phạm hình sự nói chung và xử lý tội phạm tội trộm cắp tài sản nói riêng của các cơ quan pháp luật phụ thuộc rất lớn vào năng lực của các cán bộ pháp luật, mà ở đây chủ yếu là những người THPT. Ngay kể cả với những quy phạm pháp luật hình sự thể hiện trình độ pháp lý cao, nhưng nếu các chủ thể áp dụng pháp luật hình sự là những người thiếu năng lực hoặc yếu kém trong việc vận dụng các quy phạm này vào giải quyết vụ án hình sự trong thực tiễn, thì việc các vụ án hình sự được giải quyết chậm chạp, thiếu chính xác hoặc thậm chí là oan sai là hoàn toàn có thể xảy ra. Trình độ, năng lực của những chủ thể áp dụng pháp luật càng yếu kém thì khả năng chậm chạp hoặc sai lầm trong giải quyết vụ án hình sự càng cao. Vì vậy để đảm bảo cho công tác giải quyết các vụ án tội phạm tội trộm cắp tài sản luôn đạt chất lượng cao, xử lý nhanh chóng, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật thì đội ngũ những người THPT luôn phải có được năng lực cao. Việc không ngừng nâng cao năng lực của những người THPT luôn là đòi hỏi mang tính liên tục. Để việc tra cứu, nâng cao năng lực của những người THPT đạt được hiệu quả cao cần phải làm tốt được những vấn đề sau:

Thứ nhất, Thường xuyên tổ chức các chương trình tập huấn, các khóa đào tạo nhằm nâng trình độ chuyên môn của những người THPT. Đây là hoạt động quan trọng nhất trong việc tra cứu và nâng cao năng lực của những người THPT. Trình độ chuyên môn của người THPT là yếu tố quan trọng nhất đồng thời là yếu tố ảnh hưởng trực tiếp tới hiệu quả của công tác xử lý tội phạm, giải quyết các vụ án hình sự trong thực tiễn. Ngành Tòa án cần tổ chức hội nghị chuyên đề hướng dẫn công tác xét xử về các tội xâm phạm sở hữu nói chung và tội trộm cắp tài sản nói riêng, đặc biệt chú ý đến vấn đề định tội danh, các căn cứ quyết định hình phạt, các nguyên tắc áp dụng hình phạt, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ TNHS để đảm bảo việc xét xử tội TCTS đúng đắn và hiệu quả. Các chương trình tập huấn hoặc các khóa đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ là hoạt động của các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền tự xây dựng và

mở ra bao gồm các khóa đào tạo, chương trình tập huấn chuyên môn của riêng các ngành, hoặc các chương trình tập huấn, đào tạo phối hợp giữa các cơ quan liên ngành; hoặc là các hoạt động trong khuôn khổ các dự án hợp tác giữa các cơ quan tư pháp trong nước với các cơ quan tư pháp quốc tế hoặc các tổ chức xã hội, tổ chức phi chính phủ nhằm hướng tới huấn luyện, đào tạo chuyên sâu các cán bộ pháp luật về một hoặc một số lĩnh vực cụ thể trong tư pháp hình sự.

Thứ hai, tiếp tục đẩy mạnh công tác tuyên truyền và giáo dục về đạo đức nghề nghiệp, chính trị tư tưởng cho các cán bộ pháp luật. Người cán bộ pháp luật nói chung và những người THPT nói riêng bên cạnh giỏi về trình độ chuyên môn còn phải là người có “đức”, thể hiện qua đạo đức nghề nghiệp. Những người THPT là những người làm việc theo pháp luật và chỉ tuân theo pháp luật, tuyệt đối không để các yếu tố vật chất hay tinh thần từ bên ngoài tác động làm ảnh hưởng tới quá trình cân nhắc và giải quyết vụ án hình sự. Bên cạnh việc tuyên truyền và giáo dục về đạo đức nghề nghiệp cho các cán bộ pháp luật, các cơ quan tư pháp nói chung và các cơ quan THPT còn phải xây dựng được bộ quy tắc ứng xử của cán bộ, nhân viên ngành mình để làm tiêu chuẩn mẫu và bắt buộc mọi người phải tuân theo. Người cán bộ pháp luật bên cạnh việc có đạo đức trong thực hiện công tác chuyên môn còn phải có đạo đức với nhân dân, tận tình chỉ bảo và hướng dẫn nhân dân; tuyệt đối không được có thái độ cửa quyền, hách dịch, sách nhiễu hoặc tham ô. Hoạt động tuyên truyền và giáo dục đạo đức nghề nghiệp cho các cán bộ pháp luật chỉ thực sự có ý nghĩa nếu những người cán bộ pháp luật đó vừa biết tiếp thu các đường lối giáo dục đạo đức của cơ quan pháp luật, vừa tự có ý thức rèn luyện đạo đức nghề nghiệp cho bản thân.

Một trong những nguyên nhân quan trọng dẫn tới việc giải quyết sai các vụ án hình sự xuất phát từ chính sai phạm của người THPT. Sai phạm của người THPT có thể xuất phát từ trình độ yếu kém của người THPT, nhưng cũng có rất nhiều trường hợp những người THPT thừa biết mình đang làm sai các quy định của pháp luật nhưng vẫn bất chấp làm vì để mưu cầu lợi ích cá nhân hoặc xuất phát từ những nguyên nhân chủ quan khác của người THPT. Nhưng dù xuất phát từ nguyên nhân nào, việc để xảy ra các sai phạm trong quá trình giải quyết vụ án

hình sự không những làm mất thời gian của cơ quan THTT khi phải giải quyết vụ án lại từ đầu mà còn làm mất uy tín của cơ quan THTT và mất lòng tin của nhân dân về hoạt động của các cơ quan THTT. Các cơ quan quản lý người THTT phải nghiêm túc xử lý đối với các trường hợp sai phạm của cán bộ cơ quan mình trong quá trình giải quyết các vụ án hình sự với nguyên tắc: sai phạm đến đâu xử lý nghiêm đến đó, tuyệt đối không dung túng, bao che cho các sai phạm đó, trong trường hợp nếu phát hiện thấy có dấu hiệu của tội phạm hình sự phải nghiêm túc điều tra và xử lý hình sự đối với cá nhân thực hiện hoặc tiếp tay cho các sai phạm đó. Việc xử lý các sai phạm của cán bộ pháp luật được thực hiện bằng nhiều cách thức tùy thuộc vào mức độ sai phạm của cán bộ đó như: khiển trách, cảnh cáo, kỷ luật, điều chuyển công tác, buộc thôi việc hoặc thôi giữ chức vụ và không loại trừ khả năng phải xử lý hình sự nếu thấy cần thiết... Nói chung, dù với bất kỳ cách thức xử lý nào cũng phải phù hợp với tính chất của sai phạm và thể hiện sự nghiêm minh của cơ quan quản lý cán bộ đó. Việc đưa ra các chế tài xử phạt nghiêm khắc đối với các sai phạm của người THTT cũng góp phần nhằm nâng cao năng lực của cán bộ áp dụng pháp luật.

Mọi hoạt động tác động bên ngoài nhằm nâng cao năng lực của các cán bộ pháp luật như đã nêu trên sẽ không thể đạt được mục đích đó nếu bản thân các cán bộ pháp luật (mà chủ yếu là những người THTT) không có ý thức tuân thủ. Ý thức trách nhiệm của người THTT có mối quan hệ nhân quả mật thiết tới năng lực của người THTT. Người có ý thức trách nhiệm cao trong công việc là người sẽ không muốn để xảy ra sai lầm trong công việc của mình, do vậy sẽ phải tự nâng cao năng lực của bản thân nhằm tránh gặp phải những sai lầm này. Việc tự nâng cao năng lực của bản thân các cán bộ pháp luật – trên cơ sở được Nhà nước trang bị đầy đủ những kiến thức và trình độ, năng lực cơ bản trong việc giải quyết các quan hệ pháp luật hình sự - là hoạt động riêng của mỗi cá nhân, phụ thuộc vào ý thức của mỗi cá nhân người cán bộ pháp luật, thường được diễn ra bằng các cách thức sau: Luôn có ý thức tự rèn luyện, nâng cao năng lực chuyên môn của mình bằng cách nghiên cứu các tài liệu chuyên ngành phục vụ cho công việc, cập nhật các văn bản quy phạm pháp luật hình sự và các văn bản hướng dẫn

áp dụng pháp luật hình sự mới nhất. Bên cạnh đó còn thường xuyên trao đổi những vướng mắc hoặc các vấn đề có liên quan trong công việc với những người làm công tác pháp luật khác. Không ngừng hoàn thiện tác phong và đạo đức nghề nghiệp của bản thân, tận tình với nhân dân và đồng nghiệp, lắng nghe ý kiến và chấp hành mệnh lệnh của cấp trên, đồng thời kiên quyết đấu tranh với các biểu hiện tiêu cực và các hoạt động cũng như các nhận thức sai lầm của những người THTT hoặc của cơ quan THTT. Thực hiện lối sống lành mạnh, nêu cao tinh thần trách nhiệm, cần kiệm liêm chính.

3.2.3. Cải cách thủ tục tiến hành tố tụng, đảm bảo nguyên tắc độc lập xét xử

Nghiên cứu sửa đổi các thủ tục tố tụng trong giải quyết một vụ án hình sự theo hướng: rút gọn các thủ tục THTT; loại bỏ các thủ tục rườm rà, phức tạp, gây khó khăn cho việc giải quyết vụ án và gây phiền hà cho người dân tiếp cận công lý; bên cạnh đó cũng đồng thời bổ sung các thủ tục nhằm đảm bảo quá trình THTT và tham gia tố tụng được thuận lợi và nhanh chóng.

Ngoài ra, trong giai đoạn hội nhập với quốc tế hiện nay, các quy định tố tụng hình sự rút gọn nói chung không những phải thích nghi với các cơ quan THTT và công dân trong nước mà còn phải đảm bảo việc thích nghi và không trái với các quy định của các công ước, điều ước quốc tế mà Việt Nam tham gia là thành viên, hoặc các văn kiện đa quốc gia trong đó có Việt Nam trong phạm vi khu vực hoặc trên toàn thế giới.¹⁶

Theo từ điển Black's Law thì án lệ được hiểu như sau: “Án lệ là việc làm luật của tòa án khi công nhận và áp dụng các quy tắc mới trong quá trình xét xử”; “Vụ việc đã được giải quyết làm cơ sở để đưa ra phán quyết cho những trường hợp có tình tiết hoặc vấn đề tương tự sau này”. Ở nhiều quốc gia trên thế giới, án lệ đã được áp dụng từ lâu, có những quốc gia coi án lệ là nguồn luật thứ cấp định hướng chính trong quá trình giải quyết các vụ án như Pháp, Đức là các quốc gia theo trường phái “the civil law system”. Ở Việt Nam, án lệ mới được áp dụng trong thời gian ngắn trở lại đây, tuy chưa chứng minh được giá trị sử dụng

¹⁶ Bùi Mạnh Trung, Tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác theo pháp luật hình sự Việt Nam từ thực tiễn tỉnh Quảng Ninh, Hà Nội, 2016.

nhưng sẽ rất quan trọng trong tương lai khi nguồn án lệ được mở rộng. Khi giải quyết vụ án theo án lệ, chắc chắn rằng những người tiến hành tố tụng sẽ hoạt động độc lập hơn so với trước kia bởi việc giải quyết một vụ án đã rất rõ ràng, không chịu tác động bởi một bên thứ hai.

3.2.4. Tổng kết thực tiễn áp dụng pháp luật hình sự

Tổng kết thực tiễn áp dụng pháp luật hình sự là hoạt động của các cơ quan pháp luật (trong đó chủ yếu là các cơ quan THTT) tổng hợp kinh nghiệm giải quyết vụ án hình sự, tổng hợp việc áp dụng pháp luật hình sự trong hệ thống các cơ quan THTT theo những chủ đề nhất định và trong một khoảng thời gian nhất định. Thông thường đây là hoạt động diễn ra trong nội bộ cơ quan và nội bộ của ngành hoặc giữa các cơ quan liên ngành với nhau theo khoảng thời gian mang tính chu kỳ và cách đều đặn (như hàng tháng, hàng quý, hàng năm, hoặc theo năm công tác theo quy định của ngành đó). Đây cũng có thể là hoạt động giữa các cơ quan THTT trong nước với các cơ quan THTT quốc tế (đặc biệt là với các nước láng giềng) được diễn ra nhằm tổng kết thực tiễn áp dụng pháp luật hình sự giữa các quốc gia sau những khoảng thời gian nhất định cùng phối hợp trong công tác giải quyết các vụ án hình sự.

Trong hoạt động tổng kết thực tiễn áp dụng pháp luật hình sự, các chủ thể tham gia tổng kết tiến hành nêu lên các kết quả và thành tựu đạt được trong quá trình áp dụng các quy phạm pháp luật vào giải quyết vụ án hình sự trong thực tiễn như: nêu lên tình hình tội phạm và vi phạm pháp luật; nêu lên các vụ án tiêu biểu; các đường lối xử lý vụ án hình sự đúng đắn và nhanh chóng; các văn bản thực hiện quyền tư pháp của Nhà nước (như bản án, quyết định...) có tính mẫu mực và chính xác cao nhằm tuyên dương đồng thời làm tấm gương, tiêu chí để các chủ thể khác học tập và noi theo; các kết quả cụ thể trong công tác phối hợp liên ngành giữa các cơ quan hoặc phối hợp giữa các quốc gia trong quá trình đấu tranh phòng chống tội phạm nói chung hoặc đối với một tội (một nhóm tội) cụ thể.v.v...

Bên cạnh việc nêu lên các kết quả và thành tựu đạt được, các chủ thể tham gia hoạt động tổng kết thực tiễn áp dụng pháp luật hình sự còn nêu lên những sai

lầm, vướng mắc trong hoạt động áp dụng các quy phạm pháp luật vào thực tiễn giải quyết vụ án hình sự như: nêu lên các vụ án oan sai hoặc các vụ án có đường lối giải quyết sai lầm, chưa đúng đắn; các văn bản áp dụng pháp luật hình sự được ban hành không đúng thẩm quyền hoặc lựa chọn sai quy định của pháp luật để áp dụng trong giải quyết vụ án hình sự hoặc áp dụng không đúng đối tượng; hoặc các vụ án hình sự quá thời hạn giải quyết theo quy định của pháp luật.v.v...

Hoàn thiện pháp luật hình sự nói chung luôn là hoạt động cần phải có do các quy phạm pháp luật hình sự không phải lúc nào cũng phù hợp với thực tế xã hội, khi xã hội ngày càng có nhiều biến đổi thì các quy phạm pháp luật hình sự cũng cần sửa đổi để phù hợp với sự biến đổi đó. Trong công tác hoàn thiện pháp luật hình sự đó, hoạt động tổng kết thực tiễn áp dụng pháp luật hình sự có ý nghĩa rất lớn. Việc tổng kết thực tiễn áp dụng pháp luật hình sự giúp phản ánh được những vấn đề chưa phù hợp của các quy phạm pháp luật hình sự khi áp dụng vào thực tiễn, qua đó nhà làm luật sẽ phân tích và đánh giá nguyên nhân dẫn đến sự chưa phù hợp đó để đưa ra các giải pháp sửa đổi các quy phạm pháp luật hình sự sao cho tính phù hợp của các quy phạm pháp luật này đối với thực tế được nâng cao hơn, đảm bảo tính khả thi cao của các quy phạm pháp luật hình sự khi được đưa vào vận dụng để giải quyết vụ án hình sự.¹⁷

3.2.5. Nâng cao chất lượng cơ sở vật chất

Nâng cao chất lượng cơ sở vật chất của các cơ quan pháp luật, đặc biệt là các trang thiết bị có ý nghĩa phục vụ cho công tác của những người THPT khi giải quyết các vụ án hình sự. Đảm bảo cơ sở vật chất, trang thiết bị, phương tiện làm việc cho các tòa án; thay thế các trang thiết bị lạc hậu bằng những trang thiết bị hiện đại; tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin để kịp thời cập nhật các văn bản pháp luật mới trong hoạt động của tòa án, điều này có ý nghĩa không chỉ giúp cho việc giải quyết một vụ án hình sự đạt được độ chính xác cao mà còn nhằm làm rút ngắn thời gian hoàn thành quá trình giải quyết ở mỗi giai đoạn của các cơ quan THPT, rút ngắn tổng thể thời gian giải quyết một vụ án hình sự.

¹⁷ Bùi Mạnh Trung, Tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác theo pháp luật hình sự Việt Nam từ thực tiễn tỉnh Quảng Ninh, Hà Nội, 2016.

Tiêu kết Chương 3

Chương 3 của luận văn tập trung đi sâu phân tích các yêu cầu và giải pháp nâng cao chất lượng xét xử các vụ án đối với tội TCTS trong đó đưa ra 6 vấn đề để nâng cao chất lượng xét xử loại tội phạm này. Thứ nhất là hướng dẫn kịp thời và đồng bộ áp dụng BLHS 2015 và các văn bản pháp luật về tội TCTS, thứ hai là tập huấn Bộ luật hình sự, Bộ luật tố tụng hình sự và nâng cao năng lực người tiến hành tố tụng, thứ ba là cải cách thủ tục tiến hành tố tụng, thứ tư là tổng kết thực tiễn áp dụng pháp luật hình sự, thứ năm là xây dựng án lệ và bảo đảm nguyên tắc độc lập xét xử, thứ sáu là nâng cao chất lượng cơ sở vật chất. Đây là các yêu cầu và giải pháp cấp thiết, phù hợp trong quá trình phát triển của xã hội và pháp luật, phù hợp với sự ra đời của bộ luật hình sự năm 2015.

KẾT LUẬN

Qua những số liệu đưa ra trong luận văn cũng như tình hình thực tế tại huyện Đông Anh, có thể thấy rằng các tội phạm xâm phạm quyền sở hữu ngày càng có chiều hướng gia tăng và diễn biến phức tạp. Tội TCTS cũng như các tội phạm khác trong chương 13 BLHS vẫn là nỗi lo lắng của các cấp chính quyền và cơ quan an ninh huyện Đông Anh.

Trước tình hình phát triển của tội phạm tội TCTS, yêu cầu đặt ra đối với không chỉ các cơ quan pháp luật của huyện Đông Anh mà còn là đối với các nhà nghiên cứu pháp luật hình sự cũng như toàn thể nhân dân là phải tìm ra các biện pháp nhằm hướng tới loại bỏ loại tội phạm này ra khỏi đời sống xã hội. Vì vậy việc nghiên cứu các nội dung lý luận của tội TCTS và thực tiễn hoạt động xử lý loại tội phạm này trên địa bàn huyện Đông Anh là cần thiết, có ý nghĩa đóng góp những giá trị lý luận và thực tiễn giúp cho các cơ quan pháp luật của huyện Đông Anh và cả các cơ quan pháp luật của các địa phương khác trên cả nước có thêm những kiến thức, những kinh nghiệm trong công tác đấu tranh phòng, chống và xử lý loại tội phạm này.

Với ý nghĩa tìm hiểu các nội dung pháp lý của tội TCTS nhằm làm tiền đề cho việc áp dụng các quy phạm pháp luật hình sự vào xử lý hình sự đối với loại tội phạm này trên địa bàn huyện Đông Anh nói riêng và trên cả nước nói chung, luận văn đã sử dụng nhiều phương pháp nghiên cứu khoa học chuyên ngành để làm rõ các nội dung pháp lý của tội danh này trên nhiều khía cạnh cơ bản bao gồm: khái niệm, các dấu hiệu nhận biết các dấu hiệu cơ bản và dấu hiệu định khung tăng nặng hình phạt của tội danh, phân biệt tội danh với một số tội danh khác để gây nhầm lẫn, quá trình xây dựng và phát triển của các quy định của pháp luật về tội danh qua các thời kỳ lịch sử lập pháp, các vấn đề pháp lý cơ bản về định tội danh và QĐHP đối với tội danh.

Trên cơ sở lý luận vững chắc về các nội dung pháp lý của tội TCTS được làm rõ, luận văn đi vào phân tích việc vận dụng các quy phạm pháp luật hình sự và các nội dung pháp lý của tội danh trong hoạt động thực tiễn xét xử tội TCTS

trên địa bàn huyện Đông Anh, thể hiện qua hai hoạt động là hoạt động định tội danh và hoạt động QĐHP. Từ việc đối chiếu thực tiễn hoạt động định tội danh và hoạt động QĐHP của các cơ quan THTT huyện Đông Anh với các quy phạm pháp luật hình sự hiện có và các nội dung lý luận, trên cơ sở tính cấp thiết của yêu cầu xử lý loại tội phạm này trong giai đoạn hiện nay, luận văn chỉ ra những vấn đề còn tồn tại, vướng mắc, bất cập trong hai hoạt động này và đề xuất những kiến nghị liên quan tới việc hoàn thiện hệ thống pháp luật và hoạt động áp dụng pháp luật, nâng cao năng lực của cán bộ pháp luật và ý thức pháp luật của cộng đồng... nhằm nâng cao hiệu quả áp dụng các quy phạm pháp luật hình sự vào xử lý loại tội phạm này trên thực tiễn.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bản án hình sự sơ thẩm số: 78/2017/HSST, Ngày 24/6/2017 của TAND huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội.
2. Bản án hình sự sơ thẩm số: 24/2013/HSST Ngày 06/3/2013 của TAND huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội.
3. Bản án hình sự sơ thẩm số: 256/2013/HSST ngày 29/11/2013 của TAND huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội.
4. Bản án hình sự sơ thẩm số: 122/2017/HSST ngày 16/9/2017 của TAND huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội.
5. Bản án hình sự sơ thẩm số: 22/2018/HSST ngày 16/3/2018 của TAND huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội.
6. Bộ chính trị, Nghị quyết số 08-NQ/TW ngày 02/01/2002 về một số nhiệm vụ trọng tâm trong công tác tư pháp thời gian tới.
7. Bộ chính trị, Nghị quyết số 49-NQ/TW ngày 02/6/2005 về chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020.
8. Lê Cẩm (2002), *Giáo trình luật hình sự Việt Nam (một số vấn đề chung về định tội danh)*, Nxb Đại học luật Hà Nội, Hà Nội.
9. Chính phủ (1945), Sắc lệnh số 47 ngày 10/10/1945.
10. Chính phủ (1955), Sắc lệnh số 12 ngày 12/03/1949 quy định trừng trị các hành vi trộm cắp vật dụng nhà binh trong thời bình và thời kỳ chiến tranh;
11. Sắc lệnh số 267 ngày 15/06/1958 trừng trị những âm mưu và hành động phá hoại tài sản của nhà nước, của hợp tác xã và của nhân dân, làm cản trở việc thực hiện chính sách kế hoạch của Nhà nước về xây dựng kinh tế và văn hóa.
12. Chính phủ (1976), Sắc lệnh số 03 của Chính phủ cách mạng lâm thời miền Nam Việt Nam.
13. Pháp lệnh trừng trị các tội xâm phạm tài sản XHCN và pháp lệnh trừng trị các tội xâm phạm tài sản riêng của công dân được Ủy ban thường vụ Quốc hội thông qua ngày 21/10/1970

14. Nguyễn Ngọc Hòa (2001), *Mô hình luật hình sự Việt Nam*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.
15. Nguyễn Ngọc Hòa (2004), *Giáo trình luật hình sự Việt Nam*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.
16. Nguyễn Ngọc Hòa và Lê Thị Sơn (2006), *Tự điển pháp luật hình sự*, Nxb Tư pháp, Hà Nội.
17. HĐTP Tòa án nhân dân tối cao, Nghị quyết số 01/1989/NQ-HĐTP ngày 19/4/1989.
18. HĐTP Tòa án nhân dân tối cao, Nghị quyết số 01/2000/NQ-HĐTP ngày 04/8/2000.
19. 21. HĐTP Tòa án nhân dân tối cao, Nghị quyết số 01/2006/NQ-HĐTP ngày 12/5/2006.
20. HĐTP Tòa án nhân dân tối cao, Nghị quyết số 02/1988/NQ-HĐTP ngày 10/11/1988.
21. HĐTP Tòa án nhân dân tối cao, Nghị quyết số 02/2003/NQ-HĐTP ngày 17/4/2003.
22. HĐTP Tòa án nhân dân tối cao, Nghị quyết số 04/1986/NQ-HĐTP ngày 19/11/1986.
23. Dương Tuyết Miên (2007), *Định tội danh và QĐHP*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.
24. Đinh Văn Quế (2006), *Bình luận khoa học BLHS năm 1999 – Phần riêng*, Nxb thành phố Hồ Chí Minh.
25. Đinh Văn Quế (2006), *Bình luận khoa học BLHS năm 1999 – Phần chung*, Nxb thành phố Hồ Chí Minh.
26. Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, BLHS năm 1999, Nxb chính trị quốc gia.
27. Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2003, Nxb Chính trị quốc gia.
28. Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, Hiến pháp năm 2013, Nxb Chính trị quốc gia.

29. Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, Luật giám định tư pháp số 13/2012/QH13 ngày 20/6/2012.
30. Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2013.
31. Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, Nghị quyết số 32/1999/NQ-UBTVQH10, ngày 21/12/1999 về thi hành BLHS.
32. Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, Luật di sản văn hóa 2001
33. Bùi Quang Thạch (2002), *Bàn về một số tình tiết tăng nặng TNHS được bổ sung ở khoản 1 Điều 48 BLHS năm 1999*, Tạp chí kiểm sát.
34. Vũ Xuân Thu (2003), *Góp phần làm rõ hơn các khái niệm Tội phạm có tổ chức*, Tạp chí kiểm sát
35. Tòa án nhân dân Tối cao (1979), *Hệ thống hóa luật lệ về hình sự*, Tập 1 (1945-1974), Hà Nội.
36. Tòa án nhân dân tối cao, Công văn số 03/TATC, ngày 22/10/1987.
37. Tòa án nhân dân tối cao, Công văn số 140/KHXX, ngày 11/12/1998.
38. Trường Đại học luật Hà Nội (2008), *Giáo trình Luật hình sự Việt Nam*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.
39. Võ Khánh Vinh (2012), *Xã hội học pháp luật – Những vấn đề cơ bản*, Nxb khoa học xã hội, Hà Nội.
40. Võ Khánh Vinh (2012), *Xã hội học pháp luật – Những vấn đề cơ bản*, Nxb khoa học xã hội, Hà Nội.
41. Võ Khánh Vinh (Chủ biên), *Giáo trình Luật hình sự Việt Nam – Phần các tội phạm*, Nxb khoa học xã hội, Hà Nội.
42. Võ Khánh Vinh (Chủ biên), *Giáo trình Luật hình sự Việt Nam – Phần chung*, Nxb khoa học xã hội, Hà Nội.
43. Võ Khánh Vinh, *Lý luận chung về định tội danh*, Nxb khoa học xã hội, Hà Nội
44. Nguyễn Như Ý, Đỗ Xuân Việt, Phan Xuân Thành, 2006, Từ điển tiếng Việt căn bản, Nxb. Thanh Niên, tr.377.

45. Lê Cẩm (1989), “Về bản chất pháp lý của quy phạm nguyên tắc quyết định hình phạt tại Điều 37 BLHS Việt Nam”, Tòa án nhân dân.
46. Báo cáo Kết quả tổng kết thực tiễn thi hành Bộ luật hình sự Số: 35/BC-BTP của Bộ Tư pháp ngày 12 tháng 02 năm 2015.
47. Viện Ngôn ngữ học (2003), Từ điển Tiếng Việt, NXB Đà Nẵng, trang 118.
48. Bùi Mạnh Trung, Tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác theo pháp luật hình sự Việt Nam từ thực tiễn tỉnh Quảng Ninh, Hà Nội, 2016.
49. Ths. Thái Chí Bình , Tội trộm cắp tài sản - một số vấn đề lý luận và thực tiễn- Tòa án nhân dân Tp. Châu Đốc, tỉnh An Giang;
50. Phạm Văn Beo, 2010, Luật Hình sự Việt Nam, quyển 2, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.221.
51. Nguyễn Như Ý, Đỗ Xuân Việt, Phan Xuân Thành, 2006, Từ điển tiếng Việt căn bản, Nxb. Thanh Niên, tr.377

Các trang web:

1. <https://luathinhsu.wordpress.com/2009/11/02/dinh-toi-danh-toi-trom-cap-tai-san-qua-mot-so-dau-hieu-dac-trung/>
2. <http://moj.gov.vn/qt/tintuc/Pages/nghien-cuu-trao-doi.aspx?ItemID=2078;>
3. <http://www.lamdong.gov.vn/viVN/a/vks/nghienvukiemsat/huongdannghienvu/Pages/cong%2016.5.18.aspx>